

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

**TRANG PHỤC CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ
DÂN TỘC THÁI HUYỆN THƯỜNG XUÂN (THANH HÓA)**

Chuyên ngành: LỊCH SỬ VIỆT NAM

Mã số: 60.22.54

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

**Người hướng dẫn khoa học:
TS. HOÀNG NGỌC LA**

THÁI NGUYÊN 9 - 2007

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

**TRANG PHỤC CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ
DÂN TỘC THÁI HUYỆN THƯỜNG XUÂN (THANH HÓA)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

THÁI NGUYÊN 9 - 2007

LỜI CẢM ƠN

Qua quá trình làm luận văn, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Hoàng Ngọc La đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành công trình nghiên cứu này

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Ban chủ nhiệm khoa Lịch sử và các Thầy cô giáo, cán bộ khoa Lịch sử đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu trường Trung học cơ sở Mỹ Tân, Tổ bộ môn xã hội đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn UBND tỉnh Thanh Hóa, Thư viện tỉnh Thanh Hóa - phòng địa chí Thanh Hóa. UBND huyện Thường Xuân, Phòng văn hóa thông tin huyện, các xã Xuân Chinh, Xuân Lộc, Ngọc Phụng, Xuân Cẩm, Luận Thành, Thị trấn Thường Xuân..., các già làng, trưởng bản và các gia đình đã giúp đỡ tôi trong quá trình đi thực tế ở địa phương.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự động viên khích lệ của gia đình, bạn bè và đồng nghiệp trong suốt thời gian làm luận văn.

Tác giả luận văn

Nguyễn Đại Đồng

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

Viết là	Đọc là
ĐHKHXH & NV	Đại học khoa học xã hội và nhân văn
ĐHQG	Đại học quốc gia
HN	Hà Nội
H	Hà Nội
VHDG	Văn hóa giáo dục
VHTT	Văn hóa thông tin
NXB	Nhà xuất bản
T1	Tập 1
T2	Tập 2
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực chưa có ai công bố.

Tác giả

Nguyễn Đại Đồng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Dân tộc Thái có dân số khá đông trong bản danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam. Theo số liệu thống kê ngày 1 - 4 - 1999, dân số tộc người Thái trong cả nước là 1.200.000 người, trong đó người Thái Thanh Hoá chiếm 209.806 người, bằng 21% dân số người Thái trong cả nước [64; tr60]. Người Thái ở Thanh Hoá sinh sống tập trung ở khu vực miền núi phía tây nam gồm các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hoá, Thường Xuân, Bá Thước, Lang Chánh, Như Xuân và một số huyện đồng bằng, ven biển như Triệu Sơn, Tĩnh Gia...Tộc người Thái gồm hai ngành là Thái đen và Thái trắng cư trú phân tán ở nhiều địa phương tạo nên những sắc thái văn hoá phong phú và đa dạng.

Văn hoá Tày - Thái là một trong nền văn hoá có lịch sử lâu đời ở khu vực Đông Nam Á. Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu dân tộc Thái không chỉ là vấn đề đặt ra cho mỗi quốc gia, mà nó còn trở thành đề tài được nhiều hội nghị khoa học về Thái được thế giới quan tâm. Một trong những giá trị văn hoá mang đặc trưng tộc người của cộng đồng Thái được nghiên cứu quan tâm đó là trang phục.

Do phân bố trên địa bàn rộng, định cư ở các sườn núi và bồn địa giữa núi, văn hoá Thái chịu ảnh hưởng của nhiều luồng văn hoá từ nhiều hướng khác nhau trong quá trình cộng cư với các dân tộc lân cận. Điều đó dẫn đến sự khác biệt giữa các nhóm địa phương vốn có chung một nguồn gốc. Vì vậy, muốn nghiên cứu toàn diện và có hệ thống văn hoá Thái không chỉ nghiên cứu riêng nhóm Thái ở một nơi mà phải chú ý nghiên cứu ở một số nơi khác. Nhóm Thái ở Thường Xuân - Thanh Hoá đang còn bảo lưu được nhiều yếu tố văn hoá truyền thống của tộc người. Nếu như các ngành Thái ở Tây Bắc nước

ta được giới nghiên cứu quan tâm và đi sâu vào nghiên cứu thì nhóm Thái ở huyện Thường Xuân chưa được nghiên cứu đúng mức. Vì vậy, việc nghiên cứu trang phục Thái ở Thường Xuân là một việc làm có tính cấp thiết. Việc nghiên cứu này sẽ góp phần gìn giữ và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của tộc người Thái ở Thanh Hoá.

1.2. Tìm hiểu về trang phục nhóm Thái Thường Xuân Thanh Hoá là giải mã những dung lượng thông tin của văn hoá Thái “*ẩn chứa bên trong nó*”- đó là cuộc sống gần cuộc sống gần gũi của đồng bào Thái với thiên nhiên (điều này được thể hiện trên các hoa văn của trang phục phụ nữ Thái, nó thể hiện sự quan sát tinh tế của người phụ nữ Thái trong cuộc sống), là một trong những con đường giúp chúng ta dựng lại cuộc sống cổ truyền của người Thái. Vì vậy, qua nghiên cứu trang phục của người Thái Thường Xuân Thanh Hoá, chúng ta sẽ có cơ sở để hiểu biết sâu sắc và đầy đủ hơn sắc thái văn hoá mang tính địa phương của cộng đồng người Thái Việt Nam nơi đây.

1.3. Việc nghiên cứu trang phục của nhóm Thái Thường Xuân còn giúp cho chúng ta có thể dựng nên bức tranh về trang phục của phụ nữ Thái thường sử dụng trong đời sống xã hội, tạo cơ sở cho các bảo tàng có thêm nguồn tư liệu tham khảo khi lập bảo tàng trưng bày về trang phục.

1.4. Với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ, những sản phẩm của nền kinh tế thị trường như quần áo may sẵn, vải vóc các loại...đang hàng ngày hàng giờ len lỏi vào từng hang cùng ngõ hẻm của núi rừng và đang có nguy cơ cuốn đi những giá trị văn hoá truyền thống của nhiều tộc người, trong đó có người Thái Thường Xuân. Chính vì thế, việc nghiên cứu về trang phục cổ truyền của người phụ nữ Thái Thường Xuân còn nhằm góp phần sưu tầm, gìn giữ và giới thiệu trang phục của người Thái trong bộ sưu tập trang phục truyền thống của 54 tộc người Việt Nam. Đây là một việc làm cần thiết.

1.5. Trang phục của người Thái ở Thanh Hoá là một khoảng trống trong nghiên cứu cơ bản và trong hoạt động phục vụ nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử địa phương hay tộc người. Vì vậy, việc sưu tầm, trưng bày để giới thiệu với công chúng về những giá trị độc đáo của trang phục người Thái Thường Xuân là một yêu cầu cấp thiết cần được triển khai để nhằm giúp cho mọi người có thêm hiểu biết về tính đa dạng trong văn hoá Thái của nước ta. Năm 1998, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khoá VIII đã họp và thông qua nghị quyết “*Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*”. Tại hội nghị này, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ ra những yếu kém và sự tụt hậu trong sự phát triển văn hoá dân tộc ở nước ta trong thời gian qua, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ, quan điểm phát triển văn hoá trong thời gian tới. Nghị quyết cũng chỉ rõ “...*Hết sức coi trọng bảo tồn, thừa kế, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống (bác học và dân gian), văn hoá cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể*...”. Xuất phát từ những nhận thức trên, tôi đã chọn đề tài: “*Trang phục cổ truyền của người phụ nữ dân tộc Thái huyện Thường Xuân (Thanh Hoá)*” làm đề tài luận văn Thạc sĩ.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Ở Thanh Hoá, nhóm Thái Thường Xuân là một trong những nhóm Thái tiêu biểu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về người Thái ở đây chưa được quan tâm đúng mức. Từ trước đến nay hầu như chưa có công trình chuyên khảo nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về văn hoá Thái Thường Xuân. chỉ có một số công trình viết về Thái Tây bắc có nhắc đến người Thái Thanh Hoá, nhưng chỉ dừng ở mức độ so sánh, liên hệ một cách sơ lược. Tuy nhiên trong những năm gần đây đã có một số bài viết, đề tài khoá luận tìm hiểu về người Thái Thường Xuân nói riêng và người Thái Thanh Hoá nói chung. Đề tài: “*Đôi nét về nông nghiệp ruộng nước của người Thái ở xã Vạn*

xuân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hoá” của sinh viên Tô Sỹ Hoà. “*Sơ bộ về khảo sát ma chay cổ truyền của dân tộc Thái ở tỉnh Thanh Hoá*” của sinh viên Lê Thị Thanh. “*Những chuyển biến của người Thái xã Bát Mọt, Thường Xuân, Thanh Hoá từ sau cách mạng tháng 8/1945 đến nay*” của sinh viên Nguyễn Xuân Hồng. “*Tín ngưỡng dân gian của người Thái ở huyện Thường Xuân - Thanh Hoá*” của sinh viên Lê Huy Duy hay đề tài “*Tìm hiểu các tục lệ cưới xin của người Thái ở xã Xuân lệ - huyện Thường Xuân - Tỉnh Thanh Hoá*” của sinh viên Hoàng Thị Ánh hoặc gần đây nhất có công trình nghiên cứu khoa học và đạt giải ba cấp bộ của Cẩm Bá Phụng - sinh viên khoa văn trường Đại học Hồng Đức Thanh Hoá với đề tài: *Tìm hiểu văn hoá ẩm thực và trang phục của dân tộc Thái Thanh Hoá*. Vào năm 2001, tác giả Vương Anh đã cho ra đời tác phẩm: *Tiếp cận văn hoá bản Thái xứ Thanh*. Trong tác phẩm này, tác giả đã có những bài viết về nét đẹp trên trang phục của người Thái Thường Xuân như bài : *Hoa văn trên sản phẩm dệt thêu Thái; Hoa văn Thái huyện Thường Xuân; Kút piêu với vị thế nét đẹp tài hoa dệt thêu...* Ngoài ra, GS.TS Lê Sỹ Giáo cũng có những bài nghiên cứu về văn hoá Thái Thường Xuân.

Những công trình trên có ít nhiều nghiên cứu về một số mặt của văn hoá Thường Xuân, nhưng chưa đi sâu vào nghiên cứu có hệ thống về trang phục của người phụ nữ Thái Thường Xuân. Tuy nhiên, đây là những tài liệu tham khảo quý báu, tạo điều kiện, cơ sở cho tôi nghiên cứu đề tài: *Trang phục cổ truyền của người phụ nữ dân tộc Thái huyện Thường Xuân (Thanh Hoá)*.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu, nhiệm vụ của đề tài

3.1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài đi sâu vào nghiên cứu các loại trang phục của phụ nữ Thái trong đời sống xã hội như trong sinh hoạt ngày thường, ngày lễ tết, trong ngày cưới và trong tang ma, đồng thời đề tài đi sâu vào

nghiên cứu những đặc trưng nghệ thuật trên trang phục nhằm khám phá nét đẹp trên trang phục của phụ nữ Thái Thường Xuân (Thanh Hoá).

- Phạm vi nghiên cứu: Do điều kiện chưa cho phép, nên luận văn nghiên cứu của tôi chỉ giới hạn trong phạm vi người Thái trong huyện Thường Xuân - Tỉnh Thanh Hoá.

3.2. Nhiệm vụ đề tài

Từ việc xác định đối tượng nghiên cứu, luận văn đi sâu vào nghiên cứu các loại trang phục, quá trình sản xuất ra trang phục và các đặc trưng nghệ thuật trên trang phục của người phụ nữ Thái Thường Xuân xứ Thanh.

4. Nguồn tư liệu, phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tư liệu

Quá trình nghiên cứu đề tài này, chúng tôi đã sử dụng 2 nguồn tư liệu:

- Tư liệu thành văn: các văn kiện của đại hội Đảng, những bài viết trên sách, báo, các khoá luận tốt nghiệp về: tình hình kinh tế của huyện Thường Xuân; văn hóa dân gian; các tục lệ cưới xin; văn hoá ẩm thực và trang phục của dân tộc Thái; Hoa văn trên sản phẩm thêu dệt của dân tộc Thái Thường Xuân và những báo cáo của huyện Thường Xuân về: dân số các tộc người trong huyện; mật độ dân số trong huyện; diện tích đất đai (đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất ở); tình hình văn hoá trong huyện.

- Tư liệu điền dã: Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã lấy tư liệu do đồng bào Thái cung cấp, từ những mẹ, những chị em phụ nữ và những chú, bác ở Thường Xuân. Ngoài ra, chúng tôi còn trực tiếp quan sát quá trình dệt vải, may, thêu.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin: Đây là phương pháp được xem là cơ sở lý luận trong sự nhìn nhận đề tài, xử lý nội dung và cấu trúc luận văn.

- Phương pháp lịch sử: để nghiên cứu về trang phục người Thái Thường Xuân dưới góc độ lịch sử.

- Phương pháp điền dã: phương pháp này được xem là công cụ cơ bản trong thu thập khai thác các thông tin văn hoá, kỹ thuật, mỹ thuật, vật chất tinh thần... tiềm ẩn bên trong trang phục của phụ nữ Thái Thường Xuân.

- Phương pháp tổng hợp, hệ thống, phân tích. Các phương pháp này được áp dụng trong việc xử lý các thông tin được khai thác từ các mẹ, bác, chú để trình bày trong luận văn.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu, đo đạc, khảo tả. Những phương pháp này được áp dụng để xử lý các thông tin nhằm tìm ra các nét văn hoá trang phục tương đồng, khác biệt trong hai ngành Thái đen và Thái trắng Thường Xuân.

5. Đóng góp của luận văn

Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu và giới thiệu một cách có hệ thống và đầy đủ nhất về trang phục của phụ nữ Thái ở Thường Xuân (Thanh Hoá) và những giá trị văn hoá thông qua đặc trưng nghệ thuật trong trang phục

Luận văn còn góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá trong trang phục truyền thống của phụ nữ Thái.

Đem lại nguồn tư liệu cho các nhà nghiên cứu khoa học xã hội và làm nghệ thuật, các nhà tạo mẫu thời trang hiện nay, các nhà hoạch định chính sách quản lý văn hoá.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục. Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. *Khái quát về huyện Thường Xuân (Thanh Hoá)*

Chương 2. *Trang phục cổ truyền của người phụ nữ dân tộc Thái huyện Thường Xuân (Thanh Hoá) trong đời sống xã hội*

Chương 3. *Đặc trưng nghệ thuật trong trang phục cổ truyền của người phụ nữ Thái Thường Xuân (Thanh Hoá)*

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN THƯỜNG XUÂN (THANH HOÁ)

1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên - xã hội

1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Thường Xuân là một huyện miền núi của tỉnh Thanh Hoá. Thời dựng nước, Thường Xuân là một vùng đất thuộc bộ Cửu Chân. Huyện được thành lập năm 1837 (năm Minh Mạng thứ 18), Sách *Đại nam thống chí* ghi rằng: “*Năm Minh Mạng thứ 18 trích lấy đất huyện Thọ Xuân, đất tổng Luận Khê huyện Lôì Dương và đất tổng Như Lăng huyện Nông Cống đặt nên Châu Thường tức huyện Thường Xuân ngày nay*”.

Ngày nay Thường Xuân là 1 trong 12 huyện miền núi của tỉnh Thanh Hoá. Thường Xuân nằm ở phía tây của tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hoá hơn 57 km theo quốc lộ 47. Phía bắc huyện Thường Xuân giáp huyện Ngọc Lặc và Lang Chánh, phía nam giáp huyện Như Xuân và huyện Quế Phong (Nghệ An), phía Tây giáp huyện Sầm Sơn (thuộc tỉnh Hòa Bình - Nước cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), phía đông giáp huyện Thọ Xuân.

Thường Xuân là một miền đất cổ ẩn chứa nhiều tiềm năng kinh tế nông nghiệp và khoáng sản. Ở vào vùng nhiệt đới gió mùa nên thời tiết vừa thuận lợi lại vừa vô cùng khắc nghiệt, nắng nóng vào mùa hạ, rét buốt vào mùa đông, mưa lụt về mùa thu và khô hạn về mùa đông - xuân.

Núi đồi Thường Xuân thuộc hệ thống dãy Trường Sơn, chạy từ Thượng Lào xuống, địa hình thấp dần về phía đông nam. Những ngọn núi cao hùng vĩ của tỉnh Thanh Hoá chủ yếu tập trung ở đây. Ngọn Bù Rinh cao 1291m, ngọn Bù Gió cao 1.200m, ngọn Tà Leo cao 1.700m (cao nhất Thanh Hoá). Trên những ngọn núi cao và hiểm trở này hầu như quanh năm có mây mù và rét lạnh. Quế là sản vật đặc biệt của Bù Rinh và Tà Leo. Đây là loại quế tốt nổi

tiếng trong nước và thế giới. Trong dân gian có câu : “*Thứ nhất Bù Rộc thứ nhì Bù Kha, thứ ba Bù Gió*” để phân biệt loại quế tốt của vùng này.

Thường Xuân có ba con sông lớn là sông Chu, sông Đát, sông Khao và nhiều khe suối dọc ngang có nước chảy quanh năm. Từ xưa đồng bào Thái đã sử dụng hệ thống sông suối để dẫn nước canh tác nông nghiệp, khai thác lâm thổ sản, giao lưu hàng hoá với đồng bào miền xuôi.

Xưa kia đường bộ đi lại hết sức khó khăn, chủ yếu đồng bào phải đi theo các sông suối hoặc men theo các con đường mòn trên núi, cuộc sống hầu như biệt lập trong các thung lũng. Ngày nay giao thông đã có sự thay đổi, tuyến đường đi Bái Thượng - Thanh Hoá nối liền đường Bái Thượng đi biên giới Việt - Lào. Đường 15 xuyên qua các xã phía đông huyện vào huyện Như Xuân hay đi tỉnh Nghệ An và nối liền với các tỉnh phía nam, nối liền các xã trong vùng. Do vậy việc giao lưu kinh tế - văn hoá khá phát triển.

Do được hưởng sự ưu đãi của thiên nhiên nên đã tạo ra cho đồng bào một nền kinh tế tự cung tự cấp. Trên nền tảng kinh tế đó, các ngành thủ công ra đời và phát triển cung cấp cho nhu cầu ăn mặc của đồng bào. Điều kiện đất đai, giống cây trồng ở đây rất phù hợp để người Thái trồng bông, trồng chàm, trồng dâu, nuôi tằm, tạo nguồn nguyên liệu cho làm trang phục. Các loại cây cỏ làm thuốc nhuộm đủ màu sắc trong thiên nhiên cũng rất sẵn có. Do những đặc điểm trên mà mỗi gia đình người Thái ở đây đều có thể tự mình trồng bông dệt vải, tự cung cấp vải vóc cho nhu cầu mặc trong gia đình.

Vùng núi Thường Xuân còn là vùng có cảnh quan rất đẹp. Dòng sông Chu, sông Đát, sông Khao và hàng trăm con suối nước trong xanh uốn khúc quanh co, chảy len lỏi qua các chân núi đá dựng đứng có những nhánh cây soi bóng nước, hoặc ngày đêm đổ ào ào qua những ghềnh thác trắng xoá. Thác Trai Gái ở Xuân Lẹ, hồ nước thơ mộng ở Xuân Chinh hay sông nước vùng cửa Đát với đền thờ bà chúa Liễu, Cầm Bá Thước nằm cheo veo vách núi, bậc

đá lên xuống vòng vèo như rắn lượn... là những phong cảnh đẹp nổi tiếng của Thường Xuân. Cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp hùng vĩ đó đã được người Thái Thường Xuân khái quát hoá thành những hình tượng nghệ thuật phong phú, độc đáo trên trang phục. Đó chính là sự phản ánh tâm tư tình cảm sâu lắng, lòng yêu quê hương đất nước, sự rung động trước thiên nhiên của người phụ nữ Thái Thường Xuân.

1.1.2. Điều kiện xã hội

Trong huyện có ba tộc người Thái - Việt - Mường cùng sinh sống, trong đó dân số người Thái chiếm 82%, người Việt chiếm 13% và người Mường chiếm 5% (1989) [66]. Trừ một số người Việt và Mường thì cư dân người Thái ở đây định cư tập trung theo các dòng suối. Nghề làm lúa nước và làm rẫy là nghề chính của đồng bào. Theo số liệu thống kê ngày 31 - 12 - 1997, tổng diện tích đất tự nhiên trong huyện là 111.040ha (chiếm 10% diện tích toàn tỉnh). Trong đó: Đất nông nghiệp 7.472,48ha; Đất lâm nghiệp 47.704,10ha; Đất chuyên dùng 1.227,95ha; Đất ở 773,53ha; Đất chưa sử dụng 53.861,94ha [63; tr453]. Mật độ dân số trong toàn huyện là 40 người/km². Trong đó vùng cao (5 xã) là 17 người/ km², vùng giữa (5 xã) là 36 người/ km² và vùng thấp (9 xã) là 30 người/km² [66].

Về nguồn gốc người Thái trong huyện: thế kỷ XI, sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* mới chép về một cộng đồng Thái tộc: *một cộng đồng người gọi là Ngưu Hống, họ có chữ viết như chữ của người Ai Lao, một cư dân thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, bộ tộc này được coi là tổ tiên của người Thái hiện nay* [15; tr6]. Nhưng theo cuốn “*Quấm Tố mươn*” (Kể chuyện bản Mường) thì thời kỳ Xam - Xen - Tây, một ông vua nổi tiếng của nước Lào (1393-1415) hay ông vua Lê Thái Tổ ở nước ta (1418-1433) cho rằng : ở miền Tây Bắc Việt Nam đã có 15-16 đời tù trưởng trị vì. Bộ phận này tập trung đông nhất ở mường Then (tức Điện Biên Phủ ngày nay) một bộ phận

Thái ở Mường Then đã tản về cư trú ở miền núi Thanh Hoá và Nghệ An. Nhưng cũng mãi đến thế kỷ XIV-XV khi Lê Lợi chọn nơi đây làm địa bàn cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thì người Thái mới thực sự chiếm đa số ở vùng này [15; tr6]. Như vậy, tuy không phải tất cả các cộng đồng Thái ở Thường Xuân đều có mặt ở địa bàn này sớm như ở Mường Then, nhưng cũng không phải mãi đến thế kỷ XI -XII con người mới có mặt ở đây. Trên địa bàn Thường Xuân đã phát hiện một hang ở Bát Mọt và một vài hang nhỏ ở xã Vạn Xuân có dấu vết hoạt động của con người từ thời kỳ văn hoá Hoà Bình, cách ngày nay một vạn năm và cũng tìm thấy một vài chiếc trống đồng.

Người Thái Thường Xuân với hai ngành Thái trắng và Thái đen chung sống bên nhau rất thuận hoà. Họ cư trú trên cùng một mảnh đất xen kẽ bên nhau và cùng quan hệ làm ăn, quan hệ hôn nhân với nhau. Tuy nhiên hai ngành Thái đều tự hào về những sắc thái văn hoá riêng của mình. Trong quá trình sinh sống họ chịu ảnh hưởng và tiếp thu văn hoá của nhau.

1.2. Dân số, tên gọi, ngôn ngữ và chữ viết của người Thái Thường Xuân (Thanh Hoá)

1.2.1. Dân số

Theo các nhà nghiên cứu cho rằng: Người Thái Thanh Hoá có bộ phận đã ở lâu đời nhưng cũng có bộ phận mới đến và ngày càng được bổ sung các nguồn từ Tây Bắc xuống, từ Lào sang và cả người Mường, người Kinh nhập vào [60; tr1]. Theo tổng điều tra dân số (1.4.1989) người Thái cả nước có trên 1.040.548 người. Năm 2000 cả nước có trên 2 triệu người. Riêng ở Thanh Hoá theo thống kê có trên 200.000 người, chiếm 39 % dân tộc thiểu số [66]. Riêng trong huyện Thường Xuân, số liệu điều tra 1- 4 - 1999, dân số trong toàn huyện là 86.633 người. Mật độ dân số là 81,7 người km² [5; tr214]. Hiện nay Thanh Hoá có hơn 200.000 người Thái (chiếm 1/6 tổng dân số Thái Việt Nam) sinh sống ở các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hoá,

Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh và một số ít sống xen kẽ với các tộc người khác ở các huyện trung du và đồng bằng (Triệu Sơn, Nông Cống, Tĩnh Gia, Thọ Xuân) [8; tr168 - 169].

1.2.2. Tên gọi

Đặc điểm chung về cách gọi tên của người Thái ở Thanh Hoá là tên gọi theo các mường mà họ đang sinh sống. Mường là thuật ngữ xã hội của các dân tộc nói tiếng Thái. Cho tới thời Minh Mạng (1791 - 1840) vào năm 1834 chủ trương đổi tên gọi này theo tên gọi chung cho các xã, tổng, châu, phủ...theo thể chế hành chính thống nhất toàn quốc. Theo kết quả nghiên cứu của một số nhà khoa học thì xã hội người Thái xưa có Mường lớn tương đương châu, phủ. Mường lớn trước năm 1945, ở Thanh Hoá còn tới 37 mường của người Thái. Các mường lớn là mường Chiềng Vạn (ở Thường Xuân), Mường Cà Da (ở Quan Hoá), Mường Khoòng (thuộc Bá Thước)... Người dân ở đây tự gọi mình là Tày Ca, Tày Khoòng, Tày Chiềng Vạn (Tày là người dân). Đối lại với mường trong có mường ngoài là đơn vị hành chính ngang cấp, do các mường nhỏ hợp lại, mường nhỏ có lý sở của châu mường gọi là mường cuống tức mường trong.

Tuy ở các mường khác nhau nhưng những người Thái ở Thanh Hoá tự xếp mình vào các nhóm địa phương, mỗi khi họ cần phải giới thiệu về mình hoặc đi ra khỏi địa bàn cư trú.

Theo các tác giả Ngô Đức Thịnh và Cầm Trọng: ở miền Tây Thanh Hoá có hai ngành Thái: Ngành Thái đen (Táy đăm) và ngành Thái trắng (Tày dọ)

Theo Lê Sỹ Giáo, nhóm Tày dọ ở Thanh Hoá và nhóm Tày mường ở Nghệ An chỉ là một. Nhóm này (Tày Mường ở Kỳ Sơn Nghệ An) tự gọi mình là người Thái trắng. Nhóm Tày mường (ngành trắng) gần gũi với nhóm Tày Thanh (ngành đen) ở Nghệ An và tự nhận mình là người Thái đen. Nhóm tự gọi phân bố ở các huyện Quan Sơn, Quan Hoá, Mường Lát, Bá Thước, Lang

Chánh. Nhóm Tày dọ tập trung ở các huyện Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh [8; tr169].

Người Thái ở Thanh Hoá có mối quan hệ chặt chẽ với người Thái ở Nghệ An và người Thái của vùng Tây Bắc và cả người Thái ở Lào.

1.2.3. Ngôn ngữ và chữ viết

1.2.3.1. Ngôn ngữ

Người Thái nói ngôn ngữ Tày - Thái cùng trong ngữ hệ Nam Á với các nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Mèo - Dao, Môn - Khơ Me.

Tiếng Thái cổ là một ngôn ngữ khá phát triển, trước năm 1945 nó được sử dụng như một tiếng phổ thông. Tiếng Thái có cấu tạo ngữ pháp giống như tiếng Việt, phù hợp với tư duy chung của các dân tộc trong khu vực và vốn từ vựng dồi dào, phong phú.

1.2.3.2. Chữ viết

Chữ viết của người Thái ở Việt Nam nói chung và Thường Xuân nói riêng đã được sử dụng lâu đời trong cộng đồng người nói tiếng Thái. Chữ Thái cổ hiện nay còn lưu giữ trong các cuốn sách viết trên giấy bản, trên vải, lá cọ, thanh tre, các tờ văn bản ghi chép về văn học, lịch sử, gia phả, thần phả, cúng tế, khế ước vay mượn, văn tự giao đất... Trước đây việc học và dạy chữ Thái được thực hiện theo phương pháp dân gian không có trường lớp. Người ta hay nói ai thông minh chỉ cần thấp hết ba bó đóm là học xong chữ Thái. Một trong những nguyên nhân làm cho chữ Thái dễ học và dễ dùng là vì chữ Thái là loại chữ ghi âm, ghép vần tạo tiếng, chỉ có 18 cặp ghi phụ âm, thành 36 con chữ. Tuy chữ Thái có từ lâu đời và tồn tại cho đến ngày nay nhưng ở các vùng người Thái Thường Xuân được ít người quan tâm đến vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Do đó cần động viên và khuyến khích con em dân tộc Thái cũng như những người yêu thích chữ Thái học tập, rèn luyện để bảo tồn một nét đẹp trong kho tàng văn hoá các dân tộc Việt Nam.

1.3. Một số nét văn hoá tiêu biểu của người Thái Thường Xuân (Thanh Hoá)

Bản Thái không chỉ là một cộng đồng kinh tế mà còn là một cộng đồng văn hoá, ở đây diễn ra các sinh hoạt văn hoá đa dạng, phong phú, là nơi lưu giữ những truyền thống văn hoá quý báu ngàn đời của cha ông để lại.

1.3.1. Khắp Thái

Như mọi dân tộc khác sinh sống trên dải đất Việt này, người Thái cũng có những làn điệu dân ca trữ tình, êm dịu và sâu lắng. Tiếng hát được cất lên trong lao động sản xuất, ngày lễ, ngày tết, tiếng hát do một người hoặc do nhiều người hát đối đáp. Bằng tiếng hát họ muốn nói lên niềm sâu lắng của tâm hồn mình phản ánh ước mơ, hy vọng về cuộc sống, tủi nhục cay đắng mà con người phải gánh chịu.

Hát giao duyên có thể diễn ra trong lúc đi nương, đi rẫy trong các đám cưới, mừng nhà mới, bên chĩnh rượu cần ở đó trai gái nói chuyện vui đùa kết giao bạn bè và mời nhau về nhà chuốc rượu hát cho đến khi nào mặt trời mọc mới tan cuộc.

Qua nghiên cứu tôi phát hiện ra một điều thú vị là các họa tiết hoa văn, màu sắc, tên trang phục và tên các món ăn, đến cách chế biến các món ăn truyền thống... xuất hiện như một chất liệu nghệ thuật đặc sắc trong các câu hát (khắp) của người Thái:

Em hái bông dệt vải

Em thêu thành váy hoa váy rộng

Em nhớ anh lắm, em trở thành người nhà anh rồi.

1.3.2. Các lễ hội

Bên cạnh các làn điệu dân ca, ca dao người Thái còn tổ chức các nhiều lễ tục trò chơi khác nhau trong các dịp khác nhau. Sinh hoạt văn hoá ngày xuân có các trò chơi ném còn, nhảy sạp, kéo co, đánh đu... cùng với các

làn điệu giao duyên (khấp báo xáo) đó là những sinh hoạt văn hoá mang tính chất cộng đồng lành mạnh. Thông qua các hoạt động đó mà ngày xuân bản Thái bớt phần tẻ nhạt, đơn điệu. Trai gái trong bản, trong mường có dịp quen biết, kết bạn và yêu nhau thành vợ thành chồng. Qua đó tình đoàn kết giữa bản, mường ngày một củng cố bền chặt hơn.

Bước đầu sưu tầm, khảo sát, chúng tôi thấy trong một năm người Thái Thường Xuân Thanh Hoá thường tổ chức một số lễ tục, trò chơi như: Kin chiêng boóc mạy, Lễ hội chá chiêng, Lễ cầu mường, Hội cầu mưa, Lễ hội xíp xí (14/7), Hội ném còn, Tục Xuôi nả pí mớ (Rửa mặt đầu năm), Làm vía, Tục ở rể và lễ cưới, Chơi Hạng khuống, Khua luống (quánh loãng)...

Trên cơ sở những trò chơi, lễ tục khác nhau người Thái đặt ra yêu cầu đối với các món ăn và trang phục khác nhau. Sự đa dạng, phong phú về ẩm thực và trang phục của dân tộc Thái còn mang ý nghĩa:

Mỗi một lễ tục có các món ăn khác nhau, cách chế biến, bày trí khác nhau thể hiện tín ngưỡng, quan niệm thẩm mỹ của họ.

Sự đa dạng của lễ hội, lễ tục, ngày tết người Thái lựa chọn các bộ trang phục khác nhau phục vụ cho các sự kiện đó như: Trang phục ngày thường, trang phục lễ hội, cưới xin, ma chay, ... điều đặc sắc ở chỗ mỗi một bộ trang phục là một công trình nghệ thuật độc đáo.

Tiểu kết chương 1: Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên - xã hội ở vùng miền núi phía Tây xứ Thanh, vừa thuận lợi vừa khó khăn đã tạo nên cho con người Thái ở đây có những nét văn hoá riêng, độc đáo. Ngoài dân số người Thái sinh sống ở đây thì tên gọi ngôn ngữ và chữ viết của đồng bào Thái Thường Xuân đã được tác giả nêu rõ. Ngoài ra, về mặt văn hóa tinh thần là khấp Thái và các lễ tục, trò chơi cũng được tác giả miêu tả những nét cơ bản trong sinh hoạt của cư dân Thái nơi đây. Với những thuận lợi và khó khăn ở vùng miền núi này đã tạo nên một nền văn hóa độc đáo của cư dân miền núi Thường Xuân xứ Thanh.

CHƯƠNG 2

TRANG PHỤC CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ DÂN TỘC THÁI HUYỆN THƯỜNG XUÂN (THANH HOÁ) TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

2.1. Quan niệm về trang phục

2.1.1. Quan niệm

Trong di sản văn hoá nhân loại, ngày nay các nhà khoa học phân ra làm hai loại: văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể. Lâu nay trang phục được xếp vào loại văn hoá vật chất. Thông qua văn hoá vật chất người ta có thể nhận biết những yếu tố tinh thần và xã hội được nó biểu hiện và phản ánh.

Ở Thường Xuân nói riêng và trong cả nước nói chung, người Thái được phân chia thành hai ngành là Thái trắng và Thái đen. Lý giải về sự phân chia hai ngành Thái đen và Thái trắng là vấn đề được tranh cãi khá sôi nổi và có nhiều cách giải thích khác nhau. Nhưng đến nay nhiều nhà nghiên cứu nghiêng về quan điểm dựa vào tiêu chí trang phục để phân biệt người Thái đen và Thái trắng và tạm chấp nhận cách giải thích là do sắc phục ăn mặc khác nhau. Cụ thể, Thái trắng thích mặc sắc phục trắng và Thái đen thích mặc sắc phục đen. Cách giải thích này có vẻ hợp lý với lối ăn mặc còn tồn tại đến ngày nay của phụ nữ Thái là thích ăn mặc áo đen hoặc áo trắng (trang phục nam của hai ngành Thái là cơ bản giống nhau). Ở Thường Xuân là nơi cư trú của hai ngành Thái trắng và Thái đen. Ý thức của sự phân chia này có nhưng không rõ ràng lắm, chúng tôi cho rằng do hai ngành Thái trắng và Thái đen ở đây sống xen kẽ với nhau nên hàng ngày hàng giờ chịu ảnh hưởng lẫn nhau về văn hoá. Do hai bên có quan hệ hôn nhân, bố là Thái trắng và mẹ là Thái đen hoặc ngược lại nên sự phân biệt “*đen trắng*” là mờ nhạt đến mức có

người không biết mình thuộc ngành nào nữa cho đúng. Cùng một nhà có khi có cả hai thành phần Thái trắng và Thái đen. Từ việc sản xuất đến sử dụng y phục, trang sức...trong một gia đình có hai thành phần (Thái trắng và Thái đen) cũng không phân biệt. Hai xã Xuân Chinh và Xuân Lộc có hai ngành Thái cùng sinh sống, có sự hoà hợp trong sản xuất, đời sống sinh hoạt văn hoá cộng đồng và trong hôn nhân. Do vậy sự biểu hiện khác nhau về trang phục là rất khó phân biệt, nói cách khác về phương diện văn hoá vật chất biểu hiện trong trang phục đã có sự giao thoa. Xong có lẽ là do ý thức tự giác của tộc người nên đến hôm nay đi sâu vào tìm hiểu trang phục của hai ngành Thái, chúng tôi vẫn còn tìm được những nét khá đặc trưng, riêng biệt vốn có của cả hai ngành.

- Khác nhau về kiểu áo và màu áo:

Chiếc áo truyền thống của phụ nữ Thái trắng là loại áo ngắn xẻ ngực, màu áo trắng hoặc màu sáng. Ngày nay dùng vải dệt kim nên màu sắc áo có phong phú hơn, nhưng phụ nữ Thái trắng vẫn chọn các màu trắng, màu hồng, màu trắng phớt xanh... chứ không bao giờ dùng màu đen.

Kiểu áo truyền thống của Thái đen là áo ngắn chui đầu, màu xám hoặc màu đen nhưng họ lại dùng cả hai loại áo xẻ ngực, màu trắng của bên Thái trắng (tuy hơi ít). Có lẽ người phụ nữ Thái đen bị chinh phục bởi kiểu áo xẻ ngực duyên dáng, dễ sử dụng với sắc màu phong phú, sạch sẽ trang nhã, nổi bật lên trên màu chàm chiếc váy của người Thái trắng. Do đó khi thấy một phụ nữ mặc áo chui đầu màu đen thì chúng ta có thể khẳng định đó không phải là Thái trắng. Nhưng đến khi thấy một phụ nữ mặc áo xẻ ngực màu trắng thì có hai khả năng một là phụ nữ Thái trắng hai là phụ nữ Thái đen. Để bù lại sự mập mờ trên chiếc áo thì chiếc váy lại có vẻ phân biệt khá rạch ròi giữa phụ nữ Thái trắng và Thái đen.

- Khác nhau về chủng loại váy

Phụ nữ Thái trắng mặc loại váy có tên là “*xin tin*”, loại chỉ thêu hoa văn phần chân váy, loại váy này chiếm 98%. Một số ít các bà già mặc “xin mục” do con dâu Thái đen làm tặng trong ngày cưới.

Phụ nữ Thái đen có tới ba loại váy: Xin đàn là váy nền chàm, dệt sọc ngang chạy khắp thân váy. Xin mục là váy nền chàm đen, hoa văn hình học, hình hoa nhỏ cách điệu nối tiếp nhau tạo thành hàng sọc chạy vòng khắp thân váy. Váy xin cỏ có màu nền chàm, hoa văn chéo hình trám, trông xa như những hạt mưa lớn đang rơi rải khắp toàn bộ thân váy.

Phụ nữ Thái đen không bao giờ có và mặc loại “*xin tin*” của Thái trắng. Hơn nữa váy của Thái đen hoàn toàn vắng bóng các loại hoa văn hình động thực vật, mặt trời, mặt trăng, là những hoa văn xuất hiện phổ biến trên váy Thái trắng.

Khi mặc váy phần thừa của váy thường được phụ nữ Thái gấp sang bên hông hoặc gấp vào giữa mép, gấp lật sang trái hoặc sang phải. Cách mặc này không biểu hiện sự khác nhau hay phân biệt Thái đen, Thái trắng như nhiều người lầm tưởng. Điều đó tùy theo ý thích, thói quen của từng người hoặc tùy nơi tùy lúc mà họ có kiểu gấp khác nhau. Nhưng kiểu thắt lưng khi mặc váy của phụ nữ, hai ngành có sự phân biệt khác nhau. Phụ nữ Thái trắng bao giờ cũng thắt lưng xuống phía dưới, phần đầu váy cuộn tròn, đầu thừa của thắt lưng được giấu đi trông gọn gàng, chắc chắn và đẹp mắt. Kiểu thắt này để lộ ra phần trắng đen của cặp chiếc váy lót mặc trong. Còn phụ nữ Thái đen lại quấn thắt lưng đè kín phần cặp váy cuộn tròn lại cho không thấy được đầu váy nữa và phần thừa của thắt lưng vắt ngược lên giắt vào cặp váy trông như một nút buộc.

Qua sự so sánh trên chúng ta có thể nói rằng màu sắc, cách trang trí và cách mặc áo váy là một tiêu chuẩn quan trọng nhất và tương đối chính xác để phân biệt Thái trắng, Thái đen ở Thường Xuân.

2.1.2. Các thành tố trang phục của người phụ nữ

Trang phục của người Thái Thường Xuân bao gồm các yếu tố y phục (váy, áo, khăn piêu, thắt lưng...) và các đồ trang sức (vòng tay, vòng tai, vòng cổ, xà tích...). Tuy nhiên khi nhìn nhận một cách cụ thể thì mỗi dân tộc lại có quy ước riêng về các loại trang sức. Có dân tộc trang sức chỉ đơn thuần là hoa tai, vòng cổ, vòng tay, vòng chân, xà tích..., có dân tộc thì các vòng tua trên đầu, dải chỉ trên áo, đồng xu trên yếm, bông tua trên khăn cũng được coi là trang sức. Đặc biệt ở một số dân tộc, đồ trang sức còn được tính thêm một số đồ dùng cá nhân như túi đựng trà, túi vải đeo cạnh sườn, chiếc giỏ đan bằng mây tre, chiếc bao dao xinh xinh... bởi những thứ đồ dùng đó luôn gắn liền với mỗi người, là những đồ dùng thiết yếu mọi nơi, mọi lúc và nó có tác dụng làm tăng thêm vẻ đẹp cho người sử dụng.

2.1.2.1. Trang phục của phụ nữ Thái trắng

Y phục: y phục của phụ nữ Thái trắng Thường Xuân bao gồm: khăn đội đầu, áo, váy và thắt lưng (xay eo).

- Khăn đội đầu (piêu) (hình vẽ 1a, 1b): phụ nữ Thái trắng có 4 loại khăn, trong đó có hai loại dùng đội để làm đẹp cho mình, một loại để người chủ tang đội và một loại dùng để quấn đầu cho người chết.

Loại khăn thứ nhất: khăn hình chữ nhật, có chiều dài khoảng 1,5m và rộng khoảng 30cm. Chất liệu của khăn làm bằng vải bông sợi, nhuộm màu chàm. Khăn chia làm 3 phần và trang trí ở hai đầu khăn theo chiều dọc. Hoa văn thêu ở hai đầu khăn là loại hoa văn “ta leo” sáu cánh, hoa văn hình cây. Khăn đội trên đầu để làm đẹp và che mưa che gió. Khăn chỉ bỏ ra khi trong gia đình có tang.

Loại khăn thứ hai: Khăn hình chữ nhật, dài khoảng 1,5m và rộng khoảng 30cm. Khăn nhuộm chàm, hoa văn được thêu ở hai đầu khăn. Hoa văn được thêu chủ yếu là hoa văn hình ông trăng làm chủ đạo, các hoa sam với màu vàng bé xíu được tô điểm xung quanh.

Loại khăn thứ ba: khăn tang dùng cho chủ tang. Khăn hình chữ nhật, dài khoảng 1,2m và rộng 25cm. Khăn vẫn giữ màu trắng của vải bông sợi, không thêu hoa văn.

Loại khăn thứ tư: khăn đội đầu của người chết được dùng quấn đầu cho người chết. Khăn hình chữ nhật, dài 1,2m và rộng 25cm. Hoa văn được thêu ở hai đầu khăn nhưng thêu đơn giản chứ không cầu kỳ.

- Áo (hình vẽ 2a, 2b, 2c): với phụ nữ Thái trắng, chiếc áo mặc của họ có bốn loại gồm: áo che vú (xửa hỏm nôm), áo ngắn (xưa côm), áo dài (xưa luôm) và chiếc áo “*xam*”.

Áo che vú (xửa hỏm nôm): chiếc áo này được làm bằng chất liệu vải sợi bông. Áo khoét cổ chui đầu, thân áo dài 50cm, không có tay áo, cắt sát nách. áo vẫn để nguyên màu trắng của vải sợi bông. Công dụng của chiếc áo là dùng để mặc ở trong che phần ngực và bụng.

Áo ngắn (xưa côm): chất liệu của áo bằng vải sợi bông. Áo được cắt may theo dạng là áo cổ tròn, xẻ ngực, thân áo ngắn này chỉ dài từ 25 - 30cm, ống tay áo dài chắp ở khuỷ tay may bó vừa ống tay tròn. Cổ áo được trang trí bằng viền màu đỏ, hai túi áo nhỏ ở hai tà áo, khung bằng nhựa, áo được nhuộm màu xanh. Áo này mặc ở ngoài để che phần trên cơ thể từ cổ xuống ngang ngực, thân áo ngắn ôm vừa người mặc và dài chấm đến cạp váy. Ngày xưa thì chiếc áo này được may bằng vải tự dệt, khâu bằng tay. Ngày nay áo được may bằng vải dệt kim, may tay hoặc may bằng máy khâu.

Áo dài (xưa luôm): chất liệu áo được dệt bằng bông vải sợi. Đây là chiếc áo năm thân dài 1m, cổ áo khoét tròn, xẻ ngực, không cúc, tay áo dài chắp ở khuỷ tay. Áo không thêu hoa văn, màu áo được nhuộm màu chàm. Áo này chỉ dùng mặc ngoài cho phụ nữ chết hoặc con dâu mặc để tung quả còn làm ma cho bố chồng.

Áo xam: chất liệu của áo bằng vải bông sợi. Áo được xẻ ngực, nẹp áo không có khung, thân áo dài sát đầu gối, tay áo dài chắp ở khuỷu tay. Áo được trang trí theo hình thức là vạt áo xẻ thành các tua vải, áo vẫn giữ màu trắng. Áo này dùng cho người chủ tang mặc.

- Váy (xỉn) (hình vẽ 3a, 3b, 3c): Váy là một tấm vải lớn được ghép lại từ bốn tấm vải con có khổ vải 40cm, kích thước to nhỏ và dài ngắn của váy tùy theo từng người, váy được dùng để che nửa cơ thể từ thắt lưng xuống đến cổ chân hoặc gót chân. Phụ nữ Thái trắng Thường Xuân rất phong phú về váy mặc với nhiều loại như: váy rồng (xỉn luông), váy hươu (xỉn quảng), váy con voi (xỉn chang), váy mặt trời (xỉn na phà), váy mặc trong (xỉn non) hoặc váy mặc cho người chết hay váy tang của nữ.

Váy rồng (xỉn luông): chất liệu của váy bằng vải sợi bông, váy kín hình ống. Váy được làm từ bốn mảnh vải khổ 40cm chắp lại, váy dài trên dưới 90cm. Các đường ghép được khâu vắt cho mềm và không lộ đường giáp. Váy chia làm ba phần: cạp váy, thân váy và chân váy. Cạp váy thường được làm bằng một mảnh vải hẹp hơn thân váy một chút và khác màu với váy rồi can vào thân váy, chiều cao của cạp váy trên 10cm. Người Thái gọi cạp váy là đầu váy (hua xỉn) để phân biệt với chân váy. Chân váy có chiều cao khoảng trên 20cm (chiếm 1/4 chiều dài của váy), chân váy bao giờ cũng rời với thân váy và chỉ khi chân váy được thêu, trang trí xong thì người ta mới may lại với thân váy. Về màu sắc và trang trí của váy thì cạp váy thường được trang trí bằng màu trắng hoặc màu đỏ, thân váy màu chàm đen còn chân váy được thêu bốn con rồng làm chủ đạo, các hoa văn phụ là các hình chữ thập đứt nét xen kẽ nhau.

Váy hươu (xỉn quảng): chất liệu của váy bằng bông vải sợi. Váy được làm từ bốn mảnh vải khổ 40cm chắp lại tạo thành váy kín hình ống. Váy chia làm ba phần: cạp váy, thân váy và chân váy (chân váy rời). Về nghệ thuật trang trí trên váy: cạp váy có màu trắng, thân váy được nhuộm màu chàm đen,

chân váy thêu hình năm con hươu làm hoa văn chủ đạo, hoa văn phụ gồm có hoa rau sam và hoa đào...

Váy con voi (xỉn chang): chất liệu của váy bằng bông vải sợi. Váy được tạo thành từ bốn mảnh vải chắp lại tạo nên chiếc váy kín hình ống. Váy được chia làm ba phần gồm cạp váy, thân váy và chân váy. Chân váy thì tách rời với thân váy. Cách trang trí trên váy, cạp váy màu trắng, thân váy nhuộm màu chàm đen còn chân váy thì thêu hoa văn hình con voi làm hoa văn chủ đạo, hoa văn phụ gồm hoa đào, hoa rau sam và hoa văn hình học.

Váy mặt trời (xỉn na phà): chất liệu của váy bằng vải sợi bông. Váy được làm từ bốn mảnh vải chắp lại tạo thành chiếc váy kín hình ống, váy được chia làm ba phần là cạp váy, thân váy và chân váy (chân váy rời). Nghệ thuật trang trí trên váy được thể hiện đa dạng, cạp váy màu trắng, thân váy nhuộm màu chàm đen, chân váy thêu tám hình mặt trời mười hai tia. Hoa văn phụ của váy là các hình tam giác nhỏ, hình quả trám.

Váy mặc trong (váy ngủ): chất liệu của váy bằng vải sợi bông. Váy lót mặc trong về hình dáng giống hệt như váy mặc ngoài nhưng nó được may bé hơn một và ngắn hơn khoảng 10cm để khi mặc vào trong không cộm và lộ gấu váy ra ngoài. Váy liền không phân chia cạp và thân váy. Váy không nhuộm màu mà vẫn giữ màu trắng, trên váy có dệt các đường viền màu đỏ chạy vòng quanh thân váy. Váy này thường mặc bên trong và mặc khi đi ngủ. Sở dĩ phụ nữ Thái Thường Xuân mặc thêm chiếc váy này để mặc trong là do khi dùng sợi bông dệt vải bằng phương pháp thủ công thì những mảnh vải này sẽ rất thưa và nhìn kỹ tấm vải từ bên này sẽ thấy sang bên kia. Vì thế, để việc ăn mặc của mình được kín đáo nên các cô gái Thái đã làm ra chiếc váy mặc bên trong, váy mặc trong thường không thêu thùa cầu kỳ như váy mặc bên ngoài.

Váy mặc cho người chết: váy được làm từ chất liệu sợi bông. Váy được tạo thành từ bốn mảnh vải chắp lại thành váy kín hình ống. Váy gồm có cạp váy, thân váy và chân váy. Về trang trí hoa văn màu sắc trên váy thì cạp váy màu trắng, thân váy nhuộm màu chàm đen, chân váy thêu hoa văn động thực vật phong phú. Với loại váy này thì váy phải chưa được sử dụng lần nào và chỉ mặc đúng một lần cho người chết.

Váy tang của người chủ tang: váy cũng được làm từ sợi bông. Váy được dùng bốn mảnh vải chắp lại tạo thành váy kín hình ống. Váy có hai phần là cạp váy và thân váy. Màu sắc của váy thì cạp váy có màu trắng, thân váy nhuộm chàm đen và váy không thêu hoa văn.

- Thất lưng (xay ẻo): là một dải vải, có màu đỏ hoặc màu xanh thường khác màu với váy. “*Xay ẻo*” dùng quấn chặt vào cơ thể người ở phần thất lưng để giữ chặt cạp váy. Thất lưng thường dài 1,5m và rộng 25cm. Khi thất có thể cuộn tròn hoặc gấp đôi lại. Thất lưng được làm bằng vải tơ tằm mềm mại óng ả hay bằng vải dệt từ sợi bông.

Trang sức (hình vẽ 4a, 4b, 4c, 4d): đồ trang sức của phụ nữ Thái trắng Thường Xuân khá phong phú với nhiều loại, như: hoa tai ống chỉ sáu cánh, hoa tai ống chỉ 7 vòng (co hú), vòng tay thân dẹt (đooc khen), vòng tay hình lòng máng, vòng cổ (póc co) và xà tích (pụa soi).

- Hoa tai ống chỉ 6 cánh: hoa tai này được làm từ chất liệu bằng bạc, hình dáng của nó giống hình lõi ống chỉ, đường kính của hoa tai là 3,3cm. Hoa văn của hoa tai được dập hình bông hoa 6 cánh.

- Hoa tai ống chỉ 7 vòng (co hú): chất liệu được làm bằng bạc. Hoa tai có hình dáng như hình lõi ống chỉ, đường kính của hoa tai là 3,3cm. Hoa văn được dập nổi 7 vòng ở trung tâm và các đường sóng nước chạy ở vòng ngoài.

- Vòng tay thân dẹt (Đooc khen): chất liệu của vòng được làm bằng bạc. Vòng tay có hình dáng vòng tròn thân dẹt, đường kính 7cm, tiết diện thân

vòng là 1cm. Vòng được làm bằng cách uốn cong hai đầu giáp nhau tạo thành vòng tròn. Hoa văn của vòng khá đa dạng, có loại hoa văn chạm chấm vạch và có loại hoa văn đúc nổi hình hạt lúa.

- Vòng tay hình lòng máng: vòng được làm bằng chất liệu bạc. Vòng có hình dáng khép kín, đường kính 7cm. Phía trong của vòng lõm hình lòng máng, phía mặt vòng gồ lên. Vòng được trang trí hoa văn dây leo chạm đúc nổi.

- Vòng cổ (póc co): chất liệu của vòng làm bằng bạc. vòng có hình dáng thân tròn nhẵn uốn cong theo hình tròn, đường kính là 19cm, hai đầu giáp nối của vòng nhỏ hơn thân vòng và được tán rộng ra như hình đầu chim để chạm nổi hoa văn.

- Xà tích (pua soi): chất liệu của xà tích làm bằng bạc. Dây bạc này được làm từ nhiều mắt xích nối lại với nhau dài 50cm. Mắt xích của dây có thể là hình số 8 hoặc hình chữ s, đầu của các sợi dây gắn vào hai vòng tròn nhỏ bằng bạc. Với sợi dây bạc này người phụ nữ Thái thường sử dụng để móc chìa khoá, dao nhíp hoặc hộp thuốc lá bên mình.

2.1.2.2. Trang phục của phụ nữ Thái đen

Y phục: đối với phụ nữ Thái đen, trang phục của họ về cơ bản vẫn là khăn đội đầu, áo, váy và thắt lưng (xay ẻo).

- Khăn đội đầu (hình vẽ 5) của phụ nữ Thái đen khá phong phú với bốn loại khăn. Trong bốn loại khăn này có hai loại dùng để chị em đội để làm đẹp cho mình, còn một loại dùng cho chủ tang đội và một loại để người chết đội sau khi qua đời.

Loại thứ nhất: khăn được làm bằng chất liệu sợi bông. Khăn hình chữ nhật, dài 1,5m và rộng 30cm, hai đầu khăn để dành khoảng 25cm để thêu hoa văn. Về trang trí hoa văn màu sắc thì khăn được nhuộm màu chàm đen, hoa văn trên khăn được thêu là hoa văn hình học, hình tam giác đối xứng nhau. Khăn được sử dụng để che mưa che nắng và làm đẹp cho mình. Để có được

chiếc khăn piêu hoàn chỉnh thì người phụ nữ phải làm liên tục trong khoảng hai đến ba tuần.

Loại thứ hai: chất liệu của khăn là sợi bông. Khăn này giống loại khăn thứ nhất về hình dáng, kích thước nhưng khác nhau về cách trang trí hoa văn trên khăn. Khăn hình chữ nhật, dài 1,5m và rộng 30cm, hai đầu khăn được dành khoảng 25cm để thêu hoa văn. Về hoa văn màu sắc của khăn, khăn nhuộm màu đen, hoa văn được thêu là hoa văn hình học, hình quả trám và sóng nước. Khăn cũng dùng để làm đẹp và che mưa che nắng.

Loại thứ ba: khăn được làm bằng sợi bông, hình chữ nhật dài 1m và rộng 25cm. Khăn màu trắng, không thêu hoa văn. Khăn này chỉ dùng cho chủ tang đội trong ngày mất của người nhà.

Loại thứ tư: khăn được làm từ chất liệu vải sợi bông. Khăn hình chữ nhật, dài 1,2m và rộng 25cm. Màu của khăn là màu trắng, không thêu hoa văn. Khăn được dùng quấn đầu cho người chết.

- Áo (xửa) (hình vẽ 6): phụ nữ Thái đen sử dụng nhiều loại áo để mặc, trong các loại áo này phải kể đến áo ngắn (xửa côm), áo che vú (xửa hỏm nô), áo dài, áo tang nữ.

Áo ngắn (xửa côm): áo được làm bằng chất liệu sợi bông. Áo xẻ vai chui đầu, thân áo chỉ ngắn 25cm, tay áo dài chấp ở khuỷu tay, áo không có túi áo ở vạt áo. Hoa văn và màu sắc của áo được trang trí bằng viền màu đỏ hoặc đính hoa mắt rếch bằng bạc ở cổ áo, màu áo được nhuộm màu đen, màu xanh hoặc màu trắng.

Áo che vú (xửa hỏm nô): áo được làm từ vải sợi bông. áo được xẻ vai để mặc chui đầu, thân áo dài 50cm và không có tay áo, áo màu trắng. Áo dùng để mặc bên trong.

Áo dài (xửa luôm): ngày xưa áo dài được may bằng vải thô tự dệt. Ngày nay áo được may bằng vải dệt kim và phần lớn may bằng máy khâu, ít

khi may tay, kỹ thuật cắt may do người thợ kinh đảm nhiệm. Xửa luôm là loại áo năm thân, dài 1m. Cổ áo khoét tròn, ôm vừa cổ người. Phía trong cổ áo lót miếng vải tròn, đệm vào và khâu đột vào cho cổ áo cứng và phẳng đẹp. Áo được xẻ ngực, cúc áo hình cầu có núm như cuống quả, dùi lỗ để đơm vào cúc áo. Cúc mai bằng xương trâu. Hai ống tay dài trùm đến bàn tay, được chắp ở khuỷu tay và may vừa ôm lấy cánh tay. Thân sau của áo có đường khâu giáp hai mảnh vải lại với nhau, chạy dọc theo từ gáy người mặc xuống theo sống lưng cho đến hết. Phía vạt dưới áo được may xòe ra, rộng hơn trên eo lưng. Phần gấu áo không được cắt bằng mà cắt vòng to dần đến chỗ to nhất là chỗ giáp hai tà áo (chỗ đường xẻ ngực). Hai vạt áo đằng trước bao giờ cũng rộng và dài hơn thân áo sau (rộng hơn 3cm, dài hơn 10cm). Áo này chủ yếu được dùng hai màu là màu đen và màu trắng, áo không được thêu hoa văn.

Áo tang: áo được làm từ chất liệu vải sợi bông. Hình dáng cắt may của áo là áo xẻ ngực, nẹp áo không có khuy, thân áo dài 25cm, ống tay áo dài chắp ở khuỷu tay, áo không có túi. Màu áo vẫn là màu trắng. Áo chỉ dành cho người chủ tang mặc.

- Váy (xỉn) (hình vẽ 7): phụ nữ Thái đen sử dụng nhiều loại váy trong đời sống, trong đó có váy “*xỉn đán*”, váy “*xỉn mục*”, váy “*xỉn cỏ*”, váy mặc trong, váy mặc cho người chết và váy dùng cho tang chủ.

Váy “*xỉn đán*”: váy được làm bằng sợi bông. Váy kín hình ống được chắp lại từ bốn mảnh vải. Váy được chia làm hai phần chính là cặp váy và thân váy. Cặp váy màu trắng, thân váy nhuộm màu chàm. Váy được trang trí bằng các hoa văn dệt sọc ngang chạy quanh khắp thân váy, hoa văn được thêu dệt đậm đặc dưới chân váy.

Váy “*xỉn mục*”: chất liệu của váy được làm bằng vải sợi bông. Váy kín hình ống và được tạo thành từ bốn mảnh vải chắp lại. Váy chia làm hai phần chính là cặp váy và thân váy. Cặp váy có màu trắng, thân váy nhuộm màu

chàm đen. Hoa văn trên váy là hoa văn hình học, hoa nhỏ cách điệu nối tiếp nhau chạy vòng khắp thân váy.

Váy “xin cổ”: chất liệu của váy là vải sợi bông. Váy được tạo thành từ bốn mảnh vải chắp lại tạo nên váy kín hình ống. Váy được chia thành hai phần chính là cạp váy và thân váy. Cạp váy màu trắng, thân váy có màu nền chàm, hoa văn trên váy là hoa văn chéo hình trám chạy dọc theo thân váy.

Váy mặc trong: váy được làm bằng sợi vải bông màu trắng, có dệt sợi ngang nhỏ màu chàm xanh. Váy kín hình ống được tạo thành từ bốn mảnh vải chắp lại. Váy liền không phân chia cạp váy và thân váy. Kích thước của váy thì hẹp và ngắn hơn váy mặc ngoài khoảng 10cm, để khi mặc vào trong không lộ gấu ra ngoài.

Váy mặc cho người chết: chất liệu của váy bằng vải sợi bông. Váy được làm từ bốn mảnh vải ghép lại tạo thành váy kín hình ống. Váy có hai phần là cạp váy và thân váy. Cạp váy có màu trắng, thân váy nhuộm màu chàm nhưng không thêu hoa văn. Váy này chỉ dùng mặc cho người chết.

Váy tang: váy được làm bằng sợi vải bông. Người ta dùng bốn mảnh vải ghép lại tạo thành váy kín hình ống. Váy có hai phần là cạp váy và thân váy. Cạp váy có màu trắng, thân váy nhuộm màu chàm và không thêu hoa văn. Váy chỉ dùng cho người chủ tang mặc.

- Thất lưng (xay ẻo): cũng giống như thất lưng của phụ nữ Thái trắng, thất lưng của phụ nữ Thái đen là một dải vải dài 1,5m và rộng 25cm, tuy nhiên màu của thất lưng là màu trắng. “Xay ẻo” dùng quấn chặt vào cơ thể người ở phần thất lưng để giữ chặt cạp váy. Thất lưng thường dài 1,5m và rộng 25cm. Khi thất có thể cuộn tròn hoặc gấp đôi lại. Thất lưng được làm bằng vải tơ tằm mềm mại óng ả hay bằng vải dệt từ sợi bông.

Trang sức (hình vẽ 8a, 8b): phụ nữ Thái đen sử dụng nhiều loại trang sức để làm đẹp cho mình, trong những trang sức làm đẹp này có hoa tai hình

con đĩa (co hú), hoa cổ áo “mắc rếch”, vòng tay thân tròn (đooc khen), vòng tay xoắn thừng, vòng cổ (póc co) và xà tích (pụa soi).

- Hoa tai con đĩa (co hú): chất liệu hoa tai làm bằng bạc. Hoa tai có hình dáng hình con đĩa uốn cong, đường kính của hoa tai là 1,5cm. Hoa tai này có hình dáng to tròn ở giữa, nhỏ dần về phía hai đầu và uốn cong để móc vào nhau. Trên hoa tai không trang trí hoa văn.

- Hoa cổ áo “mắc rếch”: chất liệu của hoa cổ áo làm bằng bạc. Hoa cổ áo có sáu cánh, đường kính của nó là 1,5cm. Loại này thường được phụ nữ Thái dùng để trang trí ở quanh cổ áo.

- Vòng tay thân tròn (đooc khen): vòng được làm bằng chất liệu bạc. Vòng có hình dáng thân tròn, uốn cong hai đầu giáp nhau có khe hở, đường kính của vòng khoảng 7mm. Vòng không chạm trổ hoa văn.

- Vòng tay xoắn thừng: chất liệu của vòng tay này được làm bằng đồng. Vòng tay này có kiểu dáng là vòng xoắn kiểu dây thừng, hai đầu giáp nhau nhỏ lại và hai đầu vòng có móc cài vào nhau, đường kính của vòng bằng 7,5cm. Vòng không chạm khắc hoa văn. Trước đây phụ nữ Thái đen sử dụng loại này rất nhiều nhưng ngày nay thì vòng này rất hiếm.

- Vòng cổ (póc co): chất liệu của vòng cổ này làm bằng bạc. Vòng có hình dáng thân tròn nhẵn uốn cong theo hình tròn, hai đầu giáp nối của vòng nhỏ hẳn lại và uốn cong hình chữ S, đường kính vòng cổ bằng 19cm.

- Xà tích (pụa soi): xà tích được làm bằng bạc. Dây bạc này gồm nhiều mắt xích nối lại với nhau. Mắt xích của dây có hình bầu dục, đầu các sợi dây gắn vào bông hoa bạc năm cánh, dây có chiều dài khoảng 50cm. Phụ nữ Thái đen thường đeo dây này để móc chìa khoá, dao nhíp hay hộp thuốc lào.

2.2. Quá trình sản xuất trang phục

Trang phục của dân tộc Thái nói riêng và các tộc người nói chung là một trong những hiện tượng văn hoá độc đáo, đặc sắc. Ngay trong mỗi quốc

gia, mỗi địa phương, mỗi ngành... cũng có cá tính riêng. Khi nghiên cứu về trang phục người Thái Thường Xuân, không thể không tìm hiểu về nguyên liệu và quá trình tạo ra trang phục. Tuy có nhiều dân tộc biết đến cây bông, nhưng từng dân tộc trong quá trình trồng bông dệt vải đã rút ra được những kinh nghiệm, phương pháp riêng và trình độ cao thấp khác nhau. Hơn nữa đây là khâu chuẩn bị nguyên liệu cho sự ra đời của trang phục cũng như toàn bộ quy trình của hiện tượng văn hoá trang phục Thái.

Sự ra đời trang phục: Từ xa xưa, những cư dân trồng trọt đã biết lấy vỏ cây mà che thân. Cư dân chăn nuôi, săn bắn thì lấy da thú mà làm quần áo. Ban đầu trang phục chỉ có giá trị vật chất, sau đó quần áo mang cả giá trị thẩm mỹ. Từ những nguyên liệu ban đầu thô sơ nhất, con người đã biết tìm ra loại chất liệu mới để may quần áo sao cho vừa tiện lợi trong sử dụng vừa phù hợp với khí hậu, môi trường và bền đẹp. Ở Việt Nam nhiều nhà nghiên cứu cho rằng trên nhiều đồ đồng, đồ gốm Đông Sơn đã có in dấu vải bằng vỏ cây, đây có thể là vỏ cây sui mà trong kháng chiến chống Pháp ta thấy trong căn cứ kháng chiến Việt Bắc. Từ vải bằng vỏ cây sui con người ta tiến đến sử dụng “vải chuối tiêu” (tiên cát). Sách *Quảng chí Trung Quốc* chép: “ở Giao chỉ thân cây chuối xé ra như tơ, dệt thành vải gọi là tiêu cát, dễ rách nhưng đẹp, màu vàng nhạt, cũng gọi là vải Giao Chỉ” [10; tr113-114]. Từ vải tơ chuối lại tiến đến vải bông cây gạo gọi là vải cát bồi hay vải cát bá. Sách *Ngô lục* của Trương Bột nói: “Ở Giao Châu có cây bông gạo cao hơn 1 trượng, quả to như chén rượu, da mỏng, trong ruột như mối tơ, sắc trắng bạch, làm vải được” [10; tr113-114]. Là một cư dân có mặt khá sớm ở nước ta, chắc hẳn người Thái cũng đã biết đến các loại vải đó trước khi biết đến cây bông ngày nay.

Cây bông đã xuất hiện và có lịch sử lâu đời trong đời sống cư dân Thái cũng như nhiều cư dân khác trên thế giới. Quần áo làm từ nguyên liệu bông

mềm mại, bèn đẹp mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Cho đến ngày nay cây bông vẫn còn nguyên tính thời sự của nó. Nếu tìm hiểu từ bước đầu tiên khi người Thái dùng gậy chọc lỗ gieo hạt bông, chằm, thu hoạch bông, kéo sợi... cho đến khi có được bộ trang phục đẹp, những tấm thổ cẩm nổi tiếng thì cư dân Thái phải trải qua cả một quá trình dài cần cù, khéo léo, một nắng hai sương vất vả.

2.2.1. Chọn đất trồng bông

Trước đây trong gia đình người Thái Thường Xuyên, tất cả trang phục của mọi người già, trẻ, nam, nữ và đồ chăn màn, đệm gối, vải vóc... đều là vải tự dệt và lấy nguyên liệu từ cây bông (co phải). Do đó cây bông có vai trò đặc biệt quan trọng trong mỗi gia đình người Thái, không nhà nào không trồng bông dệt vải.

Để tiến hành trồng bông, đầu tiên người ta phải chọn đất trồng bông. Loại đất này phải tốt, tơi xốp, màu đen thẫm, dễ thấm nước và dễ thoát nước ở các bãi đất bằng phẳng ven suối hoặc sườn đồi thấp. Thường các khoảng đất ấy không lớn lắm nên bông không được trồng thành từng vùng tập trung cho cả bản mà mỗi nhà có mỗi mảnh đất riêng để trồng bông với hàng rào chống trâu bò rất chắc chắn và công phu.

Giống bông đồng bào chọn trồng là giống bông cỏ - cây bông tên khoa học là *gosypium*. Loại bông này có ưu điểm là thân ngắn nên thu hái dễ dàng, cây chịu được nắng hạn, sâu bệnh, khoẻ mạnh mọc lùn át cả cỏ dại. Khi bông chín quả bông thường gục xuống, vỏ quả tạo thành chiếc nón che mưa cho sợi bên trong nên bông còn có thể chịu được cả mưa. Tuy nhiên bông có nhược điểm là quả bé năng suất thấp, sợi ngắn.

Sau khoảng một tháng chọn đất phát nương, dọn cỏ để đất có đủ điều kiện tơi xốp thì đến tháng 1, tháng 2 âm lịch gieo hạt bông. Trong suốt quá trình tạo ra trang phục có ba lần người đàn ông trực tiếp tham gia vào công

việc là chọc lỗ tra hạt, làm hàng rào nương bông và tạo công cụ dệt vải. Có lẽ đây là công việc cần đến sức mạnh cơ bắp nhiều hơn cho nên người đàn ông đảm nhiệm. Một hình ảnh rất đẹp ở vùng núi rừng yên bình hẻo lánh là có đôi trai gái mới yêu nhau hay đôi vợ chồng lúi húi như đôi chim gáy trên nương, chồng đi trước dùng gậy chọc lỗ, vợ (có thể cả con cái trong gia đình) đi sau tra hạt bông vào lỗ. Chọn ngày lành tháng tốt, đúng khi tiết trời mát mẻ có khi cả gia đình cùng đi gieo hạt cho xong trong ngày đó. Mỗi lỗ người ta tra ba đến bốn hạt. Bông mọc đều cả thì không cần tỉa. Sau một tháng thì tiến hành nhổ cỏ, chặt những bụi cây còn sót trong khi đốt rẫy.

Đến tháng hai, tháng ba khí hậu mát mẻ, mưa phùn lất phất làm đất luôn có độ ẩm cần thiết cho cây bông nảy mầm và sinh trưởng. Sau hơn ba tháng thì bông thu hoạch được. Đó cũng là lúc cái nắng gay gắt đổ xuống, đồng bào tranh thủ thu hoạch bông để tránh mưa. Công việc thu hoạch là của phụ nữ và những em gái lớn hơn 10 tuổi. Các em gái được theo mẹ lên nương làm quen với công việc gieo trồng chăm bón bông. Phụ nữ thì gùi lớn, các em gái thì gùi bé, mùa thu hoạch bông thắng lợi là một niềm vui của cả gia đình, cả bản.

2.2.2. Chế biến bông

Bông hái về được đổ ra phơi nắng lại và thả sương đêm. Cứ một ngày phơi nắng lại một đêm phơi sương cho bông nở hết, trắng và tơ xốp. Bông được chế biến ngay hoặc cất đi dùng dần. Bằng bàn tay khéo léo cần cù của người phụ nữ Thái Thường Xuân. Từ những công cụ thô sơ, trang phục dần dần được xuất hiện.

- Chọn nhặt bông (kép phai): khi thu hoạch đồng bào Thái hái tất cả các loại bông về bỏ chung vào “*bé*” (chiếc bồ con). Trong đó quả tốt quả xấu lẫn lộn, quá trình cất giữ có khi bông lại bị hỏng một ít. Do đó trước khi đem

dùng phải chọn nhật bông. Loại bông để dệt vải mặc được chọn từ quả lúa đầu, sợi trắng, xốp, dài mịn và dai. Những loại bông lúa sau hoặc bị kém chất lượng trong khi cất giữ thì sợi ngắn, không được trắng và toi xốp dùng làm chăn, đệm, gối...

- Cán bông (ít phai): người ta có một dụng cụ đơn giản gọi là máy cán bông. Đó là một dụng cụ làm bằng gỗ, có chân hình chữ T dày 3,5cm, rộng 10cm, dài 40cm. Người ta để chữ T nằm xuống đục lỗ hai đầu rồi dựng lên hai thanh gỗ cao 30cm tạo thành một cái giá. Người ta làm hai cái trục gỗ có xẻ rãnh theo chiều dọc, đặt song song gần sát nhau, nối bốn đầu của hai trục vào đầu của hai thanh gỗ dựng đứng, đầu của một trục có tay quay uốn bằng sắt. Khi cán bông người ta cho bông vào khe hở giữa hai trục, một tay cầm tay quay quay mạnh. Hai trục quay ngược chiều nhau như xay, hạt bông và bông được tách ra và rơi về hai phía bởi một tấm lá chắn đặt phía dưới hai trục. Hạt bông được nhặt ra trong quá trình này và được chọn những hạt chắc, tốt phơi khô lại lần nữa để dành làm giống mùa sau.

- Bật bông (pứt phai): dụng cụ bật bông rất đơn giản. Nó là một chiếc cần dài 1,5 - 2m làm bằng thân tre già, rắn chắc thon nhọn về hai đầu như hình đòn xóc hay cánh cung. Dây cần phải dai được xe bằng sợi gai cho bền và mềm mại. Hai đầu dây nối vào hai đầu cần cho căng. Khi bật bông, rải đều bông lên một mặt phẳng nào đó, kéo dây cho hai đầu cần cong lại và thả mạnh đột ngột cho dây bật ra bắn vào các lớp bông. Bông sẽ toi ra và có độ xốp, dễ dàng thực hiện việc quần bông.

- Quần bông (lò phai): khi bông được bật xong, trước khi có thể rút thành sợi người ta phải quần bông. Dụng cụ quần là một miếng gỗ như chiếc bảng con hình chữ nhật (gọi là pen lò phai) tỉ lệ 20 x 25cm. Một cái que được vót tròn nhẵn như một chiếc đũa dài 25cm. Người ta dàn bông lên mặt gỗ đặt chiếc đũa từ mép ngoài rồi lăn từ đầu này sang đầu kia cho bông quần vào

chiếc đũa thành hình tổ sâu, sau đó rút que ra, lại quấn lần khác. Họ làm nhiều con bông (kèo phai) một lúc như vậy để tiện cho việc rút sợi.

- Kéo sợi (pắn phai): đây là công việc khá khó khăn đòi hỏi sự khéo léo và nhẫn nại của người phụ nữ Thái. Bông được rút thành sợi trên một dụng cụ làm bằng gỗ, có chân đế hình chữ T giống như máy cán bông. Hai đầu chữ T cũng dựng lên hai thanh gỗ cao 50cm. Hai đầu hai thanh được nối với nhau bởi một cái trục, một đầu trục có tay quay (phía trong hai thanh thẳng đứng) được đục lỗ rồi cắm. Các thanh gỗ nhỏ dài 40 - 45 cm tạo thành những chiếc nan hoa. Sau đó dùng dây gai nối căng chéo các đầu nan hoa của hai trục lại tạo thành một cái guồng. Chân của chữ T (đầu kia của đế) được dựng lên một cái giá nhỏ có một cái suốt được đặt trên hai đầu của giá gỗ gắn bánh xe hình lõi ống chỉ, người ta nối bánh xe này với guồng bằng sợi dây cua roa nhỏ làm bằng sợi gai hoặc dây vải. Khi làm tay phải quay xa (lả), tay trái vê bông và kéo thành sợi.

- Hồ sợi (tôm phai): từ con sợi vừa se trước khi dệt, chúng được guồng thành những tay sợi lớn, giặt sạch luộc cho mềm rồi đem nhúng vào nước cháo loãng để nguội. Cứ khoảng 0,5 kg gạo tẻ nấu cháo thật nhừ thì hồ được 1kg sợi. Sau đó đem phơi khô rồi đập cho bột còn dính rơi đi và các sợi rời ra khỏi nhau. Sợi được hồ thì sẽ săn, cứng thuận lợi cho khi dệt và nhuộm.

- Dệt vải (tằm húc): để dệt được vải, người ta phải làm khung dệt vải (kỳ tằm húc). Khung dệt làm bằng gỗ hoặc tre, hình hộp chữ nhật có chân chắc chắn. Người ta có thể làm khung dệt khiêng đi khiêng lại hoặc làm cố định ở một góc nhà hay ở dưới gầm sàn.

Khung dệt do người đàn ông trong gia đình hoặc trong bản làm giúp. Khung dài 2,2m, cao 1,5m, rộng 90 - 98cm với một go chính và hai go phụ. Go chính dùng để chia sợi dọc và tách các sợi ra khi dệt. Hai go phụ này được treo qua thanh con lẩn gác ngang trên hai thành dọc của khung. Hai go phụ

này dài 45 - 46cm, lại được nối mỗi go với mỗi bàn đạp thả xuống dưới đất. Khi dệt dùng hai bàn chân điều khiển bàn đạp nhịp nhàng cho hai go phụ lên xuống, chia các sợi dọc ra làm hai làn sợi trên và làn sợi dưới tạo thành một khe hở và lao thoi qua. Mỗi lần lao thoi (tức chằng sợi ngang) lại cầm go chính đập mạnh về phía người dệt cho sợi ngang sít lại với nhau. Đập càng mạnh thì vải càng bền, càng dày. Có một trục cuộn vải đặt song song hai go phụ, dệt vải đến đâu thì cuộn vải lại đến đấy. Sau trục cuộn vải là thanh ván bắc ngang để người ngồi khi dệt. Con thoi dài 31- 37cm, hình như con cá trắm mỡ bụng. Trong bụng thoi chứa ống sợi nhỏ để dệt sợi ngang.

Khi căng sợi dọc vào khung dệt nếu bị chùng thì rất khó dệt, ảnh hưởng đến chất lượng của vải. Khổ vải truyền thống của người Thái là trên dưới 40cm. Điều đó do kỹ thuật thủ công quy định, nó còn biểu hiện ở cả các dân tộc khác.

Dệt vải thủ công tuy không phức tạp lắm nhưng nó cũng đòi hỏi tay nghề khéo léo cần cù của người phụ nữ Thái. Vì dệt thủ công nên năng suất không cao. Dệt liên tục một ngày thì cũng chỉ được khoảng 6m vải khổ 40cm. Chỉ những ngày mưa gió không đi nương được thì người phụ nữ mới ngồi dệt liên tục. Bình thường khung dệt được chằng sẵn và hễ lúc nào rảnh rỗi thì người phụ nữ Thái lại ngồi vào khung dệt. Vì vậy có những cuộn vải dệt hàng tháng trời mới xong.

- Nhuộm vải: vốn thuốc nhuộm dân gian là một nguyên liệu rất đáng quý. Từ khi chưa có chỉ nhuộm màu và thuốc nhuộm hoá học, đồng bào Thái Thường Xuân đã biết tìm nguyên liệu trong tự nhiên để pha chế thành các loại thuốc nhuộm màu sắc bền đẹp. Do lấy nguyên liệu từ bông nên vải dệt ra có màu trắng. Trừ một số trang phục như váy lót mặc trong, quần áo trắng, vải liệm cho người chết, khăn tang, chỉ nhuộm màu trắng... là giữ nguyên màu của

bông. Phần lớn vải chỉ được nhuộm đủ màu tô điểm cho trang phục: màu chàm, màu đỏ, màu vàng, màu xanh, màu tím... trong đó màu chàm nổi lên ở vị trí chủ đạo, là một màu nền của trang phục người Thái và nhiều cư dân miền núi.

Màu chàm là màu theo tên cây chàm - tên khoa học là *Indigofera tinctoria* [37; tr89]. Cây thuốc nhuộm màu chàm là loại cây trồng quen thuộc, gắn bó với nhiều cư dân miền núi như là cây củ nâu và thuốc nhuộm bằng củ nâu của đồng bào dưới xuôi. Bản thân cây chàm là loại cây mọc hoang dại, để tiện cho việc thu hái đồng bào đem về trồng. Trồng chàm dễ hơn trồng bông vì nó không kén đất, kén diện tích lại không phải chăm sóc, phân bón. Một mảnh đất ven suối hoặc sau vườn là có thể trồng chàm được. Cây chàm là loại cây sống hàng năm, cao 50-70cm. Thường người ta trồng chàm vào dịp tháng 2 hoặc tháng 5 và hái lá vào các tháng 6 hay 8. Gốc chàm còn lại có thể nảy mầm nữa và một tháng sau có thể thu hái lần hai. Khi thu hoạch, cắt lá chàm về vò nát bỏ ngâm nước lã ba ngày ba đêm. Sau đó vớt bã cho vôi vào, cứ 10kg lá thì cho 1 lạng vôi. Lấy gáo múc lên đổ xuống nhiều lần cho nước chàm nổi đầy bọt, để lắng xuống, mức nước loãng đổ đi. Phần nước đặc bỏ vải vào nhuộm hai, ba lần thì được màu chàm bền đẹp. Nếu muốn vải bền màu thì giã củ nâu nát ra, nấu lên và nhúng vải đã nhuộm chàm vào. Để nhuộm màu chàm, ngoài cây chàm người ta còn dùng cây *co hom* (cỏ hom), *co muc* (cỏ mực) tuốt lấy lá, quy trình và công thức pha chế giống như lá chàm và nó cho màu chàm đen, bền đẹp không kém gì lá chàm. Loại cây này mọc hoang dại, lá nhỏ nên thu hái lâu hơn. Có gia đình Thái đem về trồng ở vườn nhà. Theo kinh nghiệm của đồng bào thì lá của ba loại cây trên phải thu hái từ tháng 4 đến tháng 8 mới tốt. Vì đây là mùa nắng nóng lá hấp thụ được nhiều ánh nắng mặt trời.

Màu đỏ (đanh): Nhìn sắc màu tươi đỏ, bền đẹp trên vải ta sẽ không ngờ nó lại được nhuộm từ loại cây thân gỗ. Đó là cây vang - tên khoa học là

caesalpi nia sapppan [37; tr230]. Đồng bào Kinh gọi cây vang nhuộm hay cây tô mộc, cây vang là một loại cây thân gỗ cao từ 7-10m, thân cây có gai, lá kép lông chim, mọc đối xứng. Hoa của cây màu vàng, có 5 cánh, quả dẹt gần giống quả đỗ. Đây là loại cây mọc hoang dại, có khi được đồng bào Thái trồng lấy nguyên liệu nhuộm và làm thuốc chữa bị đánh tổn thương. Nếu ta bóc lớp vỏ có gai bên ngoài ra sẽ lộ phần thịt gỗ đỏ thắm, dùng dao sắc gọt thành từng lát mỏng bỏ vào đun khoảng 20 phút, bỏ vôi bột vào khuấy đều, màu nước đỏ như son, cho vải vào nhuộm. Cây có thể thu hái quanh năm.

Để nhuộm màu đỏ người ta còn lấy quả cây *xum pu*. Cây mọc hoang dại, thuộc họ thân gỗ, quả tròn. Đập vỏ lấy hạt giã nhỏ đun lên, cho vôi vào nhuộm.

Nhuộm màu vàng (lương): Để có màu vàng đồng, đồng bào dùng cây *páng pui*. Cây này thuộc họ dây leo, mọc hoang dại. Đào sâu khoảng 10-15cm là lấy được rễ của nó. Người ta dùng rễ, cạo sạch vỏ, giã nát bỏ vào đun khoảng 20 phút cho ra màu vàng rồi cho vải vào nhuộm mà không bỏ vôi.

Để có được màu vàng da cam, đồng bào dùng rễ cây *set*. Cây đào lấy rễ quanh năm, pha chế như cây *páng pui*.

Một số màu khác như màu xanh, tím đồng bào phải mua thuốc nhuộm về dùng.

Chúng ta thường được nghe ca ngợi về thuốc nhuộm dân gian Thái màu tươi đẹp và không bao giờ phai. Thực ra chúng tôi đã được dịp quan sát nhiều váy, khăn cũ, màu những loại thuốc nhuộm dân gian trên vẫn bị bạc đi, tuy so với màu hoá học thì bền hơn.

2.2.3. Công cụ - kỹ thuật cắt, may, thêu

Có lẽ khi con người biết ghép những mảnh vỏ cây, da thú đầu tiên lại để che thân thì lúc đó kỹ thuật may bắt đầu ra đời và phát triển. Ban đầu chỉ cần khâu ghép các mảnh nhỏ lại thành mảnh lớn, sao cho kín và chắc chắn. Cùng với sự tiến bộ trong nguyên liệu tạo trang phục, kỹ thuật cắt may cũng

phát triển, tạo dáng, đường nét ngày một phức tạp và điêu luyện hơn. Công cụ và kỹ thuật cắt, may, thêu của người Thái Thường Xuân đã phát triển đến độ khá cao của kỹ thuật thủ công.

- Công cụ: Dao kéo, kim khâu dùng trong gia đình cũng như dành riêng để cắt may thì thường người Thái ở Thường Xuân không tự rèn đúc để dùng được. Họ phải xuống chợ mua hoặc thợ rèn người Kinh lên làm. Rất ít người Thái làm nghề dao kéo và sản phẩm cũng không cao lắm.

- Kỹ thuật cắt, may, thêu: Chủng loại quần áo của người Thái không nhiều. Phần lớn cách cắt may, kỹ thuật cắt may lại giống nhau, nên việc cắt may một bộ phận quần áo không phức tạp lắm. Tuy nhiên quần áo của người Thái hầu hết là loại may vừa hoặc bó lấy người, ống tay hẹp nên việc cắt may lượn nách, lượn cổ... cần phải bảo đảm sự chính xác, chuẩn mực, khéo léo để mặc sao cho vừa vặn, không bị dùm dó hoặc cử động không thoải mái. Hơn nữa may vá đều bằng tay, vải dệt thủ công lại dày, nên phải tùy từng phần từng vị trí trên y phục mà dùng phương pháp may đột hay may lược, may vắt để các chỗ ghép các mảnh vải hay sườn, cổ mềm mại, không lộ lại phải bền.

Mặc dù vậy nhưng việc cắt may trong gia đình đều được cắt may theo kinh nghiệm của các bà, các mẹ truyền lại cho các cô gái chứ không có người chuyên dạy cắt may y phục hoặc các cô gái phải tự đi học cách cắt may. Các cô được lấy một mẫu quần áo loại chuẩn mực, ướm lên mảnh vải rồi cắt lượn theo hình mẫu, sau đó tập khâu sườn, vắt gấu, ghép ống tay... cho quen. Dần dần tự các cô có thể cắt may thành thạo mọi loại y phục mà không cần mẫu.

Cắt may khăn, váy thì đơn giản hơn. Vì khăn chỉ là một mảnh vải (to nhỏ tùy thuộc vào lứa tuổi) hình chữ nhật và vải chỉ là tấm vải lớn, khâu tròn hình ống, không phải khoét lượn phức tạp như quần áo. Khi may váy chỉ cần đến kỹ thuật vén gấu, can cạp váy vào thân váy và can thân váy vào chân váy sao cho đường khâu mềm mại, không lộ liễu và bền đẹp.

Những đường may vải đệm lót xung quanh cổ hay chắp ống tay, lượn nách... thực sự mới nói lên bàn tay khéo léo của người phụ nữ Thái. Từng mũi kim, đường chỉ đều, thẳng tắp hiện ra dưới đôi tay mềm mại, cần cù của người phụ nữ. Dao kéo cũng như kim khâu, chỉ thêu được chị em phụ nữ rất quý và giữ gìn cẩn thận. Khách đến chơi nhà tặng cuộn chỉ màu hay cái kéo, kim khâu là những vật chị em rất ưa thích. Khi đang khâu hoặc thêu dở thì kim được giắt kỹ vào vải. Khi thêu, vá may xong thì dụng cụ được bó tròn trong các mảnh vải vụn bỏ vào chiếc ống tre có nắp đậy cẩn thận.

Kỹ thuật và phương pháp thêu cũng là một điều rất đáng nói. Khi ngồi thêu là những lúc rảnh rỗi bên bếp lửa hay đi chăn trâu, các cô gái ngồi xếp chân tròn nâng khăn hoặc vá trên tay. Khác với cách thêu thông thường là các cô gái không cần căng trên khung thêu và thêu ở mặt trái, hoa văn hiện lên ở mặt phải khiến ta phải ngạc nhiên. Muốn thêu khăn vá của mình theo một mẫu nào đó, các cô thường dùng cách đếm sợi. Cứ đếm xem cánh hoa văn này có bao nhiêu sợi vải chàm rồi cũng như thế đếm bằng chừng ấy sợi vải trên khăn mình mà thêu, luôn chỉ qua các sợi vải đó là đúng loại hoa văn mà mình thích, cả về hình dáng lẫn màu sắc. Khi thêu đã điều luyện tinh xảo rồi thì khi đi hội hè, đi chợ mà nhìn thấy một mẫu hoa văn thêu trên trang phục khác về nhà các cô có thể nhớ lại và thêu được. Các cô có thể thêm bớt hoặc thay đổi sắc màu hoặc một vài đường nét cho phù hợp với ý thích của mình, nhưng vẫn giữ được nét chính cơ bản của mẫu thêu. Cách thêu truyền thống như thế đã bảo lưu, giữ gìn được những đường nét độc đáo của vốn cổ tộc người. Đồng thời các đặc trưng đó không ngừng được bổ xung để ngày càng độc đáo, hoàn thiện, tiêu biểu.

Công việc trồng bông, dệt vải, thêu thùa may vá không đơn thuần là nghĩa vụ mà còn là niềm say mê, niềm vui, hạnh phúc của người phụ nữ Thái Thường Xuân. Sự ganh đua với bạn bè và dư luận khen chê của mọi người có

tác dụng khích lệ các cô gái dệt thêu giỏi đúng nguyên mẫu cổ truyền. Ai thêu sai mẫu sẽ bị chê cười. Vì vậy, trong thực tế các cô gái luôn ý thức được là hình thêu nhanh thêu đẹp phải đúng với mẫu mới là giỏi. Do vậy, trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu lần sao chép bản sắc riêng của người Thái vẫn còn giữ được trên đồ án hoa văn Thường Xuân.

2.2.4. Vai trò của người phụ nữ trong sản xuất trang phục

Người Thái có câu “*gái dệt vải, trai đan chài*” (nhính lệt phai, chai xàn he). Sự phân công lao động tự nhiên ấy đã biểu hiện ngay từ khi trồng bông, trồng chàm, trồng dâu nuôi tằm. Qua đời này đến đời khác, đã nâng cao tay nghề và trở thành nghề không thể thiếu được khi làm người phụ nữ Thái. Có lẽ công việc này cần đến đôi bàn tay khéo léo, mềm mại, đức tính chịu thương chịu khó của người phụ nữ hơn là người đàn ông. Hơn nữa dệt vải thêu thùa không chỉ là nghĩa vụ làm ra vải cho chồng con, bố mẹ, mà còn là công việc tạo ra trang phục đẹp phục vụ cho nhu cầu trang điểm sắc đẹp của mình nên đã gây được niềm hứng thú say mê cho người phụ nữ.

Người phụ nữ Thái Thường Xuân là những người giữ gìn, bảo lưu kinh nghiệm trồng bông dệt vải, thêu thùa, đức tính cần cù khéo léo, chịu thương chịu khó của tổ tiên. Công việc này đã gắn bó chặt chẽ với cuộc đời lao động của người phụ nữ Thái như một chức năng không thể thiếu được. Biết trồng bông dệt vải như một thước đo giá trị đạo đức của mỗi người con gái. Biết trồng bông dệt vải mới có quyền làm vợ, làm mẹ. Tuổi trẻ ở với cha mẹ, chị em đã tập dượt và biết dệt vải để chuẩn bị lập gia đình. Khi đã có chồng con thì chị em lại càng chăm lo đến cho cả nhà khỏi mặc rách. Khi đã làm mẹ người phụ nữ còn phải dệt các loại vải để chuẩn bị cho con gái lấy chồng và chuẩn bị đón nàng dâu. Khi về già còn phải dệt vải, truyền kinh nghiệm cho con cháu và dệt áo mặc cho mình khi trăm tuổi.

Cả một đời làm ra vải nhưng người phụ nữ Thái Thường Xuân cũng không bao giờ đem nó ra bán hay đổi lấy thóc gạo, mặc dù công sức làm ra

mảnh vải nếu qui đổi ra tiền bạc không phải là rẻ. Chỉ khi mất mùa đói kém, bức thiết lắm người ta mới đem những mảnh vải tơ tằm mà đổi lấy lúa gạo.

Ở đây sản phẩm dệt được phục vụ trực tiếp cho mọi người trong từng gia đình. Vải mặc đến đâu thì dệt may đến đó, còn lại vải được để dành như một thứ của cải, lúa gạo mà nhà nào cũng phải có, phụ nữ nào cũng biết làm. Do tính chất thủ công tri tri dựa trên sự phân công lao động theo giới một cách tự nhiên nên nó không đủ sức cho nghề dệt ở đây tách thành một nghề riêng, sản phẩm vải được đem ra trao đổi. Với công cụ dệt và qui trình ấy đã làm thỏa mãn nhu cầu nên công cụ vẫn cứ thô sơ, không đòi hỏi được cải tiến để nâng xuất chất lượng cao hơn. Mảnh vải làm ra nghề cổ truyền ở đây là một sản phẩm tự cung tự cấp được làm ra từ đôi tay các bà các cô gái tần tảo sớm hôm trong gia đình người Thái. Nếu như người đàn ông và đàn bà Thái cùng chung sức làm ra cái ăn thì riêng cái mặc người đứng ra đảm nhiệm hoàn toàn là người phụ nữ. Đến Thường Xuân, chúng ta sẽ thấy quý mến, cảm phục người phụ nữ ở đây vì đức tính cần cù chịu thương chịu khó, rất mực yêu chồng con, làm tròn bổn phận đối với cha mẹ. Vất vả một nắng hai sương nhưng tâm hồn người Thái vẫn tươi tắn, trẻ trung, yêu đời thể hiện trên những đồ án hoa văn rực rỡ, sinh động mà chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ những mảng riêng trong đời sống xã hội ở phần sau.

2.3. Trang phục của phụ nữ dân tộc Thái Thường Xuân trong đời sống xã hội

2.3.1. Trang phục trong sinh hoạt thường ngày

Có thể nói trang phục dù muốn cải tiến, tạo dáng như thế nào đi chăng nữa thì một điều quan trọng là trang phục đó phải tiện lợi trong sử dụng, phù hợp môi trường, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và quan niệm thẩm mỹ đạo đức của từng dân tộc. Là cư dân nông nghiệp làm ruộng rẫy ở vùng núi đồi, trang phục của Thái Thường Xuân cũng mang đầy đủ những yếu tố đó.

Trong sinh hoạt và lao động hàng ngày người phụ nữ dùng các loại váy áo dùng trong hội lễ nhưng đã cũ và loại váy áo may thêu đơn giản gọn gàng hơn để chuyên sử dụng trong sinh hoạt. Trong nhà người phụ nữ dệt được rất nhiều khăn, váy, áo đẹp nhưng nó không bao giờ được đem ra sử dụng khi lao động. Người Thái Thường Xuân quan niệm rằng con gái lúc nào cũng ăn mặc chải chuốt, váy áo mới đẹp là loại lười biếng, thích làm dáng nên không thích làm việc vì sợ bẩn áo, váy. Những người này sẽ bị dư luận chê cười. Người ta khen gọi những người làm chăm tuy quần áo cũ, giản dị. Khi bắt gặp một người phụ nữ đang lao động thì bao giờ chúng ta cũng thấy họ mặc những loại váy, áo đã bạc màu, đã cũ, không thêu hoặc thêu đơn giản. Váy mặc trong lao động được may ngắn hơn hoặc vận lên cạp nhiều lần cho gọn gàng, tránh bị ướt, vấy bùn khi xuống đồng ruộng hoặc vướng vào cây cỏ khi lên nương. Đôi khi làm ở nơi ruộng lầy thì người phụ nữ túm lấy một bên gấu váy kéo ngược lên rồi giắt vào cạp váy cho gọn. Sống ở một vùng đất mà đi một quãng gặp sông suối phải lội qua thì chiếc váy cũng thật thuận tiện. Khi làm những công việc ở nhà thì người phụ nữ có thể mặc loại váy, áo đẹp hơn, thướt tha hơn.

Khăn đội đầu của người phụ nữ cũng được thêu đơn giản hơn khăn lễ hội và có lối đội khăn riêng. Khăn được quàng qua trước trán rồi vắt chéo hai đầu khăn ra phía sau, thắt hai đầu khăn lại ở phía sau gáy cho gọn gàng chắc chắn, khăn không bị rơi hay tuột ra.

Trong lao động hàng ngày thì những vật trang sức như vòng tay, vòng cổ, xà tích cũng ít khi được phụ nữ đeo trên mình. Trừ những loại vòng tay gần như cố định trên tay hay những người phụ nữ cần đeo xà tích để mang các loại chìa khoá, dao bở cau, hộp thuốc Lào thì phần lớn khi lao động nặng người phụ nữ đều tháo ra cho gọn gàng và tránh bị xây xước.

Như vậy với ý thức, quan niệm về y phục hàng ngày và bản thân trang phục hàng ngày đã được người Thái ở đây phân biệt và sử dụng khác với trang phục trong lễ hội.

2.3.1.1 Đặc điểm trong trang phục thường ngày của phụ nữ Thái trắng - Thái đen

TT	Bộ phận trang phục	Ngành	Thái trắng	Thái đen
			Đặc điểm	
1	Khăn đội đầu (Piêu)		- Dài 1.5m; rộng 30cm. Vải dệt bông, màu chàm, hoa văn thêu đơn giản ở hai đầu khăn, hoa văn hình cây.	- Dài 1.5m; rộng 30cm. Vải dệt bông, màu chàm, hoa văn hình học thêu ở hai đầu khăn nhưng thêu rất đơn giản.
2	Áo (xử)		- Áo xẻ ngực, cổ khoét tròn, viền đỏ. Áo dài 25cm, tay áo dài chắp ở khuỷu, may bó hai tay áo, hai túi áo nhỏ ở tà, cúc áo bằng nhựa.	- Áo xẻ vai chui đầu, cổ áo tròn, viền màu thân áo ngắn 25cm, tay áo dài chắp ở khuỷu tay, không có túi ở vạt áo, được may bằng vải sợi bông và được nhuộm bằng các loại màu xanh, đen.
3	Váy (xỉn)		- Váy kín, hình ống, được làm bằng bốn mảnh vải chắp lại. Váy chia làm ba phần là cặp váy, thân váy và chân váy, màu chàm đen, thêu hoa văn đơn giản hoặc không thêu ở chân váy.	- Váy kín, hình ống, 4 mảnh chắp lại, váy chia làm hai phần là cặp váy và thân váy, màu đen, hoa văn rải khắp váy, đậm đặc ở chân váy, hoa văn chủ yếu hình học nhưng những hoa văn ở đây được thêu đơn giản cầu kỳ.
4	Thắt lưng (xay ẻo)		- Dài 1.5m; rộng 25cm, vải bông dệt màu đỏ hoặc xanh	- Dài 1.5m; rộng 25cm, vải bông dệt màu trắng.
5	Hoa tai (co hú)		- Hoa tai hình lõi ống chỉ, đập nổi hoa văn taleo 6 cánh, làm bằng bạc.	- Hoa tai làm bằng bạc, hình con đĩa uốn tròn phình ở giữa nhỏ ở 2 đầu và uốn cong lại.
6	Xà tích (pụa soi)		- Dây bạc, gồm nhiều các mắt xích nối lại với nhau, các mắt xích bạc hình chữ S, hình số 8, hình tròn, hình bầu dục.	- Dây làm bằng bạc, thân tròn nhẵn, tạo thành vòng tròn khép kín móc vào nhau, không chạm khắc hoa văn. Xà tích dùng để móc chìa khoá, dao nhíp hay thuốc Lào khi đi làm.

2.3.2. Trang phục trong hội hè, lễ tết

Ở Thường Xuân người Thái ít có điều kiện tổ chức các ngày sinh hoạt văn hoá cộng đồng, những sinh hoạt tín ngưỡng vui chơi... Đáng kể chỉ có các ngày tết, lễ hội phồn thực (thường tổ chức vào dịp tết) và các ngày có đám cưới trong bản. Đồng bào Thái ở đây sống khá vất vả, họ quanh năm đầu tắt mặt tối, chăm chỉ cần cù, không vào rừng thì xuống sông suối, không xuống ruộng thì lên nương. Trong khi cuộc sống đang còn vất vả, cuộc đời chưa vui và đầy đủ nhưng người Thái ở đây đã biết tổ chức những ngày vui cho mình. Những ngày hội hè, lễ tết đồng bào nghỉ việc, cả làng bản bừng lên khí sắc mùa xuân, ai cũng mặc những bộ trang phục mới nhất, đẹp nhất. Có khi trước ngày tết hoặc ngày hội, chị em còn phải thức thâu đêm để may vá thêu thùa cho xong những bộ váy, áo mới nhất, đẹp nhất kịp diện trong ngày đó.

Trái ngược với quan niệm trang phục hàng ngày, trong ngày hội hè, lễ tết, ai mà không có quần áo mới, đẹp để mặc thì thật xấu hổ, sẽ bị chê cười là lười biếng, không biết trồng bông dệt vải thêu thùa và không thành kính trang trọng, không có ý thức tốt trong việc góp vui làm đẹp cho lễ hội. Người Thái Thường Xuân ý thức được rằng trong lễ hội không những phải làm đẹp cho mình mà còn phải làm đẹp cho cả mọi người. Trong những ngày này cũng là dịp để các cô gái được trưng diện những bộ y phục mới nhất, đẹp nhất do chính đôi bàn tay khéo léo cần cù của mình làm ra. Có thể nói, muốn thấy được cái đẹp, cái bản sắc dân tộc Thái qua trang phục thì chúng ta phải tìm đến những ngày lễ hội.

Ngoài dùng các loại y phục mới cắt may, thêu cầu kỳ, người Thái Thường Xuân còn có loại “*xửa luôm*” (áo dài) dành riêng để mặc trong những ngày lễ hội. Loại áo dài này thường được dùng hai màu đen và trắng, tạo nên sự sang trọng trong lễ hội. Mặc dù chiếc áo dài này còn đơn giản

nhưng vì nó được may riêng để dùng trong ngày lễ hội nên nó nói lên một biểu hiện văn hoá khá cao của người Thái Thường Xuân. Những ngày hội hè, lễ tết cũng là những ngày mà đồ trang sức được đem hết ra sử dụng, cùng khoe sắc với y phục.

Như vậy, tuy sự khác biệt giữa trang phục ngày thường và lễ hội không lớn lắm, nhưng từ quan niệm, ý thức về cái đẹp và cách sử dụng trang phục của những ngày đó cũng phản ánh rõ nếp sống văn hoá của tộc người qua trang phục. Điều này chứng tỏ nếp sống văn hoá của tộc người Thái ở đây đã đạt đến trình độ khá cao.

2.3.3. Trang phục trong hôn nhân

Đám cưới của người Thái là việc làm lễ thành vợ chồng cho đôi trai gái yêu nhau, tự nguyện lấy nhau và chung sống lâu dài. Ngày cưới không chỉ là ngày vui, cái mốc quan trọng trong cuộc đời đôi trai gái mà còn là ngày vui chung của họ hàng trai gái, già trẻ trong bản.

Thường một đám cưới của người Thái Thường Xuân được tổ chức hai lần: lần thứ nhất ở bên nhà trai và lần thứ hai bên nhà gái. Tục cướp vợ trong đồng bào Thái vẫn còn, nhưng chỉ là hình thức. Trước đó đã có sự tìm hiểu của đôi trai gái và sự đồng ý của hai gia đình. Vào một ngày đã được bàn bạc định sẵn, nhà trai tổ chức (bạn bè, họ hàng nhà chàng trai) đến cướp cô gái, gia đình cô gái cũng giả vờ chống lại, đôi khi khá quyết liệt. Có thể tổ chức cướp vợ tại nhà cô gái hoặc nhằm lúc cô gái đi chợ, đi làm. Sau đó nhà trai cho người sang báo với gia đình nhà gái và tổ chức cưới trước bên nhà trai. Sau ba ngày thì nhà trai đưa cô dâu về nhà bố mẹ để tổ chức cưới và lấy những đồ tư trang của cô dâu về nhà chú rể. Khi đến tuổi lấy chồng các cô gái Thái đều ý thức cho mình sự chuẩn bị các tư trang váy, áo, chăn đệm, màn, gối...để lấy quần áo mặc trong ngày cưới và trang phục đem về nhà chồng như là một thứ của hồi môn.

Quần áo của cô dâu ở đây có thể nói khác với ngày thường là cắt may, thêu thùa rất đẹp, rất công phu và mới nhất, chưa mặc lần nào mà thôi. Không có loại y phục may khác kiểu dành riêng cho ngày cưới, chỉ có bộ áo dài của nam giới và nữ giới không được đem ra sử dụng.

Ngày cưới cô dâu mặc chiếc “*xửa côm*” (Thái trắng chọn “*xửa côm*” màu trắng còn Thái đen có thể mặc cả màu trắng và màu đen). Cùng với chiếc váy, thắt lưng, khăn đội đầu mới tinh được chuẩn bị thêu thùa công phu từ trước. Bộ y phục này có cô gái còn cẩn thận xem ngày lành tháng tốt rồi mới bắt đầu làm. Chuẩn bị trang phục trong ngày cưới và trang phục đem về nhà chồng là niềm hứng thú, say mê, niềm hạnh phúc của các cô gái. Không chỉ có các cô gái mà bố mẹ, anh em trong gia đình cũng chuẩn bị các đồ tư trang cần thiết nhất cho ngày cô gái về nhà chồng. Mẹ cô gái may sắm y phục, trang sức đẹp nhất, mới nhất để tặng con gái ngày về nhà chồng.

Phía nhà trai để chuẩn bị đón cô dâu tương lai, bà mẹ cũng dệt vải, may áo, váy, sắm đồ trang sức để đón con dâu.

Bình thường tư trang của cô gái đem về nhà chồng ít nhất phải có từ 2 - 4 đôi gối, 2 - 3 đôi chăn, 2 - 4 đôi đệm, 2 - 4 đôi chiếu, một đôi màn, 2 - 4 ghế mây, một đôi “*dón*” (đồ đựng như chiếc giỏ đeo bên hông) và tất cả các loại váy, áo... mà cô gái tự may sắm, chuẩn bị được trước khi lấy chồng. Những thứ khăn váy, áo... được bỏ vào chiếc bồ to (được làm rất đẹp, dành riêng cho các cô gái đựng tư trang trong ngày cưới) các thứ chăn, gối, đệm, màn, chiếu... được bó tròn lại và khiêng về nhà trai sau hôm cưới bên nhà gái. Cô dâu, chú rể đi trước các thanh niên khiêng vác các thứ này đi sau. Đám cưới to hay nhỏ còn phụ thuộc vào số lượng khiêng vác này. Càng nhiều đồ khiêng vác thì cô dâu càng hãnh diện, tự hào về thành quả lao động, sự khéo léo chăm chỉ của mình. Bố mẹ chồng cũng sẽ rất sung sướng khi chọn được cô con dâu tốt như vậy.

Về nhà chồng cô dâu sẽ tặng mẹ chồng một đôi gối, một đôi đệm, một bộ váy áo, một đôi “*dón*” và không thể thiếu được một đôi ghế mây. Bên ngành Thái đen khi cô dâu về nhà chồng thì phải mặc chiếc áo dài, cộc tay màu đỏ, xẻ ngực, có hai dây buộc lại và cô con dâu đến trước gian thờ nhà chồng vái lạy để trình ma nhà chồng, để từ đây cô gái trở thành người nhà chồng. Bên Thái trắng trên đường cô dâu về nhà chồng lại phải đội chiếc áo dài đen (dùng cho đàn ông mặc khi chết bên nhà chồng) gấp đôi hoặc gấp tư lại, đến chân cầu thang mới bỏ ra. Người Thái trắng cho rằng làm như vậy thì con ma rừng sợ hồn của người đàn ông bên chồng trú trong chiếc áo ấy mà không dám bắt hồn cô dâu trước khi ma nhà chồng nhận làm người nhà.

Để tỏ lòng yêu quý và chào đón con dâu mới, mẹ chồng tặng con dâu của mình một đôi vòng tay, một đôi hoa tay bằng bạc, một đôi khăn thêu, một đôi váy, một đôi áo. Những thứ này được trao tặng hôm cưới bên nhà trai và sau đó được bỏ vào bể đem về trong hôm cưới bên nhà gái để bố mẹ họ hàng nhà gái được biết cô dâu được tặng những thứ gì.

Trong các đồ tư trang của ngày cưới, những đồ này phải có đôi chứ không được lẻ. Vì trong quan niệm, người Thái cho rằng những vật dùng hàng ngày trong nhà nhất là trong ngày cưới phải có đôi để mong ước cô dâu, chú rể khi đã thành vợ chồng sẽ sống bên nhau hạnh phúc, êm đẹp suốt đời, suốt đời không thể thiếu được nhau.

Ngày cưới không chỉ là ngày vui của cô dâu chú rể và gia đình họ hàng hai bên mà còn là ngày mong đợi, là niềm vui chung của mọi người trong bản. Ngày đó các gia đình trong bản đều tự nguyện đến góp rượu, góp gạo (mỗi nhà 1 chai rượu và 10kg thóc) và góp công trong những ngày cưới. Đặc biệt những ngày này các cô gái chưa có chồng hoặc bạn gái cùng lứa tuổi với cô dâu tụ tập đến. Họ mặc váy, áo mới và vui chơi nhảy múa, giúp việc cho đám cưới. Mọi người đến dự đám cưới từ già đến trẻ, gái, trai đều mặc quần áo mới, sạch đẹp, biểu hiện sự sang trọng của lễ cưới.

Đêm tân hôn của đôi trai gái không được diễn ra ngay sau ngày cưới mà ít nhất cũng từ ba đến bốn tháng sau. Trong suốt thời gian đó em gái hoặc bạn gái của cô dâu đến ở chung làm cùng với cô dâu (bữa cơm cô dâu ăn riêng trong gian buồng). Khi nào cô dâu đã quen cuộc sống làm ăn bên nhà chồng thì khi ấy mới đến đêm tân hôn. Người Thái sẽ mượn một phụ nữ đứng tuổi (trên 40 tuổi) khoẻ mạnh, vẫn còn chồng, đông con, gia đình làm ăn tốt đẹp, hạnh phúc để đến rằm chiếu buồng màn, bỏ gói cho đôi trai gái chung chăn trong đêm tân hôn với ước mong cái phúc của người phụ nữ này sẽ truyền cho đôi vợ chồng trẻ.

Tóm lại: một đám cưới của người Thái ở Thường Xuân được chuẩn bị và diễn ra khá công phu, tốn kém. Trong ngày cưới nổi lên vấn đề là chuẩn bị và trao tặng trang phục. Trang phục được xem như một thứ của quý giá cho cô gái đem về nhà chồng. Tuy người Thái ở đây chưa đạt đến trình độ là chế tạo ra loại quần áo dùng riêng cho cô dâu, chú rể, nhưng qua những biểu hiện trên, chúng ta phải công nhận rằng người Thái cũng đã ý thức được sự sang trọng của trang phục trong ngày cưới như thế nào.

2.3.3.1. Trang phục của phụ nữ Thái trắng

Ngày cưới là ngày vui của cô dâu và gia đình cô dâu nhưng cũng là ngày vui của mọi người trong làng bản. Vì thế khi tham dự lễ cưới mọi người đều chuẩn bị cho mình những trang phục đẹp nhất.

Cô dâu: váy, áo, khăn đều còn mới, thêu đẹp chưa mặc lần nào. Trang sức đều được đem ra sử dụng như hoa tai hình ống chỉ, vòng cổ, vòng tay thân dẹt, xà tích. Khi về nhà chồng phải đội thêm chiếc nón giống chiếc nón của người kinh

Mẹ: váy, áo, khăn may giống trang phục ngày thường nhưng là những bộ mới nhất. Trang sức như hoa tai, vòng cổ, vòng tay và xà tích đều được đem ra sử dụng.

Chị em: trang phục cũng là những bộ mới nhất, đẹp nhất. Trang sức được đem ra sử dụng để làm đẹp cho mình cơ hội để các cô gái tìm kiếm bạn đời trong ngày vui.

Bà mối: váy, áo, khăn... là trang phục mới, đẹp và bà mối còn phải đeo “áp” đựng trầu cau.

Bà máy: váy, áo, khăn mặc như ngày bình thường, nhuộm chàm và thêu hoa văn.

Dân bản: ăn mặc trang phục như sinh hoạt ngày thường.

2.3.3.2. Trang phục của phụ nữ Thái đen

Cô dâu: Váy, áo, khăn may như trang phục ngày thường nhưng là những bộ mới nhất, đẹp nhất. Trang sức gồm hoa tai, vòng cổ, vòng tay và xà tích được đem ra sử dụng.

Mẹ: váy, áo, khăn may như trang phục ngày thường nhưng là những bộ đẹp nhất. Trang sức được đem ra sử dụng gồm: hoa tai con đĩa, vòng cổ, vòng tay và xà tích.

Chị em: trong ngày cưới chị em ăn mặc những trang phục đẹp nhất và mới nhất. Trang sức cũng được đem ra sử dụng để làm đẹp mình trong ngày cưới của chị, của bạn.

Bà mối: mặc váy, áo, khăn... là những trang phục mới, đẹp và bà đeo thêm “áp” đựng trầu cau, rượu.

Bà máy: mặc váy, áo bình thường, nhuộm chàm thêu hoa văn hình học.

Dân bản: váy, áo mặc đồ thường ngày hay mặc nhưng là những bộ váy áo còn đẹp, chưa cũ

2.3.4. Trang phục trong tang lễ

Khi một người già trong gia đình Thái ốm nặng, sắp mất thì người ta sẽ đánh mõ để cho họ hàng dân bản biết đến thăm hỏi và chia tay với người sắp mất. Khi người già tắt thở tin báo chính thức được truyền đi bằng cách đánh mõ, đánh chiêng, khua luống (khua vào cối giã gạo) những nhịp điệu đã qui ước để báo hiệu cho tất cả mọi người trong nhà có người đã chết. Sau tin

người chết truyền đi thì anh em họ hàng, dân trong bản liền đến chia buồn, thăm viếng người chết. Mọi người góp tay vào làm những việc cần thiết trong một đám tang. Một trong những công việc không thể thiếu được là chuẩn bị hoàn tất các đồ trang phục cho người chết và những người chịu tang.

Bình thường khi trong nhà có người đã già thì công việc chuẩn bị bao giờ cũng được bản thân người già, con dâu và những người trong gia đình lo chuẩn bị trước. Các bà già lo xa thường cắt may rất cẩn thận bộ váy áo mặc khi chết của mình, cắt để dành sẵn mới yên tâm. Người Thái ở đây không kiêng kỵ khi may sắm sẵn những thứ quần áo đó. Bố mẹ chồng mà được cô dâu may sắm quần áo chuẩn bị cho mình “*trăm tuổi*” là lấy làm quý hoá và yên tâm lắm. Nhưng họ lại kiêng không may cắt sẵn những đồ tang cho những người chịu tang mà đến khi người già tắt thở mới cắt may. Đồng bào cho rằng cắt may sẵn đồ chịu tang thì con cái trong gia đình sẽ chịu sự lo lắng mà không yên tâm làm ăn được. Do đó công việc cắt may sau khi người già chết chủ yếu là đồ cho người chịu tang.

Nếu trường hợp người chết đột ngột mà đã đến tuổi được làm ma theo đúng phong tục (thường từ 16 tuổi trở lên hoặc đã có vợ có chồng) thì người ta vội vàng bắt tay ngay vào may quần áo cho người chết và đồ tang cho những người chịu tang. Nếu nhà không có sẵn vải thì người ta đi vay, mượn nhà nào có vải dành riêng cho người chết về cắt may (con dâu hoặc cháu dâu, họ hàng làm chứ không bao giờ con gái làm). Thậm chí người ta có thể vay mượn hẳn bộ quần áo may sẵn để dành của một bà già nào đó.

Người Thái ở đây khi còn sống thì có thể mặc theo lối mới, vải cắt may theo giống như người Kinh, nhưng khi chết thì dứt khoát phải có váy, áo may bằng thứ vải tự dệt và kiểu cắt may truyền thống của ông cha đã từng mặc lúc sống và khi chết. Họ quan niệm có như vậy thì khi về thế giới bên kia, về “*mường ma*” thì ông bà, tổ tiên mới nhận ra mình và cho mình được chung sống. Nếu không tổ tiên sẽ không nhận ra con cháu, không cho chung sống, bị đuổi khỏi dòng họ và lúc ấy hồn người sẽ bơ vơ, không nơi nương tựa, lại trở

về trần gian và quấy nhiễu người sống. Mặt khác khi sống có thể ăn mặc rách, nhưng khi chết dù giàu nghèo thì cũng phải kiếm bộ quần áo dài, lành lặn dành riêng để gặp ông bà tổ tiên và được sự kính trọng của người trên mộ ma.

Người chết bao giờ cũng được con cháu vuốt mắt, tắm rửa bằng nước lá thơm còn ấm, chải đầu gọn gàng, sau đó mới mặc quần áo vào cho người chết. Khi chưa được nhập quan thì tử thi được đặt nằm trên chiếc đệm bông lau lót mảnh vải đỏ, phủ lên tử thi tấm vải trắng hoặc buông màn trắng xuống. Tử thi bao giờ cũng được đặt trên quan tài nằm ngửa ngay ngắn, chân duỗi thẳng, hai tay để trên bụng. Quan tài của người Thái là một cây gỗ to hình tròn được xẻ ra 2/3 làm thân quan tài và 1/3 làm nắp quan tài. Cả hai nửa được khoét theo hình lòng máng rồi úp lại với nhau. Chiếc gối hình sừng trâu có ý nghĩa liên quan trực tiếp đến loại quan tài này. Người Thái rất kiêng kỵ người đàn ông khi chết bị nằm ở tư thế không ngay ngắn, mặt hoặc người bị nghiêng. Đồng bào cho rằng nếu nằm sắp, nằm nghiêng thì người đàn ông sẽ không lên được mộ ma, hồn cứ quanh quẩn ở trần gian, tức giận mà làm hại con cháu. Do đó người Thái làm cái gối sừng trâu để sừng khum khum ôm đầu tử thi và kê vừa vào độ vòng của thành quan tài cốt giữ lấy khuôn mặt người đàn ông cho ngay ngắn. Vì thành quan tài của người Thái khoét lòng máng nên khiêng trên một địa hình đồi núi gập ghềnh tử thi dễ bị xô lệch. Cách giải thích này có lẽ có sức thuyết phục hơn cách giải thích là gối sừng trâu là để người đàn ông đem trâu về mộ ma cày bừa kéo gổ, nhà mồ đã có để một đàn trâu thật, hơn nữa gối sừng trâu này chỉ có hai cái sừng (hai đoạn gỗ cong cong) chứ làm gì có đầy đủ bộ phận của một con trâu.

Khi một người đã chết thì người Thái cố gắng gom hết các loại trang phục dù là nhỏ bé nhất của người chết đã dùng khi còn sống để chôn theo người chết. Nếu sau khi chôn cất còn tìm được thứ gì, dù quần áo cũ, rách của người chết thì đồng bào cũng đem ra treo ở nhà mồ cho người chết. Họ

cho rằng nếu còn sót lại quần áo thì người chết sẽ quay về đòi lấy, quấy nhiễu con cháu.

Những mảnh vải “*phượn*” đắp lên người chết chính là vải vóc con cháu cho người chết đem dùng. Khi đắp lên con trai người chết hoặc họ hàng nói rằng: ông (hay bà, cha, mẹ) hãy giữ lấy những thứ vải vóc, quần áo con cháu gửi theo này mà dùng, ai xin đừng cho, ai mua đừng bán. Đây cũng là lời dặn cuối. Như vậy, vải vóc quần áo không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người Thái Thường Xuân mà nó còn thể hiện sâu sắc điều đó cả khi con người đã trở về với đất. Một nét biểu hiện văn hoá khá cao của họ là đã biết may riêng một loại quần áo cho con người mặc khi chết, chỉ táng một lần sau đó không sang mộ nữa. Nếu một cô gái đi lấy chồng, hành trang đem theo nhiều nhất là vải vóc, trang phục - thứ được coi như của hồi môn thì khi con người nhắm mắt làm cuộc hành trình về miền ma, cái được chuẩn bị đầu tiên và sắm đầy đủ nhất cũng phải kể đến vải vóc trang phục.

2.3.4.1. Tang phục của người Thái trắng và Thái đen

Ngành TT	Thái trắng	Thái đen
1.	<p>- Người chết</p> <p>Khăn đội đầu bằng vải sợi bông nhuộm chàm nhạt, thêu hai đầu khăn đơn giản.</p> <p>Áo ngắn xẻ ngực, nẹp áo không có khuy, vải sợi bông trắng.</p> <p>Váy thêu đẹp, chưa mặc và sử dụng lần nào. Sau đó người chết được mặc áo “<i>xửa luôm</i>” ở ngoài.</p>	<p>- Người chết</p> <p>Khăn đội đầu bằng vải sợi bông nhuộm mầu chàm, dài 1,2m và rộng 25cm không thêu hoa văn.</p> <p>Áo “<i>xửa luôm</i>” xẻ tà, chui đầu, tay áo dài, vải sợi bông nhuộm chàm.</p> <p>Váy có hai thân là thân váy và cặp váy, váy không thêu hoa văn.</p>

2.	<p>- Người chịu tang</p> <p>Chủ tang: khăn đội đầu trắng (1,2m x 0,25m) quấn quanh đầu một vòng và buộc thả về phía sau.</p> <p>Áo xẻ ngực, nẹp áo không có khuy, thân áo dài, vạt áo xẻ thành các tua vải, áo màu trắng</p> <p>Váy kín hình ống, vải sợi bông nhuộm chàm không có chân váy, không thêu hoa văn. Thắt lưng màu trắng. Không đeo trang sức.</p>	<p>- Người chịu tang</p> <p>Chủ tang: khăn trắng dài 1m, rộng 25cm, không thêu hoa văn.</p> <p>Áo xẻ ngực, không có khuy, buộc bằng dây vải, thân áo dài 25cm, tay áo dài chắp ở khuỷu tay, áo màu trắng.</p> <p>Váy nhuộm màu chàm đen, không thêu hoa văn. Thắt lưng màu trắng. Đồ trang sức không đeo</p>
3.	<p>Con gái: khăn đội đầu khăn tang trắng, áo trắng xẻ ngực, váy đen không thêu hoa văn, thắt lưng màu trắng.</p>	<p>Con gái: áo xẻ ngực không khuy, đầu chít khăn trắng dài 1,2m và rộng khoảng 25cm. Váy nhuộm màu đen, không thêu hoa văn.</p>
4.	<p>- Con dâu: khăn tang trắng đội đầu. Áo trắng xẻ ngực. Váy đen không thêu hoa văn, ở ngoài mặc áo “<i>xửa luôm</i>”.</p>	<p>- Con dâu: áo ngắn xẻ ngực, thân áo dài 25cm, tay áo dài chắp ở khuỷu tay. Áo may bằng vải sợi bông trắng, đầu chít khăn trắng dài 1,2m và rộng khoảng 25cm. Váy giống váy mặc thường ngày nhưng không thêu hoa văn, thắt lưng màu trắng.</p>

5.	- Hộ hàng: đầu đội khăn tang trắng, áo mặc như ngày bình thường. Váy màu đen không thêu hoa văn.	- Hộ hàng: áo mặc thường ngày, đầu đội khăn trắng. Váy màu đen không thêu hoa văn.
6.	- Bà mo: đầu đội khăn trắng, áo ngắn xẻ ngực màu đen. Váy màu đen không thêu hoa văn	- Bà mo: đầu đội khăn trắng, áo ngắn xẻ ngực màu trắng. Váy đen không thêu hoa văn.
7.	- Làng bản: mặc bình thường như trong sinh hoạt hàng ngày.	- Làng bản: mặc váy, áo cũ, không đội khăn mà để đầu trần. Không đeo trang sức.

2.4. Những biến đổi trong trang phục của người Thái Thường Xuân (Thanh Hóa)

Trong quá trình phát triển, trang phục Thái cổ truyền có nhiều thay đổi và gần đây nó lại càng thay đổi mạnh trong xu hướng ảnh hưởng trang phục của người Kinh và lối mặc âu phục. Đây là một hiện tượng tất yếu. Khi vùng miền núi Thường Xuân được mở mang các con đường giao thông, mở mang kinh tế - văn hoá thì sự giao lưu buôn bán thuận lợi, các dân tộc anh em khác (nhất là người Kinh) lên buôn bán, trao đổi, dạy học và định cư bên cạnh người Thái. Sự thay đổi trang phục của người Thái Thường Xuân xứ Thanh có thể chia làm 3 thời kỳ.

2.4.1. Thời kỳ trước năm 1945

Thời kỳ này cơ bản trang phục Thái Thường Xuân đang còn giữ được những nét truyền thống nhất là trang phục của phụ nữ. Nền kinh tế và sinh hoạt xã hội lúc này đang còn rất lạc hậu, tự cấp tự túc và cuộc sống hầu như biệt lập với các vùng khác. Trong tình hình chung lúc bấy giờ kiếm được đồng tiền để mua sắm quần, áo là hết sức khó khăn. Trên vùng Thái chỉ có

bọn Lý trưởng, Hương bạ... là có tiền sắm vải dệt công nghiệp, lụa là, gấm vóc để mặc. Chúng tạo ra một lối may mới và chất vải riêng, cấm dân thường mặc theo lối đó. Đại bộ phận đồng bào Thái vẫn mặc vải thô tự dệt, tất cả các gia đình Thái đều trồng bông dệt vải. Do vậy trong thời kỳ này hầu như toàn bộ phụ nữ và trẻ em vẫn vẫn giữ nguyên bộ trang phục cổ truyền với chất liệu vải thô tự dệt. Các đồ trang sức với chất liệu vàng, bạc đang còn khá nhiều.

2.4.2. Thời kỳ sau năm 1945

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, vấn đề thương du Thanh Hoá đã được Đảng, Chính phủ và tỉnh nhà quan tâm chăm lo về kinh tế - văn hoá. *“Tỉnh lập ra ban tiếp tế miền Tây”* [16; tr8] vận chuyển muối gạo, các hàng hoá vải vóc về với đồng bào dân tộc Thái Thường Xuân. Thời kỳ này âu phục đã xuất hiện ở một số nam thanh niên do họ mua vải về may hoặc mua quần, áo. Một số phụ nữ mua vải dệt công nghiệp về may “xửa còm” hay “xửa luôm”. Tuy nhiên nghề trồng bông dệt vải lúc này vẫn đóng vai trò quan trọng, cung cấp vải chủ yếu để may trang phục. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều đường giao thông lớn và cầu cống bê tông đã được xây dựng ở vùng Thái Thường Xuân, việc giao lưu thông thương khá thuận tiện. Kinh tế - văn hoá được mở mang do chủ trương của Đảng bộ huyện Thường Xuân. Đồng bào Kinh lên làm ăn ngày càng nhiều, một số đem cả gia đình lên định cư. Trong bối cảnh đó trang phục có nhiều thay đổi hơn nữa, đã xuất hiện trang phục của người Kinh trên người những cô gái Thái.

2.4.3. Thời kỳ từ năm 1975 đến nay

Có thể nói sự biến đổi về trang phục Thái diễn ra mạnh mẽ và nhanh chóng nhất là từ sau năm 1975 đến nay. Đây là thời kỳ bắt đầu chuyển hoá về trang phục phụ nữ và tiếp tục biến đổi sâu sắc. Do trong thời kỳ này, người Kinh lên đây sinh sống ngày một nhiều, một số chị em người Thái đi công nhân, đi thanh niên xung phong, hay công tác thoát ly nay trở về Thường

Xuân, một số con em đồng bào đi học xa nay đã thôi không mặc trang phục cổ truyền Thái nữa mà chuyển sang may trang phục kiểu người Kinh và âu phục với đầy đủ các màu sắc, kiểu quần, áo, mũ, nón...

Phụ nữ Thái ngày nay tuy vẫn mặc váy bằng vải thô tự dệt, nhưng không may áo bằng vải đó nữa mà mua vải dệt công nghiệp về may hoặc mua áo may sẵn mặc (áo do người Kinh may). Toàn bộ “xửa côm” và “xửa luôm” bây giờ đều may bằng vải dệt công nghiệp. Xã Xuân Lộc là nơi điển hình của vùng Thái Thường Xuân. Chúng tôi đã lấy xã này để thống kê số người còn mặc áo cổ truyền của hai ngành Thái trắng và Thái đen. Xã Xuân Lộc có tổng dân số là: 2841 người (có 1358 nam và 1483 nữ), trong đó người Thái chiếm đa số (2582 người), người Kinh có 257 người (có 112 nam và 145 nữ) và người Mường là 2 người nữ [66]. Con số thống kê sau đây của chúng tôi chủ yếu nói về cách ăn mặc của phụ nữ Thái. Vì hiện nay nam giới Thái đã ăn mặc như người Kinh rồi.

1. Số lượng mặc áo, váy cổ truyền ở các lứa tuổi

- Về mặc áo:

Phụ nữ từ 25 - 45 tuổi: hiện nay còn có khoảng 60% mặc áo ngắn (xửa côm), 20% mặc áo sơ mi và 20% mặc áo bà ba.

Lứa tuổi từ 45 trở lên: hiện nay còn 60% mặc áo “Xửa côm”, 30% mặc áo bà ba, 10% mặc áo sơ mi.

Tuổi từ 15 - 25: có 20% mặc áo “xửa côm”, số còn lại thì mặc áo sơ mi

- Về mặc váy:

Từ 15 - 20 tuổi: có tới 70% người mặc quần, số còn lại mặc váy nhưng vẫn may quần để mặc.

Tuổi từ 20 - 25: có 60% người mặc váy, còn lại mặc quần

Từ 25 tuổi trở lên: có tới 90% người mặc váy, còn lại lúc mặc quần lúc mặc váy. Đây là thế hệ phụ nữ cuối cùng sinh ra lớn lên đã mặc váy.

2. Số lượng sử dụng khăn và áo dài cổ truyền

- Về sử dụng khăn:

Lứa tuổi từ nhỏ đến 15 tuổi không còn đội khăn cổ truyền nữa mà hay đội khăn vuông len xanh.

Từ 15 đến 25 tuổi: có 60% đội khăn “piêu”, số còn lại đội khăn len xanh (khăn) hoặc không đội gì.

Từ 25 tuổi trở đi có tới 90% người còn đội khăn cổ truyền.

- Về áo dài: thường ngày người Thái không ai mặc áo dài cổ truyền. Chúng ta chỉ bắt gặp những cánh áo dài vào ngày tết, lễ hội ở các lứa tuổi từ 50 trở lên và số người mặc cũng không nhiều (khoảng 10%).

Như vậy sự thay đổi của trang phục Thái Thường Xuân theo xu hướng “Kinh hoá” có thể nói là khá sâu sắc. Sự thay đổi đó được thể hiện từ khâu đầu tiên là trồng bông dệt vải. Ngày nay có đến 95% gia đình ở xã Xuân Lộc không trồng bông nữa. Đồng bào tính rằng công và đất bỏ ra để trồng bông để lại trồng lúa hoặc trồng ngô, sản lấy sản phẩm đổi lấy sợi vải thô (sợi thô công nghiệp) về dệt tiện lợi và rẻ hơn nhiều. Nghề trồng bông gần như đã chết. Tuy nhiên nghề dệt thủ công vẫn tồn tại và nó chiếm một vai trò khá quan trọng. Phần lớn khăn, váy, chăn, màn, đệm gối trong nhà và trang phục của người chết hiện nay vẫn cần dùng đến vải thô tự dệt. Đến 80% số hộ gia đình Thái vẫn mua sợi về dệt, số còn lại đã “đoạn tuyệt” với vải thô tự dệt hoặc dùng rất ít, khi cần thì nhờ dệt hoặc ngồi nhờ khung dệt nhà khác.

Chủng loại và màu sắc trang phục cũng phong phú hơn xưa. Ngày xưa váy chỉ mặc với “xửa côm” và “xửa luôm”, ngày nay váy có thể đi với áo sơ mi, áo bà ba, áo phông. Một người phụ nữ có thể tùy từng nơi từng lúc mà mặc y phục cổ truyền hay âu phục. Các đồ lót đơn giản như “xửa hóm nôm” xưa kia cũng được thay thế bằng loại xu - chiêng của người Kinh. Do có loại

vải quần, áo dệt kim nhuộm sẵn, đồng bào Thái biết kết hợp thuốc nhuộm cổ truyền với thuốc nhuộm hoá học nên sắc phục và đồ án hoa văn sắc sỡ phong phú hơn xưa, có cả các màu sắc mà xưa kia đồng bào không tự chế ra được như màu hồng, màu tím, màu xanh nước biển.

Đồ trang sức ngày nay cũng khác xưa nhiều. Vòng bạc vẫn được phụ nữ Thái ưa thích nhưng còn lại không nhiều, chất liệu bạc cũng rất hiếm phần lớn bị pha chế hoặc thay bằng nhôm, hợp kim. Các cô gái Thái đã dùng các loại vòng nhựa (xanh, đỏ, tím, vàng) hay vòng mạ bạc để đeo tay, hay hoa tai giả bạc, vàng mua ở chợ. Chiếc vòng cổ được thay thế bằng chuỗi hạt cườm đen, trắng. Xà tích chỉ còn xuất hiện ở các bà, các chị còn mặc váy.

Cứ theo xu hướng thay đổi như hiện nay thì số phận của trang phục Thái Thường Xuân sẽ ra sao? Đó cũng là câu hỏi lớn đặt ra cho chúng tôi khi nghiên cứu về trang phục cổ truyền Thái Thường Xuân.

Với tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật và nền kinh tế văn hoá của cả nước ngày càng nhanh, càng tiến bộ, nhu cầu ăn mặc của con người cũng đòi hỏi không ngừng được nâng cao. Sự chênh lệch về mức sống và sự cách biệt giữa miền núi và miền xuôi dần dần được xoá bỏ. *“Quan hệ giữa đồng bào Thái và các dân tộc anh em ngày càng được mở rộng. Văn hoá Thái hoà nhập vào văn hoá tổ quốc Việt Nam thống nhất. Đó là qui luật tất yếu của lịch sử, đó cũng là tiền đề kinh tế - xã hội cho các mối quan hệ văn hoá giữa các tộc người ngày càng mạnh mẽ”* [57; tr175].

Xu hướng phát triển của trang phục Thái cũng như các dân tộc thiểu số ở các vùng miền núi nước ta là ngày càng xoá bỏ những cái thủ công, trì trệ trong sản xuất trang phục và những bất tiện của trang phục trong cuộc sống sinh hoạt và lao động hàng ngày, hoà nhập với các dân tộc anh em khác. Nhưng lẽ nào trang phục của một dân tộc đã đạt đến trình độ “nghệ thuật” rất

đặc sắc và nổi tiếng sẽ “chết dần” đi và thay thế bằng trang phục của dân tộc khác, để trong tương lai nghệ thuật trang phục ấy chỉ còn là hình ảnh của quá khứ in trên sách báo. Trong tác phẩm *“nghệ thuật trang phục Thái”*, T.S Lê Ngọc Thắng đã đưa ra một số ý kiến rất đúng đắn trong việc bảo tồn yếu tố truyền thống của trang phục Thái trong tương lai, với chủ trương: *“trong cuộc sống mới đòi hỏi chúng ta phải có một sự xử lý vừa đảm bảo bản lĩnh bản sắc tộc người vừa hoà nhập vào sự thống nhất của văn hoá cả nước”*. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý và ủng hộ ý kiến đó. Dựa vào những ý kiến chung của T.S Lê Ngọc Thắng, chúng tôi xin đưa ra một số đề nghị đối với trang phục của Thái Thường Xuân trong hiện tại và tương lai:

- Những ngày sinh hoạt cộng đồng như hội hè, lễ tết là những ngày con người tìm về với cội nguồn, những truyền thống tốt đẹp. Những ngày này chỉ chiếm một thời gian ít ỏi trong một năm và thường tiến hành trong những dịp mọi người đều nghỉ việc chỉ có vui chơi thoải mái. Do đó người Thái có thể mặc những bộ lễ phục hoặc trang phục cổ truyền của dân tộc mình trong hội lễ. Điều đó vừa làm sống lại bản sắc cổ truyền của dân tộc trên trang phục, vừa làm lễ hội thêm long trọng đúng với tính chất lễ hội cổ truyền.

- Trong sinh hoạt và lao động hàng ngày tại làng bản, trang phục Thái vẫn có điều kiện và sự cần thiết giữ lại yếu tố cổ truyền. Bởi vì nền kinh tế của đồng bào cơ bản vẫn là nông nghiệp ruộng rẫy với phương thức sản xuất thủ công, cổ truyền. Do đó trang phục vẫn có thể phù hợp với cuộc sống sinh hoạt và lao động hàng ngày hoặc tùy từng lúc, từng nơi, từng mùa mà sử dụng trang phục cổ truyền hay âu phục.

- Trang phục trong tang lễ cũng là một vấn đề cần được thay đổi. Khi một người Thái mất thì vải vóc trang phục mua sắm, chuẩn bị để chôn theo người chết và làm đồ tang cho người chịu tang khá vất vả, tốn kém, mất nhiều thì giờ và công sức nên chúng ta cần đơn giản hơn để tránh tốn kém.

- Trong cưới xin các cô gái cũng mất khá nhiều thời gian để chuẩn bị các đồ tư trang, đôi khi chỉ làm để lấy hình thức. Việc sử dụng vải vóc và giảm bớt của hồi môn sẽ là một trong việc giải phóng phụ nữ, để chị em có thời gian tham gia các hoạt động xã hội khác.

Trang phục Thái Thường Xuân là một mảng đề tài lớn mà chúng ta cần đi sâu vào nghiên cứu hơn nữa nhằm góp phần nhỏ bé vào chương trình nghiên cứu văn hoá Thái ở nước ta, góp phần vào việc xây dựng, phát triển kinh tế - văn hoá của đồng bào Thái nói chung và đồng bào Thái Thường Xuân nói riêng, xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc anh em trong nước Việt Nam thống nhất.

Tiểu kết chương 2: Những điều kiện tự nhiên - xã hội khác biệt của địa phương đã tạo nên một nét văn hoá riêng biệt của tộc người Thái Thường Xuân. Một trong những nét văn độc đáo này là trang phục của phụ nữ Thái. Người Thái ở đây đã chịu thương chịu khó trồng bông, dệt vải làm ra trang phục cho người thân trong gia đình và cho cả nhu cầu trang điểm của mình. Trong trang phục lại có nhiều kiểu váy, áo dùng trong những ngày khác nhau trong năm như: trang phục dùng trong ngày sinh hoạt thường ngày, ngày hội hè lễ tết, trong hôn nhân và trong tang lễ. Cùng với y phục, trang sức (vòng cổ, vòng tay, hoa tai, xà tích...) cũng được đem ra sử dụng để làm đẹp mình trong những ngày vui.

Tuy nhiên, do trong tộc người Thái có hai ngành (Thái trắng và Thái đen) cùng sinh sống nên việc làm ra trang phục của hai ngành cũng có sự khác nhau. Áo của người Thái trắng thường mang màu trắng hoặc màu sáng, váy bao giờ cũng được chia làm 3 phần (cạp váy, thân váy và chân váy) với những hoa văn động thực vật phong phú, đa dạng. Còn người Thái đen, chiếc áo thường được nhuộm màu đen hoặc màu xám. Váy được chia làm hai phần (cạp váy và thân váy) và hoa văn trang trí trên thân váy bao giờ cũng kém

phong phú hơn so với váy Thái trắng. Nhưng chính mỗi ngành Thái (Thái trắng - Thái đen) có màu sắc của trang phục khác nhau đã làm cho trang phục của người Thái nơi đây trở nên phong phú đa dạng. Chính vì thế, khi nói đến văn hoá vật chất của người Thái Thường Xuyên, mọi người không quên nhắc đến - đó là trang phục của người phụ nữ.

CHƯƠNG 3

ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT TRONG TRANG PHỤC CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ THÁI THƯỜNG XUÂN (THANH HÓA)

3.1. Nghệ thuật tạo hình và trình bày hoa văn, màu sắc trên trang phục

3.1.1. *Truyền thuyết về nghề nhuộm của dân tộc Thái*

Khi giải thích về sự ra đời của nghề nhuộm, truyền thuyết của dân tộc Thái kể rằng: Bản mường đang yên ổn, bỗng có một con thú rất lớn xuất hiện, nó lớn đến mức cái lưng ngang tầm ngọn núi - nó là con Moong Lồ. Một cuộc săn đuổi được tiến hành, con Moong Lồ bỏ chạy, nó chạy tuốt vào trong khe núi và bị kẹt bụng ở đấy. Người khắp mường đến giết nó và đưa nhau đến lấy thịt. Một chàng trai người Thái đóng gánh cả bộ da con Moong Lồ mang về, chàng đem tấm da con thú phơi lên cây sào. Một màu hoa rực rỡ sáng lên cả bản, da con thú thật đẹp: xanh, đỏ, hồng, tím nổi lên và lại có cả hình chim thú trên da [1; tr21]. Các cô gái nhìn hình mẫu trên da con thú, nhuộm đắp những sợi chỉ màu viền lên những đường nét như da con thú, nhuộm lên những đồ trang sức, thảm hoa tô điểm cho con người.

Ngày nay, chị em phụ nữ Thái Thanh Hoá cũng như phụ nữ Thái Thường Xuân đã sáng tạo nên những bộ trang phục với kỹ thuật nhuộm, dệt đạt trình độ rất cao trong nghệ thuật tạo hình, xử lý bố cục và màu sắc. Đặc biệt mỗi một mô típ hoa văn được đưa vào trang phục thể hiện tín ngưỡng và mang ý nghĩa tâm linh của dân tộc.

3.1.2. *Khăn piêu*

3.1.2.1. *Hoa văn trên khăn piêu*

Khăn đội đầu của phụ nữ là một trong những thổ cẩm nổi tiếng của người Thái Thường Xuân, khăn bao giờ cũng được trang trí nhuộm thùa rất kỳ công ở hai đầu.

So với người Thái ở các vùng khác thì khăn đội đầu của người Thái Thường Xuân đơn giản hơn. Phần lớn mỗi đầu khăn đều có kiểu bố cục là chia thành ba phần hình chữ nhật bằng nhau dọc theo đầu khăn, chiều dài mỗi phần dài 20cm, rộng 12 - 13cm. Một số khăn thì để nguyên một mảng lớn ở đầu khăn sau đó thêu hình mặt trời hoặc mặt trăng vào giữa tạo nên mảng trung tâm.

Khăn đội đầu của Thái Thường Xuân rất phổ biến, ở hai ngành Thái trắng và Thái đen đều thêu các mô típ quen thuộc như hoa văn hình học, tam giác, hình núi non, hình sóng nước trên ba phần được chia đều bằng nhau. Một số khăn (loại lấy mặt trời, mặt trăng tạo mảng trung tâm ở người Thái đen) có thêm các hình mặt trăng, mặt trời cách điệu, phần phụ thêu các loại hoa đào (boók đao), hoa rau sam (phắc lam), hình cây đa (cọ bá).

Cách sử dụng màu sắc trên khăn cũng khá giống nhau, chỉ khác ở lứa tuổi: các cô gái thì ưa dùng màu sắc sặc sỡ, tươi trẻ. Còn các bà già thì màu nâu sẫm, giản dị và sâu lắng hơn. Tuy nhiên, nhìn kỹ chúng ta lại thấy rằng hai đầu khăn được thêu thùa khá công phu, tinh xảo và sử lý màu rất đẹp. Khăn được sử dụng đầy đủ các loại màu nguyên chất (như đỏ chói, xanh biếc...) Nhưng các màu này không đứng thành các mảng lớn mà được đập vụn ra và đứng xen kẽ nhau, thay đổi nhau. Tuy các màu sắc đối chọi nhau nhưng những “giọt màu” dài, nhỏ bé này đứng cạnh nhau lại tôn màu sắc của nhau lên và trông rất dịu mắt. Kiểu thêu xen kẽ màu và đối xứng màu khá phức tạp. Phải thêu và sử lý màu sao cho sợi thêu này không đè lên sợi thêu kia, màu nào ra màu ấy, nhưng đến khi nhìn tổng thể các màu lại không rời rạc mà hoà quyện với nhau tạo thành những hình sóng nước mềm mại, hay hình núi non trùng điệp. Phụ nữ ở đây còn gọi là các hình “son thoi” (bát úp). Nếu ta so sánh kiểu bố cục trang trí này với khăn Thái Tây Bắc thì thấy nó có vẻ cổ xưa, đơn giản hơn. Theo các nhà nghiên cứu trang phục thì hoa văn trên

trang phục, màu sắc, cách tạo hình, cách bố cục và kỹ thuật tạo dáng đơn giản, thô sơ thường là cỡ hơn loại đã đạt đến trình độ tinh xảo, có đủ tính chất phức tạp của nó. Rất có thể cách bố cục trang trí trên khăn đội đầu của Thái trắng Thường Xuân là một lối trang trí cỡ xưa mà các vùng Thái khác không bảo lưu được. Loại khăn này được các cô gái Thái Thường Xuân sử dụng phổ biến nhất.

Một loại khăn nữa mà cách bố cục trang trí của nó cũng rất đáng chú ý. Loại này thường gặp ở người Thái đen Thường Xuân. Mẫu khăn này chúng tôi lấy từ một chiếc khăn của một phụ nữ xã Xuân Chinh. Một đầu của chiếc khăn được thêu hình mặt trăng (bướn) được cách điệu ở dạng rất thô nằm ở chính giữa đồ án hoa văn. Mặt trăng cách điệu có hình lục giác màu trắng bao bọc lấy hình lục giác nhỏ hơn (tỉ lệ 2 - 1), màu đen (trông giống như một lỗ thủng) nằm ở giữa. Có bốn tia sáng màu trắng phồng ra từ hình mặt trăng và bốn con bướm đồng dạng châu đầu vào mặt trăng. Phần phụ của đồ án được thêu hình hoa lá cách điệu: hoa rau sam (phắc lam), cây đa (co bá), hoa đào (boók đao) và nhiều loại hoa lá không tên khác. Đặc biệt trên khăn còn có chữ V mà đồng bào gọi là hình xương rắn (đúc ngu). Chúng tôi chưa rõ tại sao lại có hình xương rắn và nó nói lên điều gì? Một đầu kia của khăn được thêu hai cây hoa (co boók) cách điệu. Cây gồm có bốn cành mọc đối xứng vươn lên phía trên và một ngọn chĩa thẳng đứng, ở bốn cành và ngọn này có 5 bông hoa cách điệu được đầu của cành chia đôi ra hình chữ Y đỡ lấy như đài hoa đỡ bông hoa. Một bông hoa nữa nở ra ở giữa cây hoa (phía dưới cùng - điểm chĩa ra hai hai cành đối xứng). Các bông hoa giống hệt nhau về hình dáng, kích thước, chỉ khác nhau về màu sắc. Thân cây to, mập mập, thẳng tắp, phía dưới mọc ra ba rễ cũng rất khỏe. Cây hoa này rất giống với cây hoa trên khăn piêu của người Thái Yên Châu - Sơn La [35; tr100]. Một lần nữa chúng tôi lại đặt khả năng có một mối liên hệ khá mật thiết xưa kia giữa nhóm Thái

Thường Xuân và nhóm Thái Sơn La. Người Thái Thường Xuân đã đưa lên chiếc khăn những hình ảnh rất quen thuộc trong đời sống hàng ngày: sông, núi, cây cỏ đặc biệt là bông hoa rau sam (phắc lam) màu vàng bé xiu hay mọc là là, len lỏi ở các lối mòn cũng được người phụ nữ đưa vào đồ án hoa văn và trở nên đẹp, gây nên cảm giác ấm cúng, gần gũi thân thuộc. Đó là loại cây rau dại mà đồng bào vẫn hái về luộc ăn hoặc sắc thuốc uống chữa bệnh lở ngứa. Hình hoa rau sam còn xuất hiện rất nhiều lần trên hoa văn chân váy. Điều này chứng tỏ sự quan sát của người phụ nữ Thái Thường Xuân cũng khá tinh tế.

Nhìn chung khăn đội đầu của người Thái Thường Xuân khá đơn giản, nó không được gia công trang trí công phu như Thái Tây Bắc. Tuy nhiên với cách pha màu khéo léo và kỹ thuật thêu điều luyện khăn của phụ nữ Thái Thường Xuân vẫn rất đẹp, độc đáo nói lên nhiều nét riêng biệt của mình và nó có nhiều nét giống hoặc phản phát giống Thái Sơn La. Có lẽ đây là cách bố cục trang trí khăn khá xưa của người Thái.

3.1.2.2. Biểu tượng tâm linh của khăn piêu

Người Thái gọi chiếc khăn đội đầu của người phụ nữ là “*piêu*”, người Việt gọi là khăn “*piêu*”. Khăn đội đầu của phụ nữ thì hầu như dân tộc nào cũng có, song khăn “*piêu*” của phụ nữ Thái Thường Xuân Xứ Thanh có nét độc đáo riêng.

Trước hết, khăn “*piêu*” là vật biểu tượng của tâm linh. Những hoa văn thêu trên khăn chủ yếu có ba mô-típ là “*Kút piêu*”, “*Xai peng*” và “*Taleo*”. Mỗi một hoa văn là một biểu tượng của sự sống và tình yêu: “*xai peng*” là dây tình của đôi lứa; “*kút piêu*” là phẩm vật cao quý biểu bệ trên và “*Ta leo*” là vật “*cắm*” trừ đuổi tà ma bảo vệ “*thần hồn*” cho người đội khăn. Đó là ba hiện vật thờ phụng của người Thái được phụ nữ cất giữ trên đầu.

Người Thái có quan niệm: sự sống mỗi con người được ví như "sợi" bắc của ngọn nến gọi là: "*xái khoăn*" (bên cạnh đây "*xai peng*" khi "*xái khoăn*" đứt là con người chấm dứt sự sống [1; tr222]).

Do quan niệm đó nên dân tộc Thái khi có người qua đời người ta dùng một sợi bắc bằng chiếc đĩa bọc sáp ong đặt trên quan tài, một đầu thấp sáng tượng trưng cho sự sống của người đó. Khi quan tài đưa xuống mồ thì ngọn lửa tắt cũng là chấm dứt sự sống của người đó trên thế gian này.

Nếu "*xai peng*" là biểu tượng về hai dây tình của trai gái "*xoăn xuyt*" thì "*kút piêu*" và "*xái mo*" (quả trứng tín ngưỡng) là nói về hai chất "*tinh khí*" có "*màu trắng*" và "*đỏ*" của Po Me. Có nghĩa "*kút piêu*" là hình "*âm dương*", tiếng Thái gọi là chất "*đực - cái*" (*Po Me*) và ở đây chân của "*kút piêu*" được nối vào sợi dây "*xái khoăn*" (sự sống).

Hoạ tiết đồng tiền âm dương trên khăn tang phụ nữ Thái người Thái cho rằng sống và chết cũng chỉ là sự luân đổi Mường sống. Sống là Mường trần, chết là về Mường trời cũng như mọi vật luôn có sự hài hoà của âm dương. Người dâu trưởng (*pợ ông*) đội khăn tang hoa văn đồng tiền âm dương để với ý nghĩa tiễn đưa người đã khuất về Mường trời được suôn sẻ và thực hiện nghĩa vụ báo hiếu với người đã khuất. Chiếc khăn này là vật tâm linh và rất thiêng của người Thái được trân trọng và cất giữ cẩn thận, chỉ có những người có trách nhiệm như dâu trưởng mới được cất giữ và sử dụng nó khi cha, mẹ chồng khuất núi.

3.1.3. Nghệ thuật trang trí trên váy

Nếu như người Mường lấy phần cạp váy để trang trí hoa văn thì người Thái lại tập trung phần thêu hoa văn xuống dưới chân váy. Chân váy chiếm một vị trí quan trọng trong nghệ thuật tạo hình cổ truyền của người Thái Thường Xuân. Có thể nói để bù lại cho chiếc khăn đội đầu, chân váy của người Thái Thường Xuân được thêu thùa khá công phu có vẻ đẹp rực rỡ, với

rất nhiều mô típ hoa văn cách bố cục và sử lý màu. Bằng mảng hoa văn trên chân váy, người phụ nữ Thái Thường Xuân đã nói lên rằng mình đã tiến xa trong kỹ thuật thêu cũng như đạt đến điểm khá cao trong nghệ thuật tạo hình, xử lý bố cục và màu sắc. Họ có thể tự hào mà nói rằng váy của người Thái Thường Xuân không thua kém bất cứ một vùng Thái nào trong nước. Nhưng có cái đẹp phong phú đa dạng như vậy trước hết phải nói đến váy của phụ nữ Thái trắng.

3.1.3.1. Váy của người Thái trắng

- Hoa văn trên chân váy: Chân váy là phần dành thực hiện đồ án hoa văn của người Thái trắng. Phần này cao khoảng $\frac{1}{4}$ so với chiều dài của váy (khoảng trên 20cm). Phần chân váy được giới hạn bởi phần sọc đỏ trắng, vàng...đứng xen kẽ nhau chạy quanh thân váy phía trên. Phía dưới sát gấu váy cũng được viền những hàng sọc như thế. Phần chân váy với những hàng sọc trên và dưới là những đường dệt riêng, chân váy được thêu riêng rồi mới gắn vào thân váy.

Trong cái khuôn chân váy này được chia làm hai phần: Phần một là phần giáp với hàng sọc phía trên dành để thêu hoa văn chiếm hơn $\frac{2}{3}$ diện tích chân váy. Phần thứ hai là phần còn lại nằm sát dưới gấu váy, không thêu hoa văn mà để màu đen. Hai phần này được ngăn cách với nhau bằng một đường viền hoa văn hình học, hình sóng nước, hình răng cưa nhỏ bé tinh vi, thường dùng màu trắng hoặc trắng xanh lơ để thể hiện.

Trong phạm vi diện tích chân váy dùng để thêu hoa văn bao giờ cũng được chia thành mảng chính và mảng phụ. Mảng chính nằm ở giữa dành thêu các con vật hoặc hoa lá, còn phần phụ nằm ở xung quanh phần chính, thường chỉ chiếm $\frac{1}{2}$ đôi khi $\frac{1}{4}$. Đây là kiểu bố cục chân váy phổ biến nhất của người Thái trắng.

Muốn tạo nên mảng hoa văn trung tâm, người phụ nữ Thái trắng có hai cách làm: cách thứ nhất là dùng một mảng màu đậm đặc (thường là màu trắng) tạo nên hình con rồng hoặc con voi, hổ, mặt trời... nổi bật lên nền chàm xanh. Màu trắng liền nhau tạo thành một mảng lớn như toàn bộ thân con rồng, con voi... màu trắng chỉ điểm một ít, màu đen tạo vẩy rồng hoặc tạo vằn lông con hổ. Do cách tạo mảng trung tâm bằng màu lớn đậm đặc nên khi nhìn vào chân váy, cái mà khiến người ta chú ý ngay, cái đập vào mắt người ta trước tiên là mảng chính (thành phần trung tâm trong đồ án hoa văn). Mảng trung tâm đại diện, chỉ đạo phần hoa văn phụ, tạo nên cái khung trong toàn bộ đồ án hoa văn và chiếm một diện tích lớn hơn so với phần hoa văn phụ. Bởi vậy nó còn là phần đại diện tạo nên tên gọi cái váy. Khi gọi váy con rồng thì không cần nhìn chúng ta cũng hiểu ngay là trong phần chân váy, con rồng đóng vai trò trung tâm trong đồ án hoa văn.

Khi chọn con rồng, con hổ để thêu thì các con vật này được xuất hiện nhiều lần, nối đuôi nhau chạy theo chiều ngang chân váy cho đến hết diện tích. Những “*nhịp đồ án*” nó giống hệt nhau về hình dáng, kích thước lẫn màu sắc.

Mảng trung tâm đồ án hoa văn bao giờ cũng được thêu trước vì nó sẽ quy định việc xử lý phần phụ.

Cách tạo mảng hoa văn lớn bằng màu nhạt (màu trắng hay trắng phớt xanh) đã tránh được cảm giác chói chang khi nhìn vào đồ án hoa văn.

Kiểu tạo mảng trung tâm thứ hai là lối phối hợp nhiều màu sắc đan xen bên nhau tạo nên mảng trung tâm.

Đầu tiên người ta giới hạn mảng trung tâm bằng những đường viền, tạo nên một cái khung hình bông hoa, con nhện cách điệu. Sau đó dùng nhiều màu sắc xen kẽ bên nhau để thêu một cánh hoa, nhiều cánh hoa có nhiều màu tạo nên một bông hoa. Nhưng khi thêu phải đảm bảo cho sự đối xứng màu giữa các cánh hoa. Kiểu phối hợp màu này rất khéo léo tài tình và rất đẹp.

Tuy dùng đủ màu sắc sắc sỡ nhưng nó không làm cho ta chói mắt vì mỗi màu chỉ chiếm một ít, đứng xen kẽ hoà lẫn với nhau tạo nên mảng trung tâm. Để thêu được kiểu hoa văn này cũng khá phức tạp vì trong khuôn khổ một chân váy nhỏ bé phải sử dụng một lúc nhiều màu sắc đứng xen kẽ, lại đảm bảo cho sự đối xứng về màu sắc và làm sao tránh được sự rối mắt. Tránh cả tình trạng phần trung tâm bị vụn quá, chìm đi không được nổi bật lên để thể hiện rõ vai trò của mình. Nhưng phần lớn cách xử lý đồ án này là phần chính chiếm gần hết diện tích, chỉ trừ lại một phần nhỏ bé thêu mảng phụ. Trên đây là hai kiểu tạo mảng hoa văn chính, tiếp theo là mảng hoa văn phụ.

Phần phụ trong bố cục hoa văn thường được thêu hoa lá, cỏ cây cách điệu với đủ loại màu sắc. Khác với phần chính, phần phụ này không được lặp đi lặp lại nhiều lần một hình nào đó mà các màu sắc các loại hoa luôn luôn được biến hoá chuyển đổi cho nhau, rải màu ra khắp phần phụ. Phần phụ này có giá trị như là một cái nền thứ hai (nền thứ nhất là nền màu chàm đen có sẵn của váy) tôn thêm vẻ đẹp của phần chính. Đồng thời mảng hoa văn phụ này cũng như nghệ thuật chạy màu trong hội hoạ là kéo phần màu đậm đặc ở phần trung tâm rải ra khắp chân váy. Do đó tuy phân biệt mảng chính hay mảng phụ nhưng hai cái lại không rời rạc nhau mà hoà vào nhau cùng tôn màu sắc vẻ đẹp của nhau trong đồ án. Vì vậy mảng phụ đóng vai trò rất quan trọng trong tổng thể đồ án hoa văn.

Nhìn vào phần bố cục và trang trí chân váy Thái Thường Xuân, chúng tôi cho rằng tư duy hình tượng của người Thái ở đây là khá cao.

Hầu hết các chân váy của người Thái trắng đều để lại một khoảng nền chàm nằm sát phía dưới (tức là phần hai kể từ trên xuống). Khoảng màu chàm đen có lẽ là tượng trưng cho mặt đất. Màu chàm, màu đen là màu của đất tạo nền, một nền tảng vững chắc đặt phía dưới cùng chân váy, để bên trên nó (phần một giành thêu hoa văn) là một khoảng sáng, thoáng đãng của không

gian, bầu trời nơi có cỏ cây hoa lá, có muông thú... với đầy đủ các màu sắc phong phú của thiên nhiên. Ở khoảng giữa bầu trời và mặt đất là phần sọc hình răng cưa, hình các sóng nước có màu sáng trắng hoặc trắng xanh lơ tượng trưng cho mặt nước suối, sông.

- Màu sắc hoa văn trên chân váy: Trên khăn cũng như trên chân váy màu làm nền, màu chủ đạo nhất là màu chàm. Sau đó là các màu đỏ (đanh), màu xanh (lé), màu vàng (luong), màu tím (tím) và màu trắng (đon). Đó là những màu sắc quen thuộc gần gũi có thể nhìn thấy hàng ngày ở vùng rừng núi hùng vĩ trùng điệp của Thường Xuân. Đồng bào Thái ở đây đã lấy nguyên liệu trong thiên nhiên để chế ra các màu sắc tươi đẹp diễn tả và ghi lại chính những màu sắc muôn màu, muôn vẻ và sinh động của thiên nhiên trên những đồ án hoa văn của mình. Màu chàm là một màu được làm nền của trang phục, sắc màu mộc mạc của đất đá này được các cư dân miền núi nước ta rất ưa dùng. Màu xanh là màu của cỏ cây, màu của núi rừng xanh bát ngát và bầu trời cao xanh. Những rừng cọ đồi cây trải ra bạt ngàn, phủ xanh cả một vùng mênh mông thực sự làm rung động lòng người khi đặt chân đến vùng đất tươi tốt này.

Nổi bật lên trên màu chàm, màu xanh đó là màu đỏ, một màu được sử dụng khá phổ biến. Nó cũng nói lên đặc điểm của một cư dân miền nhiệt đới. Màu đỏ là màu của mặt trời rực nắng sớm chiều toả sáng trên đầu. Người dân ở đây nhìn mặt trời để biết thời gian, mong mặt trời lên xua tan bóng tối, giá lạnh để thu hoạch bông chàm, phơi lúa phơi ngô... Màu đỏ của mặt trời và hình ảnh của mặt trời toả sáng những đồ án hoa văn biểu hiện khát vọng ánh sáng thiêng liêng, sự tôn thờ mặt trời của cư dân nông nghiệp vùng nhiệt đới. Màu đỏ còn là màu ấm áp của bếp lửa nhà sàn cháy rực ngày đêm. Bước lên nhà sàn Thái vào những ngày giá rét của mùa đông lòng người ấm lại biết bao khi nhìn bếp lửa đỏ cháy rừng rực. Có phải sống những ngày đêm giá rét của

mùa đông ở miền núi, lúc ấy mới thấy cái khao khát, thèm muốn được ngồi gần bên bếp lửa và ngắm nhìn các sắc màu đỏ rực ấm áp của lửa than. Vào những đêm đông giá lạnh cả gia đình người Thái quây quần bên bếp lửa đỏ, những câu chuyện cổ tích, chuyện ruộng nương được đem ra kể, bàn bạc xung quanh bếp lửa. Cái màu đỏ ấy đã đem lại sự ấm áp, niềm tin yêu hy vọng cho cuộc sống. Đứa trẻ con Thái thường được sinh ra bên cạnh bếp lửa đỏ ấm áp và khi trở về già chính trên giàn lửa thiêu thiêu liêng rực cháy ấy lại giúp con người trở về với đất (họ Cầm Bá ở đây xưa kia chết có tục hoá thiêu). Màu đỏ cũng là màu của muôn cánh hoa rừng. Cứ vào mùa xuân - hạ, lại cháy rực từng mảng trên những sườn đồi, nổi bật lên màu xanh của cây lá. Có lẽ chính vì những điều đó mà màu đỏ luôn luôn có mặt và nổi bật lên trong mọi đồ án hoa văn, trở thành màu sắc chủ đạo nhất sau màu chàm.

Chiều trên bản Thái, nếu chúng ta đứng nhìn những dãy núi trùng điệp cứ dần dần tím lại khi ánh mặt trời dần tắt thì chúng ta mới thấy hết được vẻ đẹp được điểm màu tím tím trên những đồ án hoa văn. Ở đây mùa thu vàng, mùa của lá úa nhưng lòng người không khỏi không rung động trước những vẻ đẹp của nó. Những vạt rừng lá đỏ vàng, vàng rực dưới ánh nắng chiều nhuộm trên cành lá. Tỷ lệ màu vàng và màu tím tuy không nhiều nhưng nó luôn luôn có mặt trong mọi đồ án hoa văn và đã thể hiện được vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên.

Màu trắng cũng là màu chiếm tỷ lệ khá lớn. Đó là màu của cánh hoa ban mai rừng, màu hoa đã in sâu vào mỗi tiềm thức của cư dân Thái. Màu trắng còn là màu tượng trưng cho nước, cho những con sông con suối chẳng chịt, chảy róc rách ngày đêm. Nếu màu đỏ tạo nên sự ấm áp thiêng liêng thì màu trắng lại gợi nên một sự mát mẻ, tinh khiết. Các sắc màu gần gũi thân thuộc tồn tại trong tự nhiên ấy đã được cô đọng, khái quát trên những mảng

hoa văn rực rỡ, màu nọ tôn màu kia, bổ xung cho nhau làm nên một tổng thể hoàn chỉnh, một vùng thiên nhiên thu nhỏ.

3.1.3.2. Váy của người Thái đen

Hoa văn trên váy: Chúng tôi không nói rằng hoa văn trên chân váy Thái đen, bởi khác với Thái trắng, hoa văn Thái đen không chỉ có ở phần chân váy mà được rải khắp thân váy. Mặc dù hoa văn trang trí khắp thân váy nhưng vẫn có sự phân biệt phần thân váy và chân váy, tuy sự phân biệt đó không rõ ràng, rành mạch như kiểu chân váy Thái trắng. Phía dưới chân váy hoa văn được thêu dày đậm đặc hơn với một mô típ nào đó khác với mô típ hoa văn trên thân váy. Phần chân váy thường cao khoảng 1/4 so với chiều dài thân váy, đôi khi chỉ thấp khoảng 10cm giống như một đường viền lớn dưới gấu váy. Cách trang trí phổ biến nhất là mảng hoa văn chân váy được lặp đi lặp lại một mô típ hoa văn nào đó chạy ngang vòng quanh chân váy. Phổ biến là các mô típ hình răng cưa, hình xoắn thừng, gạch dọc ngắn... Chân váy không được chia thành mảng chính, mảng phụ, không có mảng màu lớn đậm đặc tạo nên phần trung tâm. Phía trên chân váy hoa văn thưa hơn thường được trang trí hình quả trám, hình gạch ngắn, các hình này xếp thẳng theo hàng ngang và đứng so le trong hàng dọc. Trên các đồ án hoa văn của Thái đen hoàn toàn vắng bóng các loại hoa văn động thực vật, mặt trời, mặt trăng.

Màu sắc trang trí chủ yếu là màu nâu, màu đỏ nhạt, màu trắng, màu vàng. Rất ít khi người Thái đen sử dụng màu xanh và màu tím. Các màu sắc này được đập vụn ra đứng xen kẽ bên nhau, tạo thành hoa văn hình học. Do phần chân váy nhỏ, hoa văn lại rải khắp thân váy nên chiếc váy của người Thái đen có vẻ đẹp nhẹ nhàng thanh thoát.

Chúng tôi cho rằng đây là loại váy ảnh hưởng của phong cách trang trí của váy Lào. Có thể tổ tiên của người Thái đen xưa kia di cư từ vùng Lào

sang. Chúng tôi thấy một số loại váy có thêu thân kim tuyến, giống hệt kiểu bố cục trang trí, sử dụng màu sắc của người Thái đen ở đây, đồng bào cho biết những chiếc váy đó được mua từ bên Lào.

Như vậy, tuy diện tích để thực hiện đồ án hoa văn của người Thái đen rất lớn so với Thái trắng, nhưng mô típ hoa văn lại nghèo hơn. Tuy vậy, váy của người Thái đen vẫn có được vẻ đẹp độc đáo, mộc mạc mà thanh thoát, giữ được nét đẹp riêng của mình.

3.1.4. Mô típ hoa văn tả thực và hoa văn cách điệu trên váy Thái

Hoa văn tả thực nghĩa là *“các hoa văn không bị cách điệu, hình học hoá hay bị kỹ thuật thêu dệt chi phối mạnh mẽ...mà các đường nét của động thực vật được uốn lượn như thật dễ nhận biết”* [57; tr119-120]. Có thể nói người ta bê nguyên xi dáng hình của động thực vật vào, miêu tả nó một cách khá tỉ mỉ, đầy đủ.

Hoa văn cách điệu lại đối lập hay ngược lại với hoa văn tả thực. Loại này động thực vật được cách điệu hay hình học hoá, bị chi phối bởi kỹ thuật dệt đan ở mức độ cao thấp khác nhau. Nhưng có điểm chung là người ta lược bỏ bớt những chi tiết nhỏ, bộ phận phụ của động thực vật, chỉ giữ lại những bộ phận cơ bản đặc trưng nhất và thể hiện dưới dạng mô hình tượng trưng, khái quát hoá cao. Động thực vật được tạo nên bởi các đường gấp khúc, các hình học xếp lại. Hoa văn được cách điệu chứng tỏ tư duy trừu tượng và sự khái quát hoá các hình dạng động thực vật của người Thái Thường Xuyên khá cao.

Trong hai loại hình cách điệu và tả thực, chúng ta thường bắt gặp những mô típ hoa văn chủ yếu là:

Mô típ hoa văn thực vật: phổ biến là các loại hoa đào (boók đao), hoa rau sam (boók phắc lam), cây đa (co bá) và vô số các loại hoa lá cách điệu khác. Loại mô típ này hay được dùng trang trí phần phụ trong đồ án.

Mô típ hoa văn động vật: có các loại hình rồng (luông), voi (chang), hươu (quảng), mèo (meo), gà (cay), vịt (pét), cá (pà), nhện (pu). Loại mô típ này khá quan trọng hay được dùng để thể hiện mảng trung tâm trong đồ án hoa văn.

Mô típ hoa văn hình học : thường bắt gặp các hình tam giác, hình chữ S, hình chữ T, hình dấu X, hình dấu gạch, hình răng cưa. Hoa văn này thường được dùng để trang trí các đường viền trên chân váy Thái trắng và trong đồ án hoa văn Thái đen.

Mô típ hoa văn hình mặt trời, mặt trăng: loại này chủ yếu được thêu, tạo mảng trung tâm của đồ án hoa văn.

Trong các loại mô típ hoa văn, hình tượng rồng, mặt trời xuất hiện nhiều lần nhất và rộng rãi nhất. Nhận xét về hình tượng rồng, T.S Lê Ngọc Thắng cho rằng: *“tần số rồng xuất hiện nhiều lần trên đồ án như thể thể hiện khát vọng cầu mưa, khát vọng cuộc sống của một cư dân nông nghiệp”* [57; tr120]. Phải chăng hình ảnh mặt trời (tả bên) toả ra những tia sáng mạnh mẽ mà ta bắt gặp rất nhiều trên trung tâm đồ án hoa văn chân váy cũng là khát vọng ánh sáng, sự cầu mong những ngày nắng ráo, mưa nắng thuận hoà bao giờ cũng là sự khao khát thường xuyên của một cư dân nông nghiệp ước mơ ruộng rẫy có được một mùa màng bội thu.

3.2. Trang phục của dân tộc Thái trong dân ca và văn học dân gian

3.2.1. Trang phục trong dân ca

Trong dân ca (*khắp*) của dân tộc Thái thì trang phục, đặc biệt là chiếc khăn piêu và chiếc váy được xem như những hình ảnh nghệ thuật đặc sắc, được xuất hiện trong các câu ca. Khăn piêu xuất hiện như những biểu tượng đẹp về tâm hồn và phẩm chất của người thiếu nữ Thái trong các câu hát giao duyên (*khắp báo xáo*). Qua chiếc khăn các cô gái muốn bày tỏ tấm lòng của

mình trước các chàng trai những người họ được yêu thương ngày mong đêm nhớ.

ai ơ ai ơ !

Noọng sớ pớ xáo bán hau

Noọng lau nằm kín khẩu bán hau

Noọng kệp bóc khín phái

Noọng mện pín xỉn bóc, xỉn ngược

Noọng ở tâng ai, noọng sớ cân kỳ hươn ạ

(Anh ơi anh!

Em là con gái của bản ta

Em uống nước, em ăn cơm bản ta

Em hái bông dẹt vải

Em thêu thành váy hoa váy rồng

Em nhớ anh lắm, em trở thành người của nhà anh rồi.

Sự táo bạo của cô gái trong câu hát trên như tạo thêm niềm tin cho chàng trai - người đang rất yêu thương nàng có thêm quyết tâm để tìm thấy hạnh phúc thực sự ở tương lai.

3.1.2. Trang phục trong văn học dân gian

Là sản phẩm được tạo nên từ những con người lao động cần cù, chịu thương chịu khó, từ những bàn tay khéo léo: *úp bàn tay thành hoa, ngửa bàn tay thành lá (khoảnh暮pín lai - hái暮pín boóc)* của các chị, các mẹ. Trang phục của người Thái Thường Xuân là tác phẩm nghệ thuật dân gian và được xem như một bộ phận của hệ thống folklore Thái. Chính vì vậy có thể xem các bộ trang phục của người Thái như những sản phẩm của dân gian và có tính dị bản như các tác phẩm truyện thơ, ca dao, tục ngữ... dân gian Thái. Khi nghiên cứu khảo sát các câu ca dao, tục ngữ, phương ngôn, đồng dao của người Thái Thường Xuân, chúng tôi nhận thấy rất nhiều câu bài ca dao tục

ngữ sử dụng nhiều hình ảnh liên quan đến trang phục (khăn piêu, váy) như những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, như trong bài đồng dao *"Tạ Đáo"* cô gái giấu miếng cau trong khăn và lá trầu trong hộp để thách đố người yêu và để đoán biết mức độ tình yêu của chàng dành cho nàng. Nếu chọn miếng cau trong khăn chàng trai đã *"phải lòng"* nàng còn nếu chọn lá trầu trong hộp nàng và chàng đã yêu nhau:

*"Đáo lé nị đáo lơ?
Đáo lé nị đáo phí
Phớ mển chụ kín pu cuống hóp
Phớ mển phứa mển mia cú
Phớ mển chụ kín mác cuống khăn
Hở cú phẩn hín cấm nơ, cân nự
(Sao xanh này sao gì
Sao xanh lẽ sao ma
Ai nên duyên ăn trầu trong hộp
Ai nên chồng nên vợ
Phải lòng nhau ăn cau trong khăn
Hãy cho tôi đêm nay nằm mơ thấy người ấy.*

Trong các câu ca dao, tục ngữ phương ngôn, trang phục cũng như cách mặc trang phục được sử dụng để khuyên răn người đời nhất là các cô gái mới lớn về cách cư xử trong sinh hoạt thường ngày cũng như trong lao động. Từ cách mặc váy trong lúc lao động, người Thái phân ra hai loại là người lười biếng và người chăm chỉ:

*"Xin tìn mú pi
Xin hí mú phan"
(Váy ngắn lộn béo
Váy dài lộn gầy)*

Đối với người Thái là con gái thì phải ý tứ trong giao tiếp với mọi người, đặc biệt là khi mặc váy tiếp khách:

"Nhỏ nước bọt phải nhìn chỗ trống

Lúc ngồi xuống phải nhìn váy dưới bàn chân"

Làm việc gì cũng phải cẩn thận, nhìn trước nhìn sau sao cho đẹp mắt:

"Đừng phơi áo dưới đất

Đừng phơi váy trước cửa ra vào"

Bên cạnh các câu ca dao, tục ngữ, phương ngôn, đồng dao còn nhiều bài thơ hiện đại sử dụng chất liệu nghệ thuật từ chiếc khăn piêu, hoa văn trên chân váy... trong đề tài này chúng tôi chưa có điều kiện nghiên cứu sâu hơn. Ngay cả việc sưu tầm, phân loại số lượng các câu ca dao, tục ngữ có hình ảnh trang phục cũng đang gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy chúng tôi mới chỉ nghiên cứu được một số vấn đề, sau này có điều kiện và thời gian chúng tôi nghiên cứu sâu và rộng hơn.

3.3. Hoa văn trên trang sức

Với chất liệu bạc vàng, nhôm, đồng, xương, hoa văn trên trang sức Thái Thường Xuân chủ yếu là chạm trổ, khắc vạch. Theo các cụ ở đây thì các đồ trang sức và hoa văn trên trang sức phần lớn do thợ kim hoàn của người Thái làm hoặc được mua đổi từ bên Lào về.

3.3.1. Vòng tay

Có loại vòng làm theo kiểu vòng tròn khép kín, thân tròn nhẵn như chiếc đĩa uốn, lại thường không được trang trí hoa văn. Loại vòng to bản thân dẹt được trang trí hoa văn hình học đơn giản với các mô típ hình thoi, hình tam giác, hình răng cưa, những chấm vạch nối tiếp nhau, tạo hoa văn chạy dọc thân vòng. Đường làm diềm cho thân vòng là các hình gấp khúc kếp hay vạch thẳng chạy song song. Có loại vòng có hai sợi kim loại thân tròn (thường bằng đồng) vặn xoắn lại với nhau rất săn, chắc như vặn thừng gọi là *"pa khen vắn"* (vòng tay vặn). Loại này không trang trí hoa văn mà những đường trang trí

hoa văn là những đường xoắn tạo thành hoa văn uốn lượn nhịp nhàng, mềm mại. Loại này chúng tôi thấy xuất hiện cả người Thái Yên Châu - Sơn La. Một số vòng thân dệt hoa văn được đúc nổi với hình những hạt lúa châu đầu vào nhau.

3.3.2. Vòng cổ

Bộ phận được trang trí hoa văn thường là hai đầu vòng được đánh bẹp ra, chạm khắc hoa văn hoặc uốn lượn hình đầu rắn. Có khi hai đầu vòng uốn lượn theo kiểu mô típ hình chữ S để móc vào nhau.

3.3.3. Hoa tai

Loại hoa tai truyền thống của phụ nữ Thái Thường Xuân là hình lõi chỉ, chất liệu bạc. Mặt hoa tai to như đồng xu, được trang trí hình hoa đào cánh kép với những đường vạch kép chạy song song bên nhau tạo thành cánh hoa.

3.4. Trang phục của phụ nữ dân tộc Thái Thanh Hoá trong cái nhìn so sánh với trang phục của phụ nữ dân tộc Thái Tây Bắc.

Bảng biểu so sánh trang phục phụ nữ Thái Thanh Hoá và Thái Tây Bắc

Các thành tố trang phục		Thái Thanh Hoá	Thái Tây Bắc
Y phục thường ngày	Khăn piêu	<ul style="list-style-type: none"> - khăn dài khoảng 1.5m. Khăn nhuộm màu chàm. Hoa văn đa dạng phong phú, có loại hoa văn “ta leo” sáu cánh, hoa văn hình cây hay hoa văn hình ông trăng, hình học, hình tam giác, hình quả trám hay hình sóng nước - Khăn dùng để đội hàng ngày và cả trong ngày cưới - Cách đội khăn đơn giản 	<ul style="list-style-type: none"> - Khăn dài màu chàm đen, hai đầu thêu hoa văn cầu kỳ, màu sắc sặc sỡ - Khăn có các tai piêu và “khà cút piêu” ở bốn góc khăn - Khăn dùng để đội hàng ngày, ngày cưới dùng để quàng trên vai - Đội khăn rất cầu kỳ

	áo (xửa cổm)	<p>- Áo bằng vải thô màu xanh lam, viền cổ áo màu đỏ, cánh tay áo dài, may kiểu mở bụng, có 2 túi áo nhỏ ở hai tà áo. Áo có đính cúc không hoa văn.</p> <p>- Áo xẻ vai chui đầu, thân áo ngắn 25cm, tay áo dài, không có túi ở vạt áo. Áo được nhuộm màu đen, màu xanh hoặc màu trắng. Cổ áo được trang trí bằng viền màu đỏ hoặc đính hoa mắt rếch bằng bạc</p>	<p>- Bằng vải thô nhuộm đen, may kiểu tứ thân, xẻ ngực, cổ tròn, nẹp cao, khi mặc áo cổ áo ôm sát. Nẹp áo đính cúc, trang trí hình mai rùa, hình bướm.</p>
	váy (xỉn)	<p>- Váy có nhiều loại như: váy rồng, váy hươu, váy con voi, váy mặt trời. Váy gồm 3 phần (cạp váy, thân váy và chân váy). Ngoài ra còn có loại váy “xỉn đán”, “xỉn mực”, “xỉn cỏ”. Váy chia làm hai phần chính là cạp váy và thân váy. Cạp váy màu trắng, thân váy nhuộm màu chàm và được trang trí bằng các hoa văn sọc ngang khắp thân váy.</p>	

		<p>- Bằng vải thô cẩm, hình trụ cạp váy và gấu váy không bằng nhau.</p> <p>Váy gồm 3 phần: đầu váy (cạp váy) thân váy và chân váy. Đầu váy có màu trắng thân váy màu đen, chân váy chiếm 1/3 diện tích và thêu hoa văn cầu kỳ với màu sắc rực rỡ.</p> <p>Khi mặc váy phần cạp váy được kéo dài đến tận ngực trên dùng dây thắt lưng thắt dưới bụng.</p>	<p>- Bằng vải thô nhuộm đen, loại váy hình trụ, cạp váy và gấu váy bằng nhau</p> <p>- Váy gồm 2 phần: cạp váy và thân váy. Cạp bằng vải thô trắng, thân váy do bốn khổ vải chàm đen tạo thành, váy không trang trí hoa văn.</p> <p>Khi mặc kéo hai điểm cạp váy bó sát người ở cạnh sườn bên phải phần váy thừa gấp về trước bụng và dùng thắt lưng thắt chặt phía ngoài, kéo mép “xura còm” phủ lên trên.</p>
	Thắt lưng (xài éo)	<p>- Thắt lưng của người bằng vải thô cẩm dài, nhuộm xanh lá cây hoặc màu trắng, không có trang trí ở hai đầu. Còn thắt lưng của phụ nữ Thái đen về cơ bản giống Thái trắng, chỉ có khác là thắt lưng của Thái đen chỉ có một màu trắng.</p>	<p>- Bằng vải tơ tằm nhuộm chàm màu xanh lá cây (đối với thiếu nữ), màu tím (phụ nữ trung niên và người già) sự quy định này là bất di bất dịch.</p>

Trang phục Lễ hội, cưới xin	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày lễ hội, phụ nữ Thái trắng và Thái đen không qui định trang phục mặc riêng. Nhưng trong những ngày này những bộ váy, áo, khăn, thắt lưng được đem ra sử dụng phải là những bộ mới nhất, đẹp nhất. - Ngày cưới cô dâu mặc chiếc áo “xửa côm” (Thái trắng chọn “xửa côm” màu trắng còn Thái đen có thể mặc cả màu trắng và màu đen). Còn khăn piêu, váy đều phải mới và chưa mặc lần nào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mặc xửa côm mới tinh, đen nhánh, thắt lưng xanh, váy mới mặc lần đầu (Thái đen) hoặc khoác thêm chiếc áo dài xửa luôm (Thái trắng) - Ngày cưới cô dâu không đội khăn piêu mà dùng để quàng lên vai và búi tóc (tàng cẩu). Ngoài bộ khăn piêu, cô dâu Thái còn khoác ngoài chiếc áo “xửa chai” (vải chàm đen, kiểu 5 thân) hay “xửa luôm” (bằng vải sa tanh đen, kiểu chui đầu hình ống, áo thụng cổ áo hình trái tim)
Tang phục	<ul style="list-style-type: none"> - Cô dâu trưởng trong đám ma mẹ chồng hay bố chồng đội khăn piêu âm dương. Áo trắng xẻ ngực. Váy đen không thêu hoa văn, ở ngoài mặc áo “xửa luôm”. Các cô dâu thứ và con gái đầu đội khăn tang trắng, mặc váy màu đen không thêu hoa văn và áo mặc màu trắng 	<ul style="list-style-type: none"> - Cô dâu trưởng mặc xửa chai - áo dài đen và đội khăn piêu như ngày thường, các cô dâu thứ mặc xửa côm trắng không có khuy bạc mà dùng dây buộc áo may sơ sài không khâu gấu, không dựng cổ áo. Đầu đội khăn trắng mặc váy đen bình thường.

Tiểu kết chương 3: với trình độ, bàn tay và con mắt thẩm mỹ của mình, người phụ nữ Thái nơi đây đã tạo ra những bộ trang phục đẹp, độc đáo cho riêng mình. Trang phục của người Thái Thường Xuân còn là sự kết hợp giữa cái đẹp của phong cảnh, màu sắc của thiên nhiên với sự khéo của đôi tay và óc sáng tạo của người phụ nữ nơi đây. Với bàn tay tạo hình nghệ thuật khéo léo của mình, người phụ nữ Thái Thường Xuân đã đưa màu sắc của thiên nhiên lên trên trang phục của mình, đó là các mô típ hoa văn tả thực và cách điệu. Vẻ đẹp trang phục của phụ nữ Thái còn được thể hiện trong cả những câu dân ca hay trong văn hoá dân gian hay cả trên những đồ trang sức. Vì thế trang phục của chị em vừa có vẻ đẹp của tự nhiên, vẻ đẹp của tâm hồn đồng thời còn ẩn chứa cả vẻ đẹp của tâm linh - Điều này đã tạo nên một nét riêng, độc đáo của trang phục phụ nữ Thái Thường Xuân.

KẾT LUẬN

1. Ở Thường Xuân, nhóm người Thái có hai ngành là Thái trắng và Thái đen. Trong huyện, người Thái trắng phân bố chủ yếu ở phía tây nam của huyện, chủ yếu ở các xã Xuân Chinh, Xuân Lẹ, Luận Khê, Luận Thành. Còn Thái đen phân bố chủ yếu ở các xã Bát Mọt, Yên Nhân, Xuân Lộc, Xuân Chinh... Tộc người Thái trong huyện chiếm số lượng lớn nhất (82%), sau đến người kinh (13%) và tộc Mường (5%). Mặc dù cư trú theo làng, đôi nơi xen kẽ với các dân tộc anh em trong vùng. Nhưng các yếu tố văn hoá cổ truyền của người Thái Thường Xuân xứ Thanh, trong đó có trang phục cổ truyền vẫn được giữ gìn từ thế hệ này sang thế hệ khác.

2. Là cư dân nông nghiệp trồng trọt. Người Thái ở Việt Nam nói chung và người Thái Thường Xuân nói riêng vẫn tồn tại một loại hình kinh tế tự túc, tự cấp kéo dài nhiều thế kỷ trong xã hội cổ truyền. Trong bối cảnh đó, trang phục là một giá trị văn hoá vật chất quan trọng được ra đời, định hình và phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu mặc của con người và thể hiện các giá trị văn hoá khác của cộng đồng.

3. Do nhu cầu cuộc sống, người Thái Thường Xuân đã tự sáng tạo ra y phục và trang sức với một ngôn ngữ riêng của dân tộc mình. Đó là quá trình trồng bông, dệt vải, nhuộm chàm. Quá trình cắt may y phục, thêu thùa, trang trí trang phục với nhiều kỹ thuật khác nhau. Các họa tiết trang trí trên trang phục thực sự phong phú đa dạng. Từ những hình học đơn giản tới những mảng hoa văn hình sóng nước hay những hình hoa lá, hình động vật... Người ta đã biết phối hợp các yếu tố lại thành những hoa văn phong phú, phức tạp được thể hiện đặc sắc trên bộ y phục nữ. Bên cạnh các họa tiết hoa văn trang trí trên trang phục thì đồ trang sức của người Thái cũng khẳng định một lần nữa về tính dân tộc độc đáo trong hoa văn truyền thống của họ. Đó là những

đôi hoa tai, vòng cổ, vòng tay, xà tích... Tất cả không chỉ thoã mãn nhu cầu sử dụng mà còn thoã mãn nhu cầu làm đẹp từ việc tạo dáng đến chạm khắc hoa văn. Qua đó chứng tỏ rằng người Thái Thường Xuân có một nền mỹ thuật bình dị chững chạc, hài hoà, chân thực, tập trung óc thẩm mỹ tâm hồn phong phú của con người. Vẻ đẹp trên trang phục của họ đều bắt nguồn từ lao động và do chính bàn tay, khối óc họ tạo nên.

4. Do cư trú xen kẽ với nhau nên hai ngành Thái trắng và Thái đen chịu ảnh hưởng lẫn nhau về trang phục khá lớn, sự phân biệt “*đen - trắng*” qua trang phục không thể hiện rõ như người Thái ở vùng khác. Tuy vậy, đi sâu vào tìm hiểu chúng ta còn nhận biết những nét riêng khá đặc trưng vốn có của từng ngành Thái đen và Thái trắng Thường Xuân. Nhìn chung trang phục của Thái trắng hoa văn sắc sỡ, thêu thùa công phu và thiên về sử dụng màu sáng, màu trắng. Còn trang phục của người Thái đen đơn giản với kiểu trang trí đơn giản, màu sắc thường sẫm hơn.

Trang phục Thái còn phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa con người với tự nhiên, lòng yêu thiên nhiên đất nước, con người của người Thái Thường Xuân. Qua các đồ án hoa văn chúng ta có thể thấy tư duy tưởng tượng, sự khái quát hoá của người Thái ở đây khá cao. Họ đã đưa vào đồ án hoa văn của mình thế giới động vật, thực vật phong phú, quen thuộc và gần gũi trong cuộc sống sinh hoạt, lao động hàng ngày, thể hiện một cảm xúc ước mơ, tình cảm sâu lắng của mình vào trang phục.

5. Việc làm ra y phục và trang sức của người Thái cũng như những giá trị thẩm mỹ của nó không phải là thứ hàng hoá trao đi bán lại, mà trái lại người Thái xem trang phục là kỷ vật vừa mang giá trị vật chất, vừa mang giá trị tinh thần, là thước đo về phẩm hạnh của người phụ nữ, là một trong những yếu tố văn hoá riêng biệt để nhận biết về người phụ nữ Thái.

6. Qua khảo sát về trang phục cổ truyền của người phụ nữ Thái Thường Xuân, chúng tôi nhận thấy những trang phục cổ truyền của phụ nữ đang có nguy cơ mất dần và biến đổi giao thoa với các tộc người khác. Giờ đây nhiều cô gái Thái khó có thể làm ra được những bộ trang phục đẹp và khéo léo như trước, mà nhiều cô còn e ngại, xấu hổ khi mặc trang phục cổ truyền dân tộc mình. Tình trạng này là do ảnh hưởng của những trang phục mới, mốt của những tộc người khác. Trước thực trạng như vậy, trong những năm gần đây, trang phục của người Thái nói chung được giới khoa học và bảo tàng quan tâm nghiên cứu để sưu tầm, kiểm kê, bảo quản nhằm phát huy giá trị của nó trong hệ thống các giá trị văn hoá truyền thống của quốc gia trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

7. Việc nghiên cứu, sưu tầm trang phục cổ truyền của phụ nữ Thái Thường Xuân là một việc làm quan trọng, vì vậy công việc này cần được quan tâm nghiên cứu hơn nữa để có thêm nguồn tư liệu nhằm góp phần bổ sung vào bộ sưu tập trang phục cổ truyền, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kỳ phát triển đổi mới đất nước theo đúng tinh thần của nghị quyết 5 Trung ương Đảng khoá VIII mà Đảng và Nhà Nước đã đề ra: *“Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*.

**Danh sách những người cung cấp nguồn tư liệu Điền dã
ở huyện Thường Xuân (Thanh Hoá)**

TT	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ
1	Vi Văn Lau	Nam	70	Thái trắng	Nông dân	Xuân Lộc
2	Lò Thị Cảng	Nữ	74	Thái đen	Cán bộ huyện	Xuân Lộc
3	Cầm Thị Hồng	Nữ	74	Thái trắng	Nông dân	Xuân Lộc
4	Vi Hồng Oanh	Nam	73	Thái trắng	Nông dân	Xuân Lộc
5	Hoàng Văn Am	Nam	69	Thái trắng	Cán bộ về hưu	Xuân Lộc
6	Lục Văn Quang	Nam	69	Thái đen	Nông dân	Xuân Lộc
7	Lò Quang Sự	Nam	68	Thái đen	Nông dân	Xuân Lộc
8	Vi Hữu Phương	Nam	67	Thái trắng	Cán bộ về hưu	Xuân Lộc
9	Hà Văn Muối	Nam	64	Thái đen	Nông dân	Xuân Lộc
10	Hà Thị Khau	Nữ	64	Thái đen	Nông dân	Xuân Lộc
11	Lò Thị Tiến	Nữ	60	Thái đen	Nông dân	Xuân Lộc
12	Vi Hồng Thanh	Nữ	32	Thái đen	Cán bộ xã	Xuân Lộc
13	Cầm Thị Mai	Nữ	30	Thái trắng	Nông dân	Xuân Lộc
14	Cầm Thị Hoa	Nữ	30	Thái trắng	Nông dân	Xuân Lộc
15	Hoàng Thị Khuyển	Nữ	26	Thái trắng	Nông dân	Xuân Lộc
16	Vi Văn Lú	Nam	76	Thái trắng	Nông dân	Xuân Cẩm
17	Cầm Bá Mến	Nữ	74	Thái trắng	Cán bộ về hưu	Xuân Chính
18	Lò Thị Mền	Nữ	50	Thái đen	Nông dân	Xuân Chính
19	Vi Hồng Thoát	Nam	49	Thái trắng	Giáo viên	Xuân Chính
20	Hoàng Văn Sơn	Nam	44	Thái trắng	Nông dân	Xuân Khao
21	Cầm Bá Thúc	Nam	39	Thái trắng	Giáo viên	Xuân Cẩm
22	Lường Văn Trai	Nam	37	Thái trắng	Nông dân	Ngọc Phụng
23	Hoàng Thị Tiến	Nữ	24	Thái trắng	Sinh viên	Ngọc Phụng
24	Cầm Bá Thiên	nam	61	Thái trắng	Chủ tịch MTTQ	TT Thường Xuân
25	Cầm Bá Phụng	Nam	22	Thái trắng	Sinh viên	Luận Thành

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Anh (2001), *Tiếp cận văn hoá bản Thái xứ Thanh*, Nxb VH TT Thanh Hoá.
2. Hoàng Thị Ánh (2001), *Tìm hiểu các tục lệ cưới xin của người Thái ở xã Xuân Lẹ - huyện Thường Xuân - Tỉnh Thanh Hoá*, khoá luận tốt nghiệp khoa lịch sử trường ĐHKHXH và NV.
3. Vi Văn An (1993), *Trang phục của người phụ nữ Thái ở miền Tây Nghệ An*, Văn hoá dân gian, H, số 4.
4. Lê Thị Ngọc Ái (1994), *Trang phục của phụ nữ Thái ở miền tây Thanh Hoá*, VHGD - H, số 10.
5. Ban nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hoá (2001), *Tên làng xã Thanh Hoá T2*, Nxb Thanh Hoá.
6. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Thường Xuân (1991), *lịch sử đảng bộ huyện Thường Xuân*, t1, Xí nghiệp in Ba Đình Thanh Hoá.
7. Hà Thị Hầm - Lục Thị Khuyên - Bùi Tiến - Hà Nam Ninh - Cao Ngọc Bích - Hà Văn Ban - Vũ Ngọc Khánh (1983), *Khắp Thái Thanh Hoá*, Nxb Thanh Hóa.
8. Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hoá (2005), *Văn hoá phi vật thể Thanh Hoá*, Nxb Thanh Hoá.
9. Hà văn Năm - Cầm Thương - Lò Văn Sĩ - Tông Kim Ân - Kim Cương - Hương Huyền (1978), *Tục Ngữ Thái*, Nxb văn hoá dân tộc, Hà Nội.
10. Trương Chính - Đặng Đức Siêu (1978), *sổ tay văn hoá Việt Nam*, Nxb văn hoá, HN.
11. Phùng Sĩ Hoà - Nguyễn Hữu Chúc (1999), *Truyện cổ các dân tộc Thanh Hoá*, Nxb Thanh Hoá.

12. Nguyễn Đăng Duy (2004), *Nhận diện văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb văn hoá dân tộc, Hà Nội.
13. Lê Huy Duy (2000), *Tín ngưỡng dân gian của người Thái ở huyện Thường Xuân - Thanh Hoá*, khoá luận tốt nghiệp khoa lịch sử trường ĐHKHXH & NV.
14. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.
15. Phạm Văn Đầu (1995), *Văn hoá truyền thống Thường Xuân*, Tập I, Nxb VHTT Thanh Hoá.
16. Trần Thị Liên - Phạm Văn Đầu - Phạm Minh Trị (1989), *Văn hoá truyền thống huyện Thường Xuân. Truyện kể dân gian*, t1, Sở văn hoá - Thông tin Thanh Hoá.
17. ĐHQG Hà Nội. Trung tâm nghiên cứu Việt Nam về giao lưu văn hoá chương trình Thái học Việt Nam (1998), *Văn hoá và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb văn hoá dân tộc, Hà Nội.
18. Lã Văn Lô - Nguyễn Hữu Thấu - Mai Văn Trí - Mạc Như Đường (1959), *Các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hoá, H.
19. Mạc Đường (1964), *Các dân tộc miền núi bắc Trung Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, H.
20. Bé Viết Đăng (1988), *Một số vấn đề lịch sử tộc người và những đặc điểm chủ yếu của văn hoá các dân tộc Tày - Thái*, Dân tộc học, H, số 1.
21. Bé Viết Đăng (1990), *Một số vấn đề đời sống các dân tộc và chính sách dân tộc*, Dân tộc học, H, số 3.
22. Lê Doãn Tá và Phan Hữu Dật chủ biên (1995), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta*, Nxb chính trị quốc gia, H.
23. Lê Sỹ Giáo (1991), *Đặc điểm phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hoá*, Tạp chí dân tộc học, số 2.
24. Lê Sỹ Giáo (1979), *Tổ chức xã hội của người Thái Mường Ca Gia (Thanh Hoá)*, Tạp chí dân tộc học, số 2.

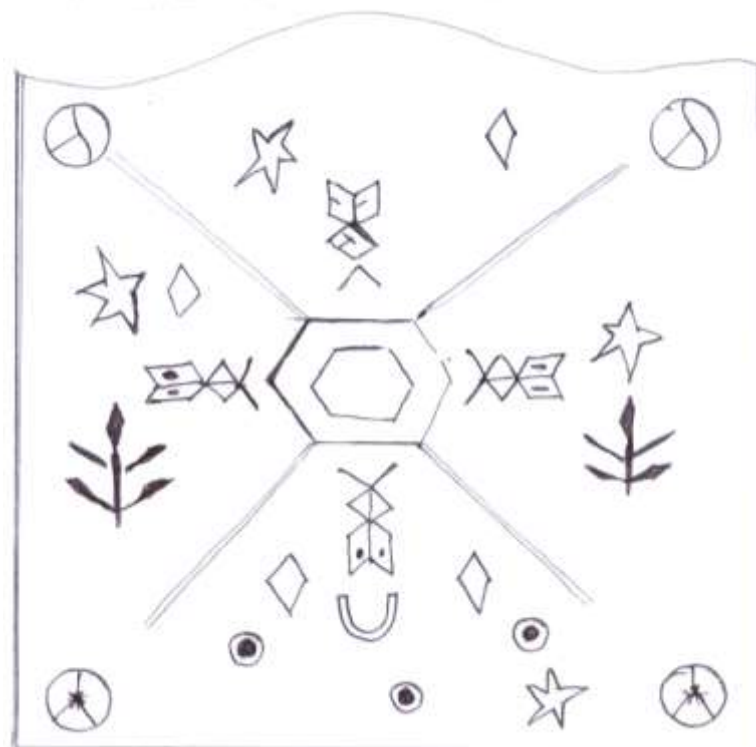
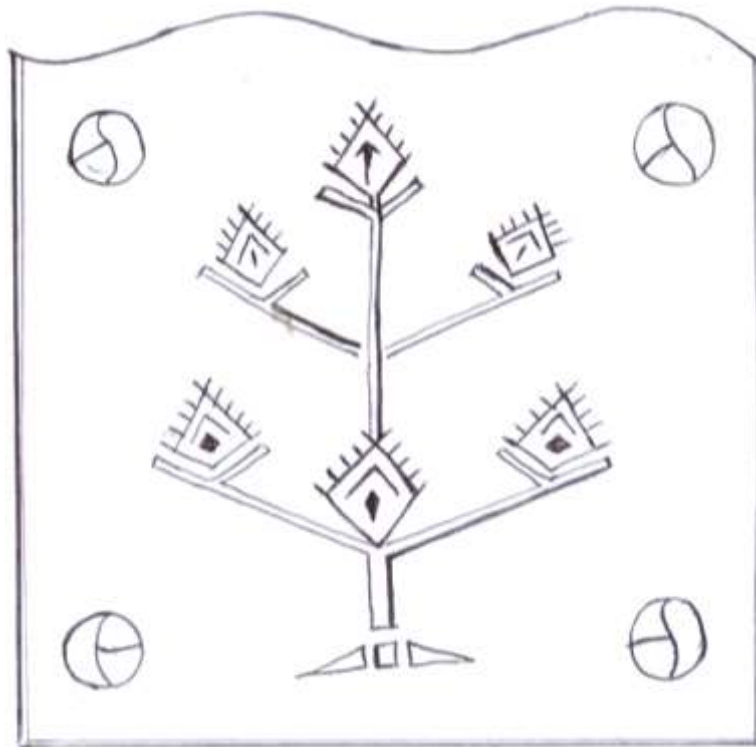
25. Lê Sỹ Giáo (1990), *Khảo sát sơ bộ về hôn nhân của người Thái ở Thanh hoá*, Phòng tư liệu khoa lịch sử trường ĐHXH & NV.
26. Vũ Trường Giang (1997), *Hệ thống cổ truyền của người Thái ở miền Tây Thanh Hoá*, khoá luận tốt nghiệp khoa lịch sử trường ĐHXH & NV.
27. ThS. Đỗ Thị Hoà (2003), *Trang phục các dân tộc người thiểu số nhóm ngôn ngữ Việt - Mường và Tày - Thái*, Nxb văn hoá dân tộc, Hà Nội.
28. Nguyễn Xuân Hồng (1977), *Những chuyển biến mới của người Thái xã Bát Mọt, Thường xuân, Thanh Hoá từ sau cách mạng tháng 8/1945 đến nay*, khoá luận tốt nghiệp tại trường ĐHXH & NV.
29. Tô Sỹ Hoà (1977), *Đôi nét về nông nghiệp ruộng nước của người Thái ở xã Vạn xuân - Huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hoá*, khoá luận tốt nghiệp của khoa lịch sử trường ĐHKHXH và NV.
30. Nguyễn Thị Thanh Hiền (2001), *Đề cương trưng bày “Đặc trưng văn hoá Thái ở Thanh hoá”*, Bảo tàng Thanh Hoá.
31. Nguyễn Văn Huy (chủ biên) (1998), *Bức tranh văn hoá các dân tộc Việt Nam*, Nxb giáo dục.
32. Vũ Ngọc Khánh (2005), *Truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam*, t2, Nxb Thanh niên.
33. Lã Văn Lô và Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ liệu giới thiệu các nhóm dân tộc Tày - Nùng - Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.
34. Hoàng Lương (2001), *Về người Thái đen ở Việt Nam*, Tạp chí dân tộc học.
35. Hoàng Lương (2003), *Hoa văn Thái*, Lao động, Hà Nội.
36. Hoàng lương (2000). *Người Thái quả, người Thái đỏ, Thái Mường ở Việt Nam*.
37. Đỗ Tất Lợi (1978), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb y học, Hn.
38. Hoàng Trần Nghịch (1997), *Thái kơ m kềm câu đồ Thái*, Nxb văn hoá dân tộc.

39. Lê Nai - Mai Xuân Đáng (1991), *Người Thái Tây Bắc Thanh Hoá và mối quan hệ văn hoá dân tộc trong kỷ yếu hội thảo Thái học lần thứ nhất*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
40. Mạc Phi (1979), *Dân ca Thái*, Nxb văn hoá Hà Nội.
41. Cầm Bá Phụng (2006), *Tìm hiểu văn hoá ẩm thực và trang phục của dân tộc Thái ở Thanh Hoá*, Khoa văn trường Đại học Hồng Đức Thanh Hoá.
42. Hoàng Văn Quang (1984), *Y phục và trang sức của người Thái đen ở huyện Điện Biên*, khoá luận tốt nghiệp của khoa lịch sử trường ĐHKHXH và NV.
43. Phạm Văn Sinh (2001), *Bước đầu tìm hiểu văn hoá người Thái - Bá Thước Thanh Hoá*, khoá luận tốt nghiệp trường DHHX & NV.
44. Chu Thái Sơn (1992), *Lễ phục các dân tộc Việt Nam*, Dân tộc học, H, số 3.
45. Chu Thái Sơn (1993), *Phụ nữ - người bảo lưu văn hoá truyền thống (qua nghiên cứu y phục các dân tộc)*, Tạp chí khoa học về phụ nữ, H, số 2.
46. Phạm Côn Sơn (2002), *Văn hoá phong tục Việt Nam ABC*, Nxb văn hoá dân tộc.
47. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Khoa học xã hội và nhân văn.
48. Cầm Trọng (1978), *Tư liệu nghiên cứu về lịch sử và xã hội người Thái*, Nxb Khoa học xã hội, H.
49. Cầm Trọng - Hoàng Lương - Lê Sỹ Giáo - Vương Toàn (1998), *Văn hoá và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
50. Ngô Đức Thịnh (1986), *Tạo hình và trang trí dân gian trên trang phục của dân tộc ta*, H, số 3.
51. Ngô Đức Thịnh (1985), *Nữ phục Thái Tây Bắc*, Văn hoá dân gian, H, số 2.

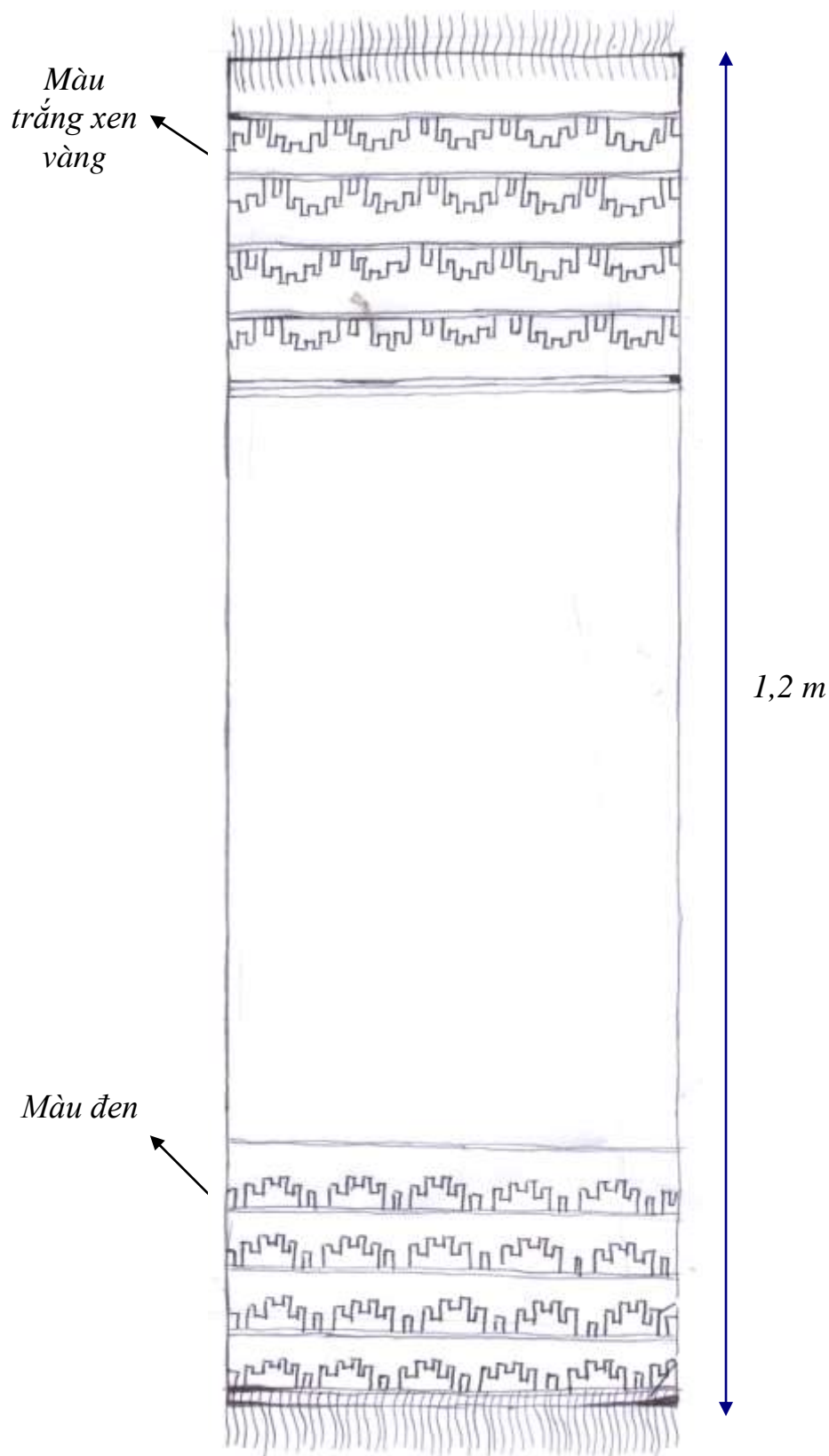
52. Ngô Đức Thịnh (2003), KHXH và nhân văn Quốc Gia : Viện nghiên cứu văn hoá dân gian, *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.
53. Ngô Đức Thịnh (1986), *Trang trí trên trang phục nhìn từ góc độ văn hoá dân gian*, *Văn hoá dân tộc*, H, số 1.
54. Ngô Đức Thịnh (1990), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb văn hoá dân tộc, Hà Nội.
55. Ngô Đức Thịnh - Cẩm Trọng (2003), Viện nghiên cứu văn hoá dân gian, *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb văn hoá dân tộc, Hà Nội.
56. Lê Ngọc Thắng (1990), *Bản sắc văn hoá các dân tộc Việt Nam*, Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
57. TS. Lê Ngọc Thắng (1990), *Nghệ thuật trang phục Thái*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
58. TS Lê Ngọc Thắng (1990), *Trang phục cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, ĐHKHXH & NV.
59. Lê Thị Thanh (2000), *Sơ bộ khảo sát ma chay cổ truyền của dân tộc Thái ở Thanh Hoá*, khoá luận tốt nghiệp trường ĐHKHXH & NV.
60. Đoàn Thị Tình (1987), *Tìm hiểu trang phục Việt Nam dân tộc Việt* - Nxb Văn Hoá, Hà Nội.
61. Ty văn hoá và thông tin Thanh Hoá (1978), *Xường về Mường khắp về bản lời hát dân ca Mường và Thái*, Nxb Thanh Hoá.
62. Thông tấn xã Việt Nam (2000), *Việt Nam hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc*, Nxb văn hoá dân tộc.
63. Tỉnh uỷ - Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (2000), *Địa chí Thanh Hoá t1 Địa lý và lịch sử*, Nxb văn hoá thông tin.

64. Tỉnh uỷ - Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (2004), *Địa chí Thanh Hoá t2 văn hoá xã hội*, Nxb khoa học xã hội.
65. Trung tâm hợp tác nghiên cứu Việt Nam (1992), *Hội thảo Thái học lần thứ nhất*, Nxb văn hoá dân tộc, Hà Nội.
66. Tài liệu lưu trữ ở phòng thống kê UBND huyện Thường Xuân.
67. Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam - Viện dân tộc (1983), *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
68. Viện dân tộc học (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb khoa học xã hội, H.
69. Đặng Nghiêm Vạn (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb khoa học xã hội.
70. Đinh Xuân Vịnh (2002), *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

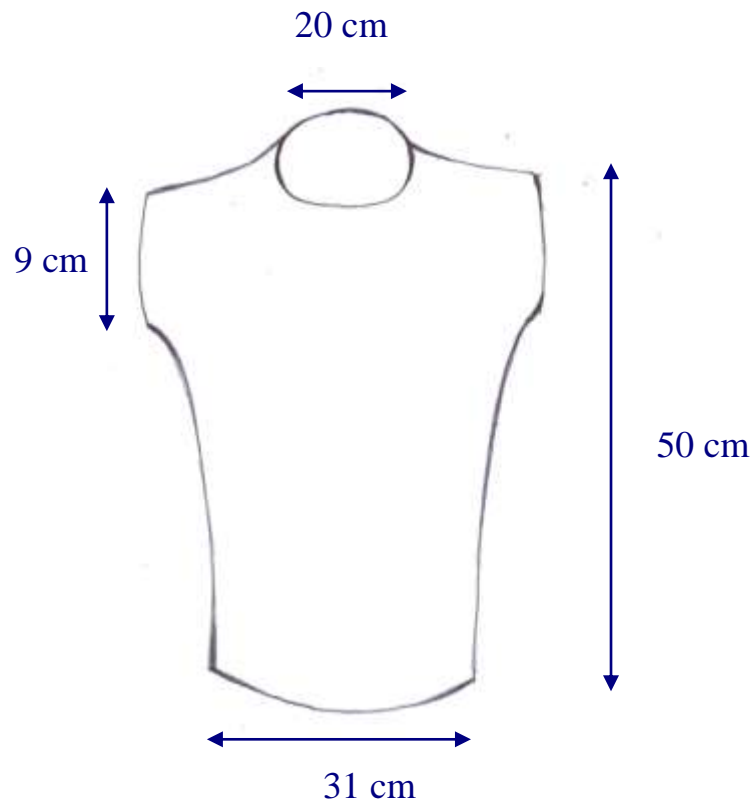
PHỤ LỤC



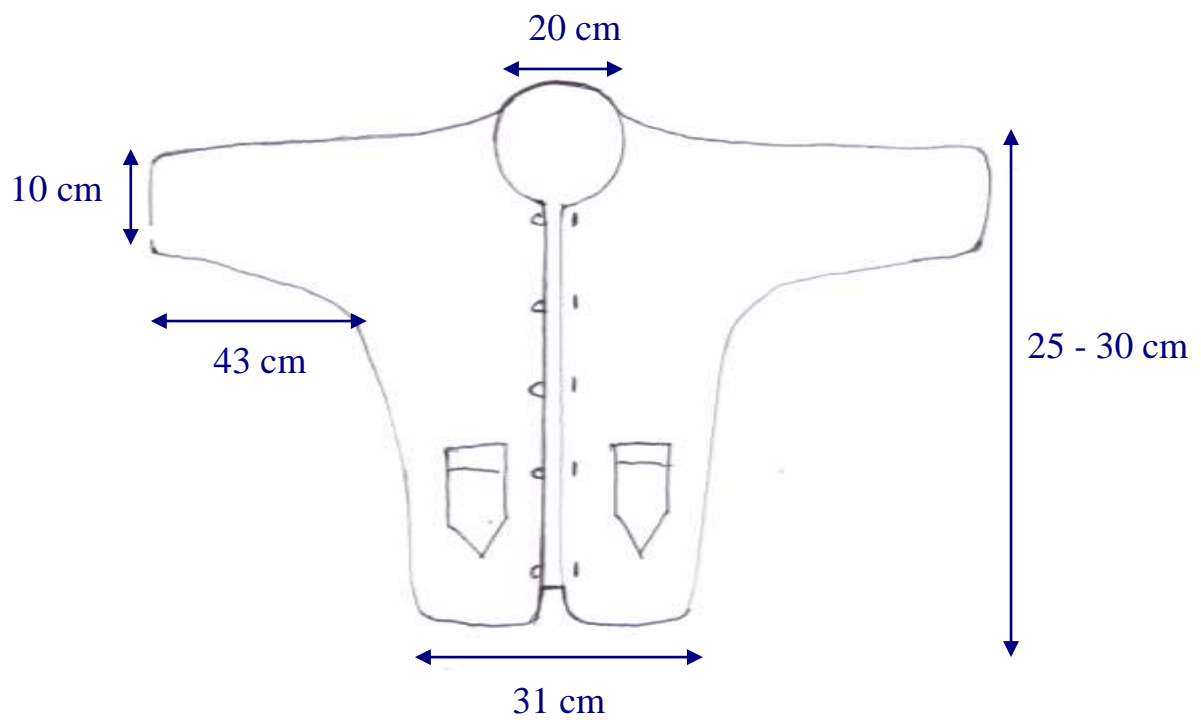
Hình 1a. Các kiểu hoa văn trên khăn Piêu



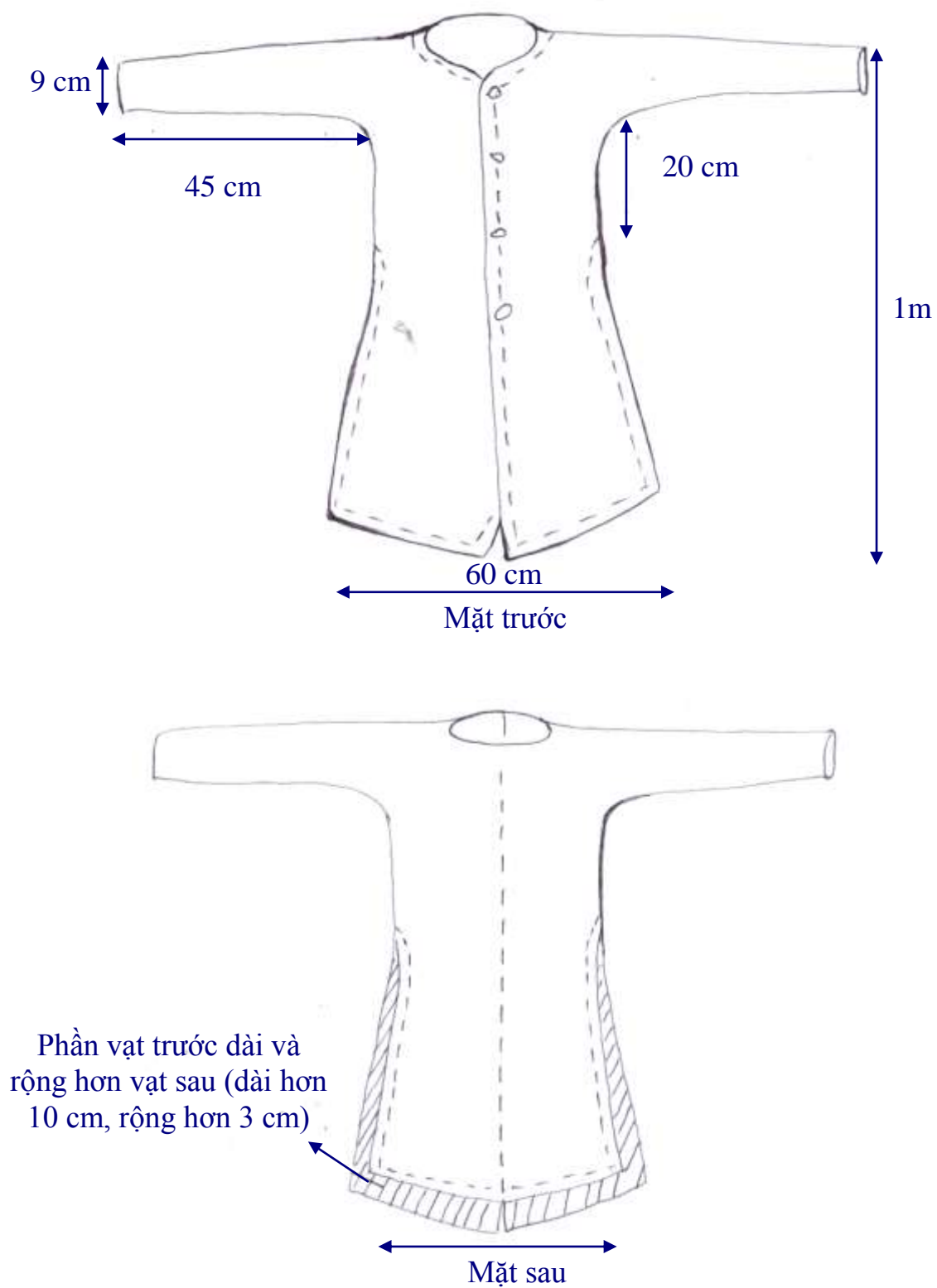
Hình 1b. Kiểu hoa văn trên khăn đội đầu của người chết



Hình 2a. Áo che vú (xửa hỏm nô)



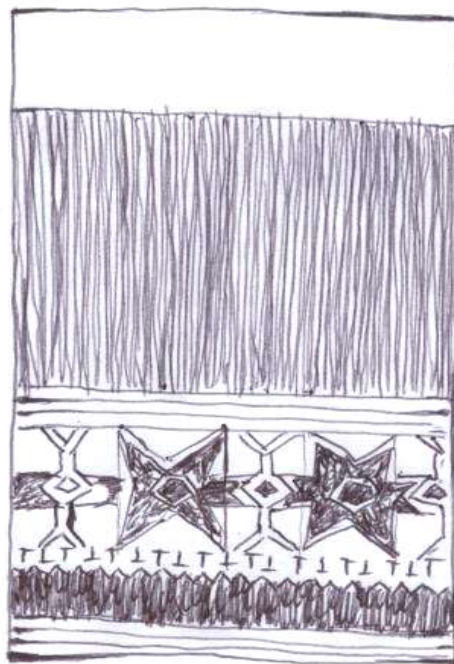
Hình 2b. Áo ngắn (xửa côm)



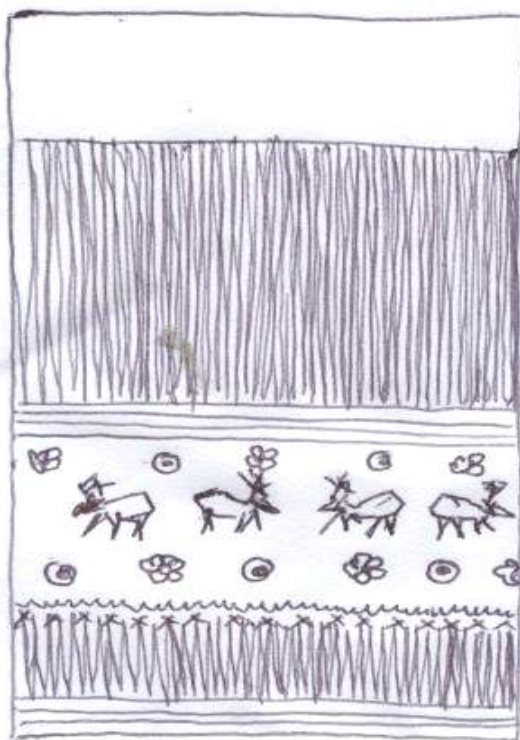
Hình 2c: Áo dài (xửa luồn)



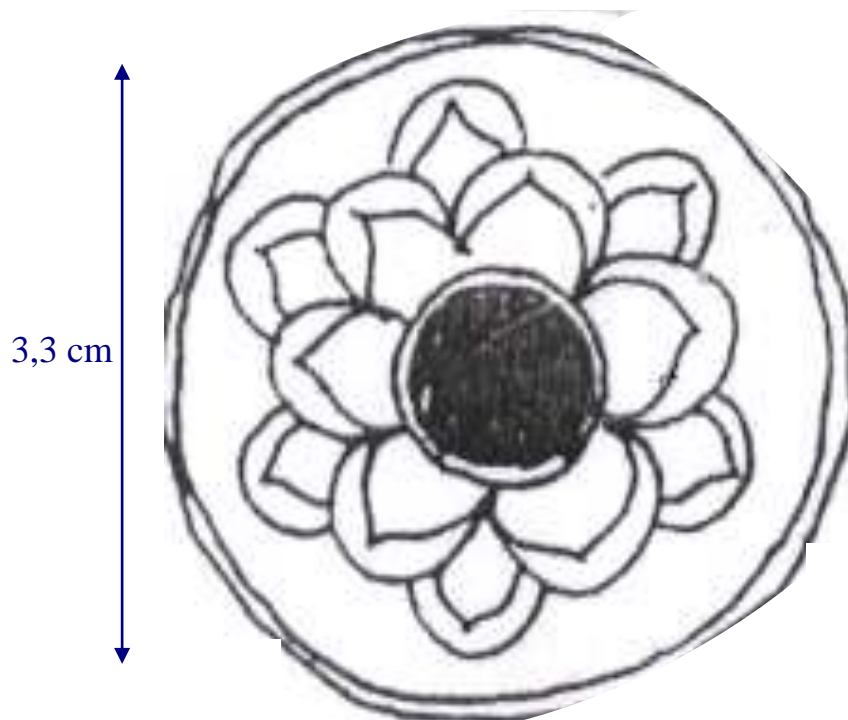
*Hình 3a. Hoa văn trên váy
rồng (xỉn luông)*



*Hình 3b. Hoa văn trên váy
mặt trời (xỉn na phà)*



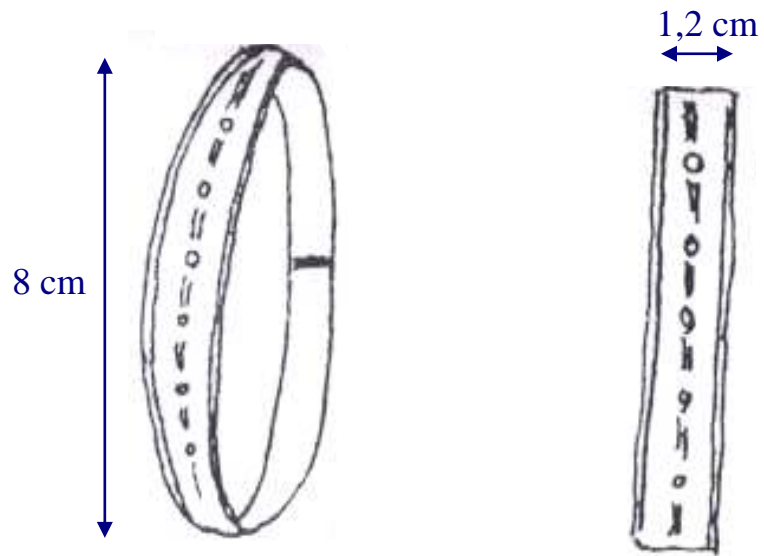
*Hình 3c. Hoa văn trên váy
hươu (xỉn quăng)*



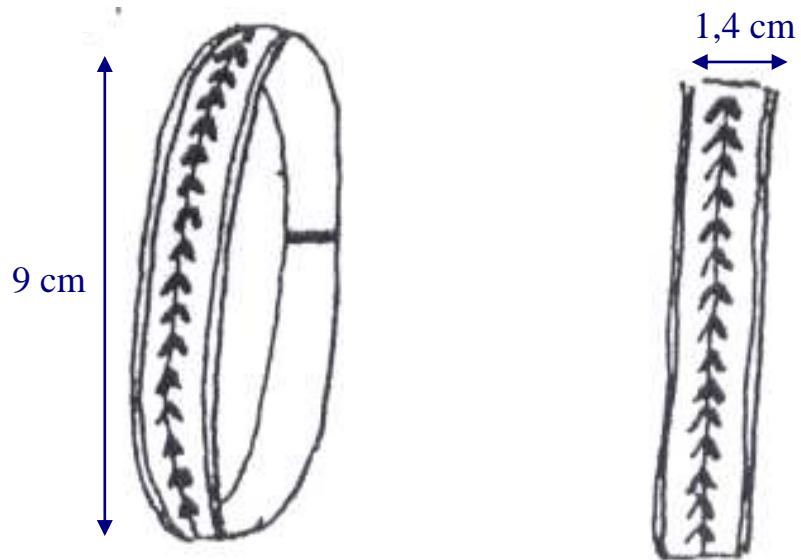
Hình 4a. Hoa tai hình lõi ống chỉ 6 cánh



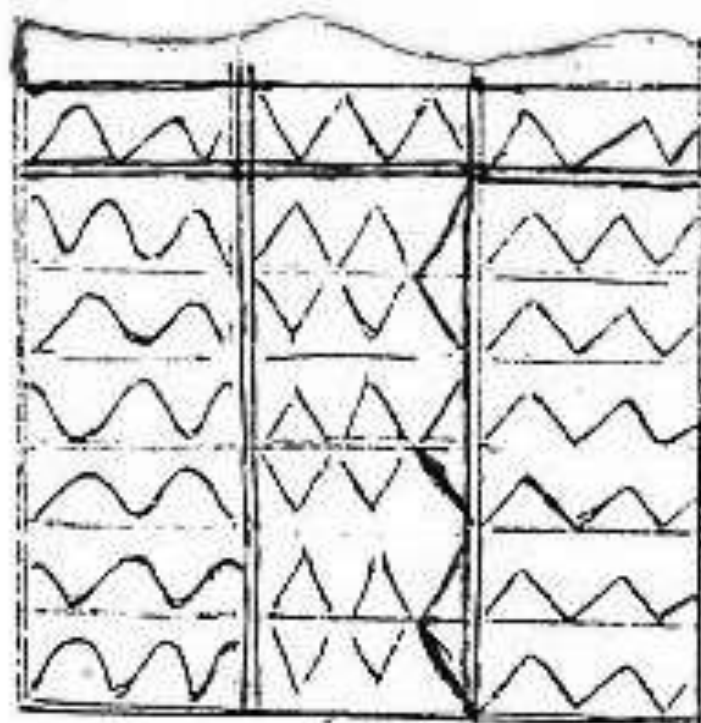
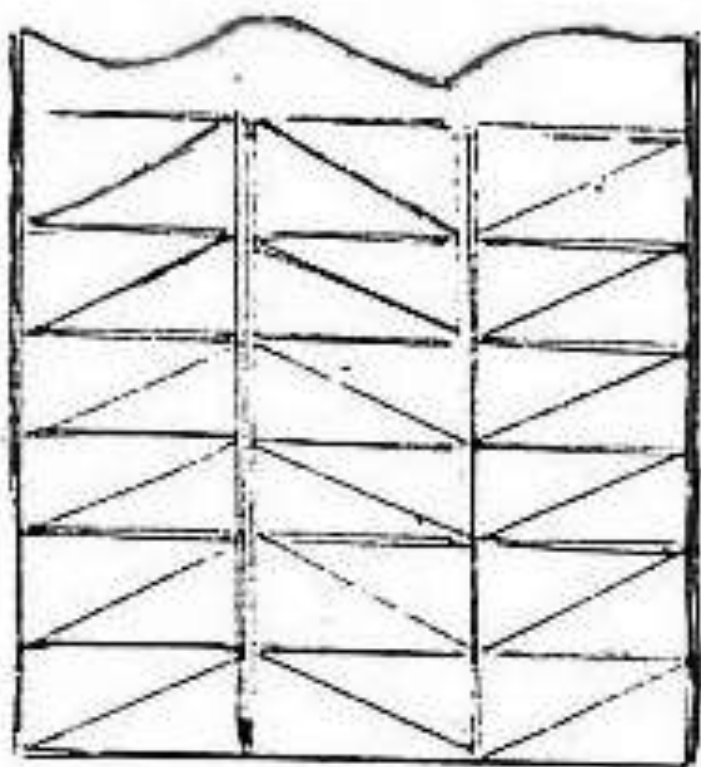
Hình 4b. Hoa tai ống chỉ 7 vòng (co hú)



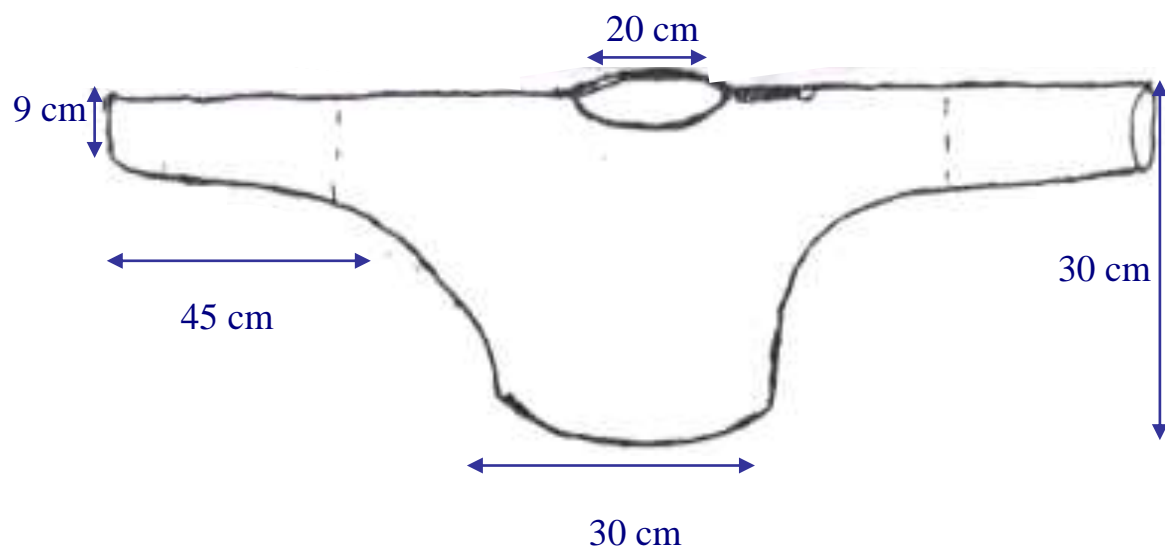
Hình 4 c. Hoa văn chấm vạch của vòng tay thân dẹt (Đooc khen)



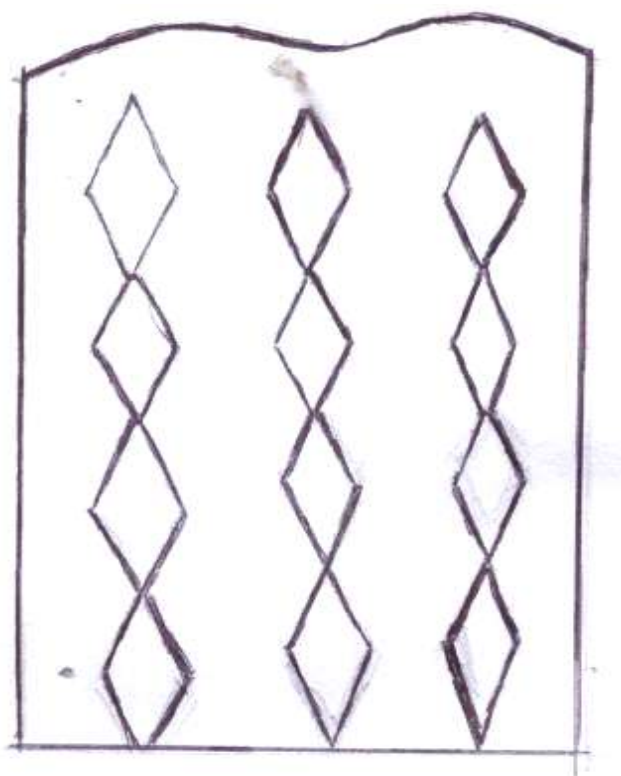
Hình 4 d. Hoa văn đúc nổi hình hạt lúa của vòng tay thân dẹt (Đooc khen)



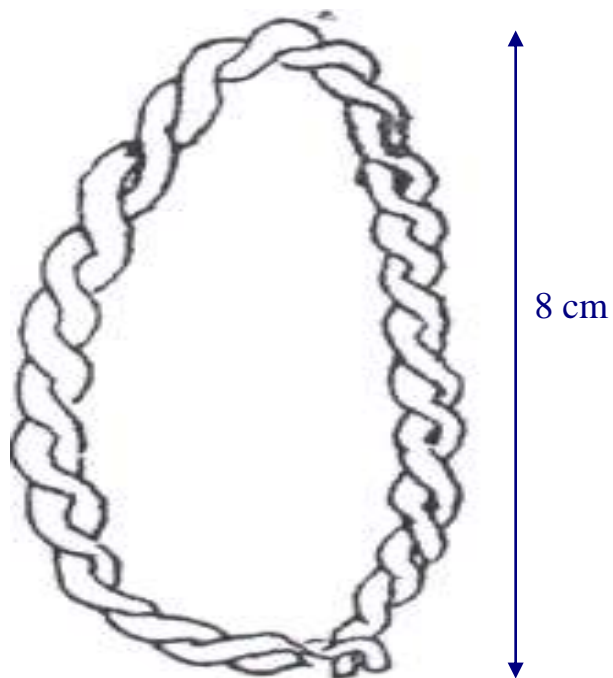
Hình 5. Kiểu hoa văn trên khăn Piêu



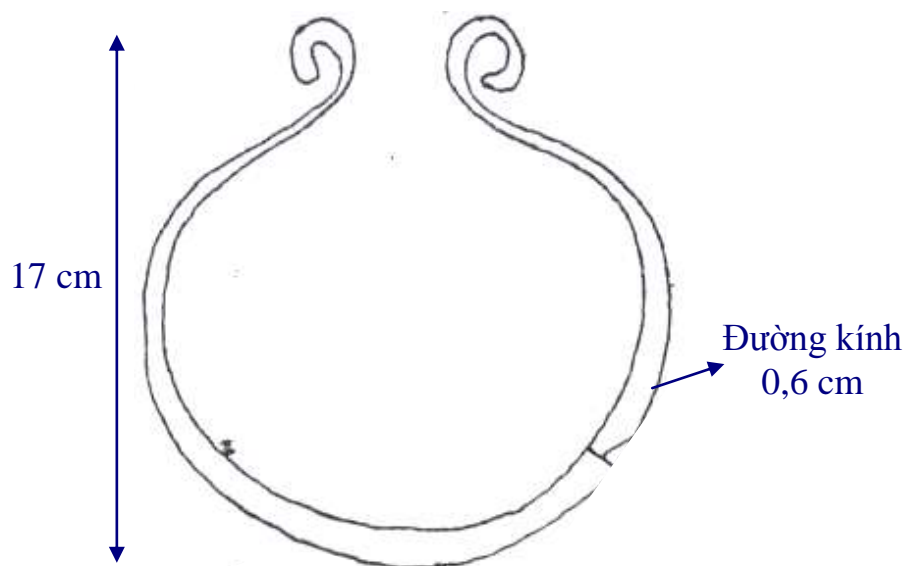
Hình 6: Áo ngắn (xỉa côm)



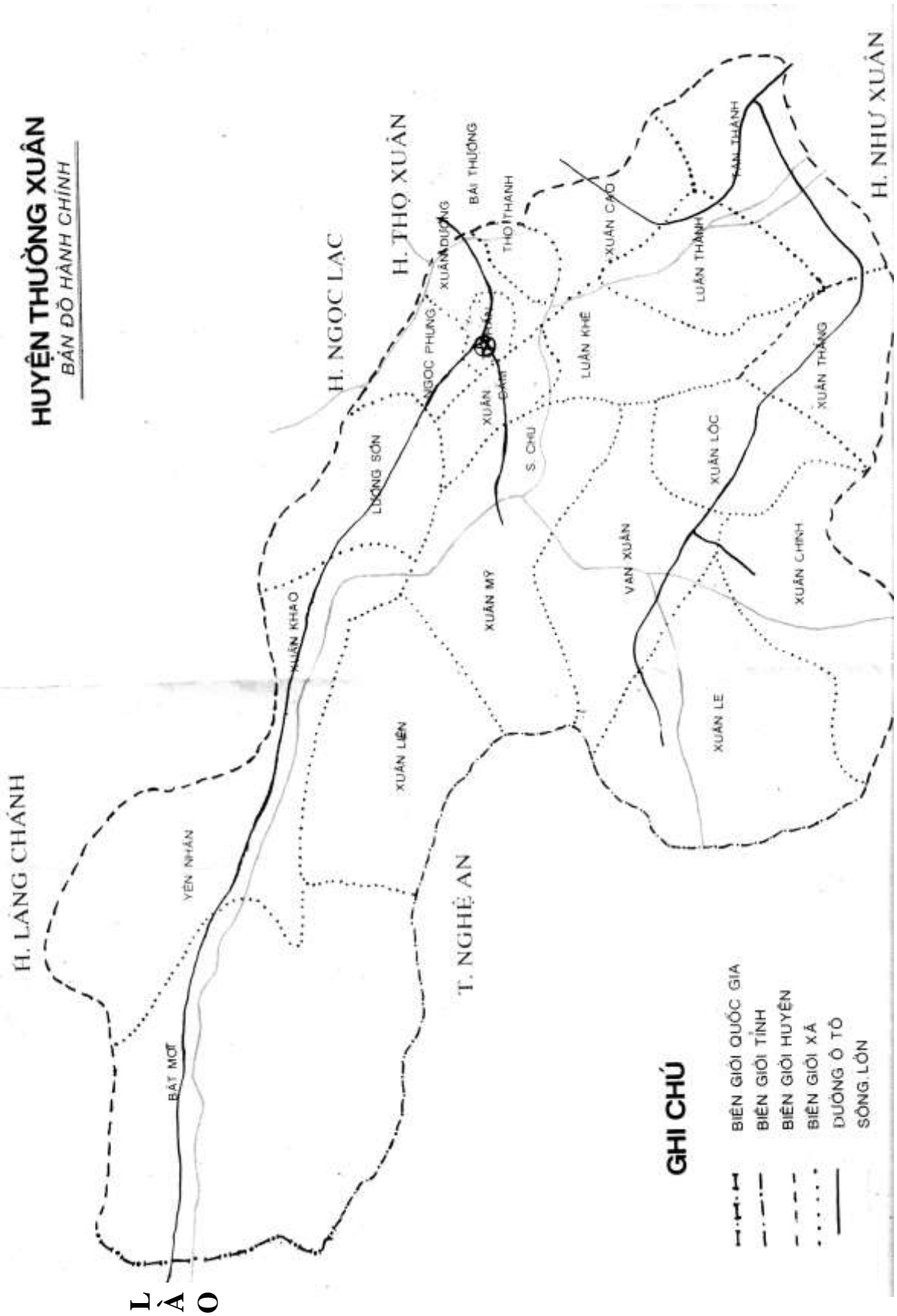
Hình 7: Kiểu hoa văn trên váy "xỉa côm"



Hình 8a. Vòng tay xoắn thừng



Hình 8b. Vòng cổ (póc co) kiểu 2 đầu uốn hình chữ S



MỤC LỤC

Mở Đầu	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	3
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu, nhiệm vụ của đề tài	4
3.1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	4
3.2. Nhiệm vụ đề tài	5
4. Nguồn tư liệu, phương pháp nghiên cứu.....	5
4.1. Nguồn tư liệu.....	5
4.2. Phương pháp nghiên cứu.....	5
5. Đóng góp của luận văn	6
6. Bố cục của luận văn	6
Chương 1: Khái quát về huyện Thường Xuân (Thanh Hoá)	7
1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên - xã hội	7
1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.....	7
1.1.2. Điều kiện xã hội	9
1.2. Dân số, tên gọi, ngôn ngữ và chữ viết của người Thái Thường Xuân (Thanh Hoá)	10
1.2.1. Dân số.....	10
1.2.2. Tên gọi.....	11
1.2.3. Ngôn ngữ và chữ viết	12
1.3. Một số nét văn hoá tiêu biểu của người Thái Thường Xuân (Thanh Hoá)	13
1.3.1. Khắp Thái	13
1.3.2. Các lễ hội.....	13
Chương 2: Trang phục cổ truyền của người phụ nữ dân tộc Thái huyện Thường Xuân (Thanh Hoá) trong đời sống xã hội	15

2.1. Quan niệm về trang phục.....	15
2.1.1. Quan niệm	15
2.1.2. Các thành tố trang phục của người phụ nữ.	18
2.2. Quá trình sản xuất trang phục	27
2.2.1. Chọn đất trồng bông.....	29
2.2.2. Chế biến bông.....	30
2.2.3. Công cụ - kỹ thuật cắt, may, thêu.....	35
2.2.4. Vai trò của người phụ nữ trong sản xuất trang phục.....	38
2.3. Trang phục của phụ nữ dân tộc Thái Thường Xuân trong đời sống xã hội	39
2.3.1. Trang phục trong sinh hoạt thường ngày	39
2.3.2. Trang phục trong hội hè, lễ tết	42
2.3.3. Trang phục trong hôn nhân	43
2.3.4. Trang phục trong tang lễ	47
2.4. Những biến đổi trong trang phục của người Thường Xuân (Thanh Hoá)	52
2.4.1. Thời kỳ trước năm 1945	52
2.4.2. Thời kỳ sau năm 1945	53
2.4.3. Thời kỳ từ năm 1975 đến nay.....	53
Chương 3 : Đặc trưng nghệ thuật trong trang phục cổ truyền của người phụ nữ Thái Thường Xuân	60
3.1. Nghệ thuật tạo hình và trình bày hoa văn, màu sắc trên trang phục.....	60
3.1.1. Truyền thuyết về nghề thêu dệt của dân tộc Thái	60
3.1.2. Khăn piêu.....	60
3.1.3. Nghệ thuật trang trí trên váy.....	64
3.1.4. Mô típ hoa văn tả thực và hoa văn cách điệu trên váy Thái.....	71
3.2. Trang phục của dân tộc Thái trong dân ca và văn học dân gian.....	72
3.2.1. Trang phục trong dân ca.....	72
3.1.2. Trang phục trong văn học dân gian	73

3.3. Hoa văn trên trang sức.....	75
3.3.1. Vòng tay	75
3.3.2. Vòng cổ	76
3.3.3. Hoa tai	76
3.4. Trang phục của phụ nữ dân tộc Thái Thanh Hoá trong cái nhìn so sánh với trang phục của phụ nữ dân tộc Thái Tây Bắc.....	76
Kết luận	82
Tài liệu tham khảo	86
Phụ lục	
1. Bản đồ (01 trang)	
2. Hình vẽ tư liệu (10 trang)	